

BỒ TÁT DIỆU ÂM
VÀ CON ĐƯỜNG HÀNH ĐỘNG

(GIỚI THIỆU PHẨM BỒ TÁT DIỆU ÂM TRONG
KINH PHÁP HOA)

Thích Thái Hòa

MỤC LỤC

TỔNG LUẬN	1
Ý NGHĨA VÀ DUYÊN KHỞI	26
NỘI DUNG CHỦ YẾU	34
PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH	51
BỒ TÁT DIỆU ÂM, PHẨM 24 CỦA KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA.....	58
PHẨM "DIỆU ÂM BỒ TÁT" THỨ HAI MƯƠI BỐN_ Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch	83
PHẨM 24: BỒ TÁT DIỆU ÂM-Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch.....	95
妙法蓮華經妙音菩薩品第二十四	106
DIỆU ÂM BỒ TÁT PHẨM ĐỆ NHỊ THẬP TỨ ..	115
THE WONDERFUL DHARMA LOTUS FLOWER SUTRA - CHAPTER 24: THE BODHISATTVA	

Bồ Tát Diệu Âm và Con Đường Hành Động

WONDROUS SOUND..... 125

२३ गद्गदस्वरपरिवर्तः। (Phạn Văn Mẫu Tự Devanāgarī) 141

23 GADGADASVARAPARIVARTAH 162

THƯ MỤC THAM KHẢO 182

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN... 185

TỔNG LUẬN

Xưa Mà Nay

Phẩm Bồ tát Diệu-âm của kinh Pháp hoa, Phạn bản Buddhist Sanskrit Text No. 6 là chương 23 với tên: Gadgadasvara; ba bản Hán ở Đại chính 9: bản ngài La-thập là chương 24 với tên: Diệu-âm Bồ tát; bản của ngài Trúc Pháp-hộ là chương 22 với tên: Diệu-hống Bồ tát; bản Xà-na-quật-đa và Cáp-đa là chương 23, đồng tên với bản ngài La-thập.

Diệu-âm hay Diệu-hống đều là dịch từ Gadgadasvara của Phạn văn. Gadgada, nghĩa đen là tiếng nói lấp bắp; Svvara là âm thanh hay tự tại, nhưng ý nghĩa từ ngữ ấy ở trong ngữ cảnh này là âm thanh phát ra nhiều cung bậc. Ấy là tên của một vị Bồ tát có âm thanh phát ra nhiều cung bậc điều luyện tuyệt diệu và có khả năng sử dụng tự tại đối với mọi âm hưởng và nhạc khí, do tu nhân cúng dường âm nhạc và bát khí phụng sự đức Phật hiệu Vân-lôi-âm-vương từ quá khứ đem lại, mà tạo thành tên gọi:

Gadgadasvara Bodhisattva hay Bồ tát Diệu-âm.

Điều này, đúng như đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni đã trả lời câu hỏi cho Bồ tát Hoa-đức về nhân hạnh tu tập, gieo trồng thiện căn, thành tựu phước đức của Bồ tát Diệu-âm như sau: "Bạch đức Thế-tôn! Bồ tát Diệu-âm đã gieo trồng căn lành gì; Tu tập công đức nào mà có năng lực thần thông như thế?"

Đức Phật dạy Bồ tát Hoa-đức rằng: "Thời quá khứ có đức Phật, danh hiệu là Vân-lôi-âm Như-lai, A-la-hán, chánh-biến-tri, cõi nước với tên là Hiện-nhất-thiết-thế-gian, kiếp tên là Hỷ-kiến, Bồ tát Diệu-âm ở nơi một vạn hai ngàn năm, sử dụng mười vạn chủng loại âm nhạc để cúng dường đức Phật hiệu Vân-lôi-âm-vương, cùng dâng lên cúng dường tám vạn bốn ngàn bình bát bảy báu, vì do nhân duyên quả báo ấy, nên nay sinh ở cõi nước đức Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí, có năng lực thần thông như thế".¹

¹Diệu-âm Bồ tát phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh, tr56a, Đại chính 9.

Và đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, lại nói nguyên nhân thành tựu thần lực của Bồ tát Diệu-âm: "Bấy giờ, trong cõi nước Nhất-thiết-tịnh-quang-trang-nghiêm, có vị Bồ tát tên là Diệu-âm, từ lâu do đã từng gieo trồng căn bản các công đức, cúng dường, thân cận vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, nên thành tựu trí tuệ sâu xa, đạt được các chủng loại chánh định, như: Tướng diệu tràng; Pháp hoa; Tịnh đức; Tú vương hý; Vô duyên; Trí ấn; Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn; Tập nhất thiết công đức..."²

Điều này, nói theo các nhà Phật học Pháp hoa là nêu Bản môn để hiển thị Tích môn. Nghĩa phần này đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, nêu lên phần Bản môn của kinh Pháp hoa, để hiển thị Tích môn của kinh này nói chung, và nêu lên biệt hành Bản môn Pháp hoa của Bồ tát Diệu-âm, để hiển thị Tích môn của vị Bồ tát này đang hiện hữu ở nơi cõi Ta-bà, nơi chúng hội Pháp hoa đang diễn ra ở núi Linh-thứu, nước Ma-kiệt-đà do đức Phật hiệu Thích-ca-

²Sách đã dẫn.

mâu-ni, đúng thời tuyên thuyết.

Ấy là nêu lên Bản môn để làm rõ Tích môn; nêu việc làm xưa để hiển thị việc làm hôm nay; nêu những việc rất xa để giải quyết những việc rất gần hay việc trước mắt. Đó là tuệ giác Pháp hoa đã cho ta thấy và cần phải học để ứng dụng Pháp hoa vào đời sống của chúng ta. Lịch sử quá khứ đang trở thành những sự kiện hiện tại. Những sự kiện hiện tại đang diễn ra đúng với những gì tác nhân, tác duyên, tác nghiệp của chính nó từ quá khứ. Và những sự kiện của hiện tại đều đang trở thành những sự kiện quá khứ của ngày mai.

Do đó, không có tuệ giác về cái cũ, thì cũng không bao giờ có tuệ giác về cái mới. Cái mới là mới từ cái cũ. Không có cái mới hay cái cũ nào đơn thuần hiện hữu cả. Ấy là cách nhìn Tích môn ở trong Bản môn và cách nhìn Bản môn ở trong Tích môn của kinh Pháp hoa.

Diệt Mà Không Mất

Quá khứ đi rồi, nhưng vẫn còn đó cho chúng ta, dù quá

khứ đã trải qua vô lượng kiếp. Nguyên đã thiết lập, nhân đã kết thành, thì quả không mất. Quả không mất, vì nhân đã trở thành quả; và nhân thành quả mà nhân không mất, vì nhân tiềm ẩn ở trong quả. Quả là hiện tượng cụ thể của nhân và nhân là năng lực vĩ đại tiềm ẩn ở trong quả. Nên nhân quả đòi hỏi theo nhau như bóng với hình, như âm với hưởng, hễ duyên đủ thì nhân biểu hiện thành quả; hễ duyên diệt, thì quả tiềm ẩn để trở thành nhân.

Ở phẩm này, Bản môn và Tích môn của Bồ tát Diệu-âm cũng vậy. Nhân và quả Pháp hoa ở nơi đời sống của Bồ tát Diệu-âm không bị diệt mất bởi thời gian và không gian, mà chỉ có nhân ẩn tàng để quả biểu hiện và quả ẩn tàng để tiếp tục trở thành nhân.

Nhân Pháp hoa ở nơi Bồ tát Diệu-âm hình thành vừa đủ và cần đúng lúc để biểu hiện, thì ở nơi cõi Ta-bà, núi Linh-thứ, từ tướng đại nhân và sợi lông giữa hai chặn mày của đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, phóng ra chiếu sáng cùng khắp các thế giới Chư Phật ở phương đông, nhiều như trăm tám vạn ức triệu số cát sông Hằng. Ánh

sáng chiếu đến cõi Tịnh-quang-trang-nghiêm, cõi ấy có đức Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí và đức Phật này đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh, ánh sáng ấy chiếu chạm tới thân thể của Bồ tát Diệu-âm, vị Bồ tát này, liền bạch với đức Phật hiệu Tịnh-hoa-vương-trí rằng: "Bạch đức Thế-tôn! Con cần phải đi qua thế giới Ta-bà để kính lễ, thân cận, cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và đại chúng Bồ tát đang hành đạo ở cõi này".

Chính điều này là duyên khởi, khiến cho nhân quả Pháp hoa của Bồ tát Diệu-âm trở thành hiện thực. Nghĩa là, nhân tu tập Pháp hoa của Bồ tát Diệu-âm ở nơi cõi "Tịnh-quang-trang-nghiêm", với đức Phật hiệu "Tịnh-hoa-tú-vương-trí", đủ duyên quả Pháp hoa hiện ra ở nơi cõi Ta-bà, với đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni.

Điều này, Phẩm Bồ tát Diệu-âm cho chúng ta thấy, ẩn nơi này lại hiện nơi kia, diệt cõi này lại sinh cõi khác. Nghĩa là, diệt mà không mất. Nên, diệt mà không bị rơi vào kiến chấp đoạn diệt. Còn mà không phải thường còn. Còn ở trong nhân duyên, nhân quả của Bản môn và Tích môn.

Nên, còn mà không bị rơi vào thường kiến. Thường kiến, đoạn kiến đều là những tri thức phiến diện, đều là những kiến chấp sai lầm đối với mọi sự hiện hữu, không phải là tuệ giác Trung đạo.

Diệt mà không mất, sinh mà không thường còn, đó là tuệ giác Pháp hoa mà phẩm Bồ tát Diệu-âm đã thể hiện, ân diệt từ nơi thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm, nhưng lại đang có mặt ở nơi thế giới Ta-bà.

Diệu Pháp Đồng Hành Và Bình Đẳng

Diệu pháp là đồng hành và đồng đẳng, nên đồng đến với tây mà không có đối ngại. Phật ở cõi này, Phật ở cõi kia không có đối ngại, chúng Bồ tát cõi này đến với chúng Bồ tát cõi kia không có đối ngại. Không có đối ngại vì Diệu pháp vốn bình đẳng, thực tính của các pháp xưa hay nay, đông hay tây, nam hay bắc, mới hay cũ, xa hay gần không có thêm bớt, không có tăng giảm và hạnh nguyện chư Phật thì xưa hay nay, cõi này hay cõi kia đều từ nơi bồ đề tâm khởi hiện, từ nơi đại nguyện mà khởi hành, nên hết thấy chư Phật đều đồng hành với Diệu pháp, đồng

tuyên dương Diệu pháp và đồng hoằng dương Phật pháp để lợi lạc chúng sinh.

Cho nên, dù cõi Tịnh-quang-trang-nghiêm, của đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, đang giáo hóa, hay ở cõi Ta-bà, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni đang giáo hóa, tên gọi cõi nước và danh hiệu các Ngài tuy có khác nhau, nhưng hạnh nguyện của các Ngài chỉ là "Một". Nghĩa là, sử dụng mọi phương tiện, tên gọi, ngôn ngữ, hình dáng khác nhau, nhưng hạnh nguyện các Ngài chỉ là "Một". "Một ấy", là để thành thực chúng sinh trang nghiêm tịnh độ. Thiết lập Tích môn để đưa về bản Bản môn; thiết lập Phương tiện để dẫn dắt đến Cứu cánh. Thuật ngữ chuyên môn của các nhà Phật học Pháp hoa gọi là "Hội tam quy nhất", nghĩa là đưa Tam thừa hội nhập Nhất thừa.

Thiết lập phương tiện để hội nhập Nhất thừa, đó là điểm đồng hành và bình đẳng của chư Phật trong mười phương và ba đời.

Chư Phật trong ba đời, mười phương sống thường trú trong Bản môn thì không có ưu, không có não, không có

chủ thể năng hóa độ và không có đối tượng để hóa độ. Nhưng chư Phật mười phương và ba đời hành đạo ở trong Tích môn, thì phải thiết lập pháp phương tiện để hóa độ. Tất cả chúng sinh trong ba đời mười phương đều nhờ pháp phương tiện của chư Phật thiết lập mà nhập đạo. Không có pháp phương tiện chúng sinh không có cửa đạo để vào.

Pháp phương tiện chư Phật trong ba đời mười phương đã thiết lập để hành đạo, hóa độ chúng sinh. Chúng sinh thường sống với ưu não, chư Phật thiết lập pháp ưu não để trị liệu và chuyển hóa những ưu não của chúng sinh đưa chúng sinh đến chỗ an lạc, không còn ưu não.

Nên, Phật phương đông hỏi thăm Phật phương tây, Phật cõi này hỏi thăm Phật cõi kia, ấy là các Ngài hỏi về Tích môn hành đạo, mà ta có thể thấy rõ điều này, qua đoạn kinh văn đầy tình cảm giữa các Ngài, khiến chúng đọc đầy những xúc động:

"Bồ tát Diệu-âm đến rồi, từ đài bảy báu bước xuống, dùng ngọc Anh lạc giá trị trăm ngàn, mang đến chỗ đức Phật

hiệu Thích-ca-mâu-ni, đầu mặt lễ sát chân, cung kính dâng ngọc Anh-lạc lên mà bạch với đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni rằng:

"Bạch đức Thế-tôn! Đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, kính thăm hỏi Thế-tôn rằng: Ít bệnh; ít não; đi đứng thư thái; hành đạo an lạc không? Tứ đại điều hòa không? Thế sự có thể kham nhẫn không? Chúng sinh có dễ nhiếp hóa không? Không có nhiều người tham lam, sân hận, ngu si, ganh tỵ, bần tiện, kiêu mạn chứ? Không có những người bất hiếu cha mẹ; không tôn kính bậc Sa-môn, tà kiến, lòng dạ không đẹp, không nhiếp phục năm thứ dục tình ư?

Bạch đức Thế tôn! Nơi thế giới này, chúng sinh có khả năng hàng phục các quân địch và ma oán không? Đức Như-lai hiệu Đa-bảo diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe kinh Pháp hoa không?

Lại nữa, đức Như-lai hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, có lời kính hỏi thăm rằng: Đức Như-lai hiệu Đa-bảo có yên ổn, ít phiền não, kham nhẫn sống lâu ở đời không? Bạch đức

Thế-tôn! Con nay muốn thấy thân tướng của đức Phật hiệu Đa-bảo. Cúi xin đức Thế-tôn, chỉ dạy khiến con được thấy".³

Muốn hóa độ chúng sinh thể nhập Bản môn, thì chư Phật đều phải hành đạo ở nơi Tích môn và thường sử dụng phương tiện Ba-la-mật để nhiếp hóa chúng sinh, nên đối với chư Phật, Bản môn là bình đẳng, nhưng Tích môn là cùng hỗ trợ, chia sẻ và đồng hành.

Lời Của Thầy Và Trò

Thầy ba nghiệp thanh tịnh, trò ba nghiệp chưa thanh tịnh thì trò ấy không phải là học trò của thầy. Vì học trò ấy không có khả năng thừa tự Chánh pháp, nghĩa là không có khả năng thừa tự Pháp thành Phật. Pháp ấy chính là Pháp hoa.

Khi ở nơi Linh-son, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, tán

³Sách đã dẫn, tr 55c

dương Pháp làm Phật để hóa độ chúng sinh, chính là tán dương Pháp hoa, bảy giờ năm ngàn vị đệ tử của Ngài, bao gồm cả hai giới xuất gia và tại gia tự động rời khỏi pháp hội ra về.

Đức Phật bảo với hội chúng, những vị ấy rời khỏi hội chúng ra về cũng không sao, vì trong chúng giờ chỉ còn lại hạt chắc.⁴

Tâm tham là tâm phổ biến của tất cả chúng sinh, nhưng tâm kiêu mạn cộng thêm với tâm tăng thượng mạn mới là tâm của người tự cho mình có sở đắc, có sở chứng. Tâm người tu tự cho có sở đắc, có sở chứng, chính tâm ấy làm cho người ấy khổ đau và thất bại trên con đường tu tập và học hỏi Chánh pháp mà nhất là học hỏi Pháp hoa.

Nên, đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tứ-vương-trí dạy bảo Bồ tát Diệu-âm hãy cẩn thận và phòng hộ tâm này, trước khi đến thế giới Ta-bà và khi chứng kiến những gì đang xảy ra ở

⁴Phương tiện phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh, tr7a, Đại chính 9.

đó. Lời dạy của đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí đến với Bồ tát Diệu-âm như sau:

"Ông đừng khinh cỗi nước Ta-bà, sinh khởi ý tưởng cho là hạ liệt. Nay thiện nam tử! Thế giới Ta-bà ấy, cao thấp không đều, các núi đất đá, đầy đầy sự gồ ghề và dơ bẩn, thân Phật thì nhỏ nhoi, hình tướng của các vị Bồ tát cũng lại nhỏ thó, mà thân tướng của ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần; thân tướng của ta cao đến sáu trăm tám mươi vạn do tuần; thân của ông là đệ nhất đoan chính, trăm ngàn vạn phúc, ánh sáng thù diệu. Do đó, khi đến cỗi nước ấy, ông đừng khởi sinh ý tưởng khinh thường, đối với đức Phật, Bồ tát và cỗi nước ấy cho là hạ liệt".

Bồ tát Diệu-âm liền tác bạch với đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí rằng: "Bạch Thế-tôn! Con nay đến thế giới Ta-bà là đều nhờ thần lực của Như-lai; nhờ thần thông du hý của Như-lai; nhờ công đức trí tuệ trang nghiêm của Như-lai".⁵

⁵Diệu-âm Bồ tát phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh, tr55b, Đại chính 9.

Lời của thầy và trò như vậy, chính là lời của thầy và trò Pháp hoa. Nghĩa là "học trò sinh ra từ nơi miệng của thầy; hóa sinh từ nơi sự thực hành pháp của thầy dạy và chứng nghiệm được pháp từ nơi thầy đã nội chứng".⁶

Người học trò sinh ra từ nơi miệng của thầy, ấy là người học trò đã sống bằng đời sống của ngữ nghiệp thanh tịnh; người học trò hóa sinh từ nơi thực hành pháp của thầy dạy, ấy là người học trò đã sống bằng đời sống của thân nghiệp thanh tịnh; người học trò đã chứng nghiệm được pháp từ nơi thầy đã nội chứng, ấy là người học trò đã sống bằng đời sống của ý nghiệp thanh tịnh.

Lời của thầy trò ấy là lời của thầy trò đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí và Bồ tát Diệu-âm, ở nơi thế giới Nhất-thiết-tịnh-quang-trang-nghiêm. Và lời của thầy trò ấy cũng là lời của đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và Tôn giả Xá-lợi-phất nơi cõi nước Ta-bà.

Thầy trò như vậy là thầy trò của Pháp hoa.

⁶ Thí dụ phẩm, Diệu pháp liên hoa, tr10c, Đại chính 9.

Bất Động Mà Cùng Khấp

Tu tập đạt đến địa vị thứ tám ở trong hàng Thập địa Bồ tát trở lên, các vị Bồ tát ở vào những địa vị này, tâm thường ở trong đại định không bị dao động. Các loại phiền não thuộc về ngã và ngã sở đã bị đại định nhiếp phục và thuần hóa. Nên, Bồ tát tuy không rời đương xứ của chánh định, mà thường biểu hiện vô lượng sắc thân tùy duyên nhiếp độ chúng sinh.

Chánh định ấy, tiếng Phạn gọi là: Sarvarūpaṃdarśanasya-samādheḥ⁷, Ngài La-thập dịch là Hiện-nhất-thiết-sắc-thân-tam-muội⁸. Nghĩa là Thiền định biểu hiện hết thấy sắc thân. Đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, nói về thiền định mà Bồ tát Diệu-âm đang nội chứng và thực hiện cho Bồ tát Hoa-đức rằng:

"Này Bồ tát Hoa-đức! Ngài chỉ thấy thân tướng của Bồ

⁷Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 249.

⁸Diệu âm bồ tát phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh (tr56b, Đại chính 9).

tát Diệu-âm đang ở tại đây, nhưng thực ra vị Bồ tát ấy, đang biểu hiện nhiều chủng loại thân tướng khắp cả mọi nơi, vì hết thấy chúng sinh mà tuyên diễn pháp thoại Pháp hoa. Vị Bồ tát ấy, hoặc đang hiện các thân tướng như: Phạm-vương; Đế-thích; Trời tự-tại; Trời đại-tự-tại; Trời đại-tướng-quân; Thiên vương Tỳ-sa-môn; Chuyển luân Thánh vương; các Tiểu vương; Trưởng giả, Cư sĩ; Tể quan; Bà-la-môn; Tỷ kheo; Tỷ kheo ni; Ưu-bà-tát; Ưu-bà-di;...".

Bấy giờ, Bồ tát Hoa-đức bạch đức Phật rằng: "Bạch Thế tôn! Bồ tát Diệu-âm đã gieo trồng căn lành sâu xa; bạch Thế-tôn! Bồ tát ấy an trú vào chánh định gì mà có khả năng biểu hiện thần biến như vậy, để hóa độ chúng sinh giải thoát?"

Đức Phật dạy Bồ tát Hoa-đức rằng: "Này thiện nam tử! Chánh-định ấy, tên là Hiện-nhất- thiết-sắc-thân. Bồ tát Diệu-âm an trú ở trong chánh định ấy, nên có năng lực làm lợi ích cho hết thấy chúng sinh như vậy".

Chánh-định hiện-nhất-thiết-sắc-thân là loại thiền định Bồ

tát Diệu-âm đã thực hành và có khả năng biểu hiện hết thấy thân thể có hình sắc thích ứng đối với hết chúng sinh để tuyên thuyết Pháp hoa. Thiên định ấy là bất động mà cùng khắp, toàn thể mà tức thì.

Ai Cũng Muốn Thấy Và Học

Từ nơi năng lực thiên định hay chánh định sâu xa mà thần thông biểu hiện, thần thông ấy do từ công phu tu tập không phải một đời mà rất nhiều đời đem lại.

Thành quả ấy, nhiều người ở trong đời chỉ nhìn thấy mà cảm mộ và đi theo, nhưng đối với những bậc trí giả không phải chỉ ngưỡng mộ thành quả mà ngưỡng mộ nguyên nhân và muốn thấu rõ nguyên nhân ấy để cùng tu học và cùng thành tựu.

Điều này, ta thấy Bồ tát Văn-thù-sư-lợi, đã bạch lên đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-tôn! Bồ tát ấy, do trồng căn lành gì; thực hành công đức gì, mà có năng lực thần thông vĩ đại như thế? Và thực hành Chánh định gì? Xin nguyện Như-lai, vì chúng con nói rõ danh hiệu Chánh định ấy,

chúng con cũng muốn nỗ lực tu tập thực hành. Thực hành Chánh định này mới có thể thấy sắc tướng lớn nhỏ, oai nghi đi đứng của Bồ tát ấy. Nguyên nhờ thần lực của đức Thế-tôn, khi vị Bồ tát ấy đến, khiến cho chúng con đều được chứng kiến".⁹

Bây giờ, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, bảo Bồ tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đức Như-lai hiệu Đa-bảo¹⁰ diệt độ đến nay đã lâu, sẽ vì quý vị khiến hình tướng của vị Bồ tát ấy hiện ra".¹¹

⁹ Diệu-âm Bồ tát phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh, tr55bc, Đại chính 9.

¹⁰Như lai hiệu Đa-bảo: Phạm: Prabhūtaratnastathāgato (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 246). La Thập: Đa-bảo-như-lai (tr 55c, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Chúng-bảo-như-lai (tr127c, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Đa-bảo-như-lai (tr 190c, Đại chính 9). Ngài Đa-bảo-như-lai, giáo chủ quốc độ Bảo tịnh ở phương đông. Thích nghe kinh Pháp hoa và nguyện ở cõi nước nào có giảng kinh Pháp hoa là Ngài đến để nghe. Khi Ngài nhập diệt, nhưng vẫn lưu lại toàn thân xá-lợi ở trong bảo tháp. Khi đức Phật hiệu Thích- ca-mâu-ni, giảng kinh Pháp hoa, bảo tháp của Ngài liền vọt lên hư không đến chỗ giảng kinh để nghe và chứng minh pháp bảo này do đức Thích-ca-mâu-ni tuyên thuyết là chân thực.

¹¹ Sách đã dẫn.

Bấy giờ, đức Phật hiệu Đa-bảo, bảo Bồ tát Diệu-âm rằng: "Này thiện nam tử, hãy đến đây, Pháp-vương-tử Văn-thù-sư-lợi muốn thấy thân ông!".

"Ngay lúc ấy, Bồ tát Diệu-âm từ nơi cõi nước ấy ẩn khuất, cùng khởi hành với tám vạn bốn ngàn Bồ tát, có bao nhiêu cõi nước mà chúng Bồ tát ấy đi qua, sáu diệu chấn động, đều mưa xuống hoa sen bảy báu, trăm ngàn thiên nhạc không đánh tự vang. Mắt của Bồ tát Diệu-âm như lá hoa sen xanh rộng lớn. Giả sử trăm ngàn vạn mặt trăng hợp lại với nhau mà nghiêm chỉnh, thì diện mạo của Bồ tát Diệu-âm nghiêm chỉnh đoan chánh vượt xa hơn nhiều. Sắc thân Bồ tát bằng vàng chân thật; trang nghiêm bằng vô lượng trăm ngàn công đức; uy đức rực rỡ, ánh sáng chiếu khắp, đầy đủ các tướng xinh đẹp, bền chắc như thân Kim cang lực sĩ¹². Bồ tát Diệu-âm thể nhập đài sen bảy báu, bay lên hư không, cách mặt đất bảy cây đa-la, các vị Bồ tát cùng

¹²Thân kim cang lực sĩ: Phạn: Nārāyaṇasaṃghananakāyaḥ (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 246). La Thập: Na-la-diên kiên cố chi thân (tr 55c, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Na-la-diên kiên cố chi thân (tr 190c, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Thân lực vô cực (tr127c, Đại chính 9).

vây quanh mà đến núi Kỳ-xà-quật của thế giới Ta-bà này".¹³

Không những Bồ tát Văn-thù-sư-lợi muốn học và thấy những tác nhân tu tập, pháp học, pháp hành và thần lực không thể nghĩ bàn của Bồ tát Diệu-âm, mà Bồ tát Hoa-đức và nhiều vị Bồ tát khác cũng muốn thấy và học tập theo.

Bản Nguyện Pháp hoa Và Báo Thân Bất Diệt

Khi Bồ tát Diệu-âm đến thế giới này rồi, liền đánh lễ đức Thế-tôn hiệu Thích-ca-mâu-ni vấn tán và trình bày những vấn đề cần thiết xong, lại liền hỏi thăm đức Phật Đa-bảo với đức Thế tôn Thích-ca-mâu-ni rằng:

"Bạch đức Thế tôn! Đức Như-lai hiệu Đa-bảo diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe kinh Pháp hoa không? Lại nữa, đức Như-lai hiệu Tịnh-hoa-tứ-vương-trí,

¹³Diệu-âm Bồ tát phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh, tr55c, Đại chính 9.

có lời kính hỏi thăm rằng: Đức Như-lai hiệu Đa-bảo có yên ổn, ít phiền não, kham nhẫn sống lâu ở đời không? Bạch đức Thế-tôn! Con nay muốn thấy thân tướng của đức Phật hiệu Đa-bảo. Cúi xin đức Thế-tôn, chỉ dạy khiến con được thấy".

Bây giờ, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni nói với đức Phật hiệu Đa-bảo rằng: "Bồ tát Diệu-âm nguyện xin diện kiến Ngài".

Lúc ấy, đức Phật hiệu Đa-bảo gọi Bồ tát Diệu-âm bảo rằng: "Lành thay, lành thay! Diệu-âm có thể vì muốn cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và nghe kinh Pháp hoa, cùng hội kiến với chư vị Bồ tát như Văn-thù-sư-lợi,... nên mới đến thế giới Ta-bà này".¹⁴

Báo thân được tự thành từ bản nguyện Pháp hoa, báo thân ấy là báo thân bất diệt, vì thân ấy là thân vô lậu giải thoát, hoàn toàn không bị chi phối bởi thân năm uẩn sinh

¹⁴ Diệu-âm Bồ tát phẩm, Diệu pháp liên hoa kinh, tr55c, Đại chính 9.

diệt. Nên, báo thân của Pháp hoa là thường trú, lưu lại toàn thân xá-lợi ở trong bảo tháp. Và nơi nào có giảng kinh Pháp hoa thì liền theo nguyện đến trú xứ ấy để nghe và chứng minh cho những vị pháp sư tuyên diễn pháp ấy.

Do đó, báo thân thành tựu từ bản nguyện Pháp hoa, báo thân ấy tuy diệt mà bất diệt. Bất diệt để chứng minh rằng: "Diệu pháp là pháp bất diệt giữa dòng đời sinh diệt; Diệu pháp là pháp thanh tịnh và thường trú giữa các pháp sinh diệt ô nhiễm của thế gian".

Đi Lại Nhớ Về

Bồ tát Diệu-âm đến cõi Ta bà để đánh lễ và cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và tháp Phật hiệu Đa-bảo từ cõi Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí. Hạnh nguyện của Bồ tát Diệu-âm là hạnh nguyện cúng dường và thân cận chư Phật để học hỏi Chánh pháp, mà nhất là cúng dường những vị tuyên diễn Chánh pháp hoa kinh, hành trì, hộ trì và chứng minh cho những Phật sự thâm diệu này.

Việc Bồ tát Diệu-âm đến nơi thế giới Ta bà này để nghe Pháp hoa từ đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, từ cõi Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí, ấy là tiêu biểu Bồ tát từ nơi Bản môn Pháp hoa mà thực hành Tích môn Pháp hoa và từ nơi Tích môn Pháp hoa trở lại với Bản môn Pháp hoa.

Vì vậy, Bồ tát Diệu-âm từ Bản môn mà hiện khởi Tích môn và từ Tích môn mà trở lại với Bản môn. Bản-Tích đồng thể tính nhất như vô ngại.

Nên, Bồ tát Diệu-âm thành tựu Tích môn, thì liền trở lại với Bản môn, nên Kinh nói: "Bấy giờ, đại Bồ tát Diệu-âm cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và tháp đức Phật hiệu Đa-bảo xong, liền trở lại cõi nước cũ, các cõi nước Bồ tát Diệu-âm đi qua, sáu diệu chấn động, hoa báu mưa xuống, hợp tâu trăm ngàn vạn ức các chủng loại nhạc cụ".

Lợi Ích Vô Lượng

Khi về đến Bản môn, Bồ tát Diệu-âm cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ tát đến chỗ của đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-

vuơng-trí, nhiều quanh và bạch lên đức Phật này rằng: "Bạch Thế-tôn! Chúng con đến thế giới Ta-bà, lợi ích chúng sinh, diện kiến đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và diện kiến tháp của đức Phật hiệu Đa-bảo, lễ bái, cúng dường; lại diện kiến Bồ tát Pháp-vương-tử Văn-thù-sư-lợi và diện kiến các vị Bồ tát như: Dược-vương, Đắc-cần-tinh-tân-lực, Đồng-thí,... lại cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ tát chứng đắc Chánh-định Hiện-nhất-thiết-sắc-thân".

Lợi ích lớn nhất trong chuyến thực hành hạnh môn của Bồ tát Diệu-âm đến Tích môn nơi cõi Ta-bà, quốc độ của đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni đang giáo hóa ở thời kỳ tuyên thuyết giáo nghĩa Pháp hoa là đem lại lợi ích không thể nghĩ bàn cho các chúng Bồ tát cõi này và cõi kia, mà cụ thể có đến tám vạn bốn ngàn Bồ tát chứng đắc Chánh-định Hiện-nhất-thiết-sắc-thân.

Chính sự chứng đắc được Chánh định này, chư vị Bồ tát mới vượt qua năm thủ uẩn và không bị thân năm uẩn trói buộc, nên mới có thể biểu hiện hết thấy các loại sắc thân

mà tùy duyên hóa độ, tùy duyên tuyên thuyết Pháp hoa cho mọi chủng loại chúng sinh với vô số thân tướng và ngôn từ diễn đạt khác nhau.

Do đó, trong chuyển hoằng pháp này của Bồ tát Diệu-âm, từ thế giới Bản môn đến thế giới Tích môn qua Chánh định Hiện-nhất thiết-sắc-thân, khiến chư vị Bồ tát thành tựu được Ứng hóa thân để tùy duyên thuyết diễn Pháp hoa, đem lại vô biên lợi ích, cho thế giới người trời và hết thảy chủng loại. Như kinh nói:

"Khi nói phẩm Bồ tát Diệu-âm đến và đi, có bốn vạn hai ngàn thiên tử, chứng được Pháp-nhãn-vô-sinh¹⁵; Bồ tát Hoa-đức chứng được Chánh-định Pháp hoa".

¹⁵Pháp-nhãn-vô-sinh: Phạn: Anutpattikadharmaśānti (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 249). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Vô-sinh-pháp-nhãn (tr56b, 191b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Vô-sở-tùng-sinh-pháp-nhãn (tr128c, Đại chính 9). "Vô-sinh-pháp-nhãn là tin tưởng và tiếp nhận đối với lý thực tướng của các pháp là không sinh, không diệt, nên không thoái chuyển, không ngăn ngại". (Đại trí độ luận 50, tr 417c, Đại chính 25). "Tuệ an trú vào lý thực tướng vắng lặng của các pháp, tâm không khởi động, gọi là Vô-sinh-pháp-nhãn". (Đại thừa nghĩa chương 12, tr701c, Đại chính 44).

Ý NGHĨA VÀ DUYÊN KHỞI

Diệu-âm Bồ tát là một vị Bồ tát đang tu tập và hành đạo nơi thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm ở phương Đông, của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai.

Vị Bồ tát này đã gieo trồng các gốc rễ công đức, trực tiếp phụng sự trăm ngàn vạn ức Phật, đã từng gieo trồng và thành tựu tuệ giác rất sâu.

Các loại thiền định mà vị Bồ tát này đã từng tu tập và thành tựu:

- **Diệu Tràng Tướng Tam Muội:** là loại thiền định đi vào thể tịch diệt của tất cả tướng, hay thể nhập vô tướng của tất cả tướng, nên gọi là Diệu tràng tướng Tam muội.
- **Pháp hoa Tam Muội:** là loại thiền định an trú vào tự tánh vô nhiễm của tất cả pháp, cũng gọi là an trú diệu pháp.
- **Tịnh Đức Tam Muội:** là loại thiền định an trú vào tự

tánh thanh tịnh, tự tánh Niết-bàn đầy đủ bốn đặc tính Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

– **Tú Vương Hỷ Tam Muội:** là thiền định có tuệ chiếu thẩm thấu các căn cơ một cách tài tình, giống như sự dạo chơi của ánh sáng mặt trăng giữa không gian.

– **Vô Duyên Tam Muội:** là thiền định từ bi không mắc kẹt.

– **Trí Ẩn Tam Muội:** là an trú vào thiền định có dấu ẩn trí tuệ. Tâm định hết thấy tuệ đều sinh. Tuệ ấy thấy rõ thực tướng của vạn hữu, ví như dấu ẩn, ẩn vào vạn pháp, nên gọi là Trí ẩn Tam muội.

– **Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn Tam Muội:** thiền định biết hết thấy tiếng nói của chúng sanh. Nghĩa là đi vào thiền định này, thì có khả năng sử dụng một từ ngữ để diễn đạt vô lượng từ ngữ và vô lượng từ ngữ không đi ra ngoài một từ ngữ. Lại có khả năng nghe, hiểu và nói cho mọi loại chúng sanh về thể, tính, tướng, dụng, lực, nhân duyên, quả báo, gốc rễ và ngọn ngành của

họ một cách tường tận. Bởi vì mỗi loài chúng sanh đều có thể, tính, tướng, dụng... riêng, nên mỗi loài tự nó biểu hiện mỗi loại ngôn ngữ riêng. Ngôn ngữ của nhân duyên nghiệp lực không có ai giống ai, và không có loài nào giống loài nào. Nhưng, đi vào thiên định này thì có khả năng hiểu hết thấy mọi ngôn ngữ ấy của tất cả mọi loài chúng sanh.

– **Tập Nhất Thiết Công Đức Tam Muội:** thiên định tập hợp hết thấy công đức.

– **Thanh Tịnh Tam Muội:** đi vào thiên định này, thì lục căn tiếp xúc với lục trần, tâm không khởi lên sự ô nhiễm. Và các căn đều có khả năng hỗ dụng cho nhau một cách tự tại, nên gọi là Thanh tịnh Tam muội.

– **Thần Thông Du Hý Tam Muội:** đối với mọi cảnh giới tùy ý dạo chơi, tùy duyên hóa độ, gọi là Thần thông du hý Tam muội.

– **Tuệ Cự Tam Muội:** thiên định như ngọn đuốc trí tuệ, có khả năng phá trừ chỗ tối tăm, nên gọi là Tuệ cự Tam muội.

- **Trang Nghiêm Vương Tam Muội:** thiền định dùng vạn đức để trang nghiêm. Đức là chúa tể của mọi sự trang nghiêm, nên gọi là Trang nghiêm vương Tam muội.
- **Tịnh Quang Minh Tam Muội:** thiền định của ánh sáng soi chiếu trong suốt.
- **Tịnh Tạng Tam Muội:** thiền định kho tàng trong suốt. Kho tàng trong suốt là chỉ cho Như-lai tạng, Phật tính, Bản nguyên tự tánh. Ngay trong nhất niệm tịnh tâm là thâm nhiếp và thể nhập tất cả sự thanh tịnh.
- **Bất Cộng Tam Muội:** thiền định đặc biệt. Loại thiền định tâm không rơi vào những thiên chấp, tâm luôn luôn an trú vào thực tướng Trung đạo, nên gọi là Bất cộng Tam muội.
- **Nhật Triền Tam Muội:** thiền định có khả năng chuyển động như mặt trời. Thật trí do quán chiếu sâu vào không lý vạn hữu mà sinh khởi, nhưng vẫn tự do không bị mắc kẹt vào không lý ấy. Giống như mặt trời từ không gian mà sinh khởi, chuyển vận và chiếu sáng, nhưng mặt

trời không bị mắc kẹt bởi không gian.

Mười sáu loại thiền định do Bồ tát Diệu-âm thực tập và thành tựu này đều có nguồn gốc từ Pháp hoa Tam muội. Hễ chứng đắc Pháp hoa Tam muội thì không những thành tựu các loại thiền định kể trên, mà bất cứ loại thiền định nào cũng có thể thành tựu.

Bởi lẽ, như phẩm Dược-vương Bồ tát bốn sự nói: "Kinh Pháp hoa là vua ở trong các Kinh", thì đương nhiên Pháp hoa Tam muội là vua trong tất cả thiền định. Pháp hoa Tam muội là loại thiền định thể nhập Phật tính hoàn toàn.

Đối với mười sáu loại thiền định này, Bồ tát Diệu-âm đã thành tựu rất sâu, và Ngài có thể tùy cơ để sử dụng một trong những loại thiền định ấy nhằm khai Phật tri kiến cho chúng sanh, thị Phật tri kiến cho chúng sanh, ngộ Phật tri kiến cho chúng sanh và nhập Phật tri kiến cho chúng sanh.

Nên, sự hoằng truyền kinh Pháp hoa của Bồ tát Diệu-âm là bằng năng lực của hết thảy thiền định, mà không phải khổ hạnh như Bồ tát Dược-vương. Bồ tát Dược-vương

hoằng truyền kinh Pháp hoa bằng niềm tin và nguyện lực của khổ hạnh, trong khi đó ngài Diệu-âm Bồ tát hoằng truyền kinh Pháp hoa bằng niềm tin và nguyện lực của thiền định.

Bởi vậy, từ nơi thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Phật Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai ở phương Đông, Bồ tát Diệu-âm đã chạm ánh sáng tuệ giác Pháp hoa đã được đức Phật Thích-ca Mâu-ni phóng đi từ nhục kế và chạng giữa lông mày ở nơi Linh-sơn của cõi Ta-bà này; và Bồ tát Diệu-âm đã xin phép đức Phật Bốn sư để đi đến cõi Ta-bà đánh lễ và cúng dường đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và thăm ngài Văn-thù-sư-lợi cũng như các vị Bồ tát khác đang lưu trú ở cõi Ta-bà này như Dược-vương, Đồng-thí, Tú-vương-hoa, Thượng-hạnh, Trang-nghiêm-vương, Dược-thượng bằng năng lực của thiền định.

Diệu-âm là tên của một vị Bồ tát đã từng diễn tấu mười vạn chủng loại nhạc khí để cúng dường đức Văn-lôi-âm Như-lai trải qua một vạn hai ngàn năm, và cũng đã từng dâng cúng tám vạn bốn ngàn bình bát làm bằng bảy chất

liệu quý báu lên đức Phật này. Do công hạnh như vậy, nên vị Bồ tát này sinh vào quốc độ của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai. Và cũng do công hạnh cúng dường âm nhạc lên đức Vân-lôi-âm Như-lai, nên vị Bồ tát này có tên là Diệu-âm.

Diệu-âm, tiếng Phạn là Gadgadasvara.

Ngài La-thập dịch gadgada là "diệu" và svara là "âm".

Như vậy, diệu có nghĩa là điều luyện và âm (svara) có nghĩa là tự tại. Diệu-âm là vị Bồ tát đã từng có khả năng điều luyện diễn tấu mười vạn chủng loại âm nhạc và có khả năng tự tại, tự chủ đối với hết thảy các loại âm nhạc ấy, để cúng dường đức Phật Vân-lôi-âm, nên gọi là Diệu-âm.

Và duyên khởi của phẩm này là do ánh sáng tuệ giác của đức Phật Thích-ca Mâu-ni phóng ra từ giữa chặng lông mày, chạm đến thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai và chạm vào thân của Bồ tát Diệu-âm, khiến cho vị Bồ tát này thừa với đức

Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai, xin phép qua thế giới Ta-bà để lễ bái, cúng dường đức Phật Thích-ca và gặp Bồ tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử cũng như những vị Bồ tát khác nơi cõi Ta-bà này. Ấy là duyên khởi của phẩm kinh này.

NỘI DUNG CHỦ YẾU

Nội dung chủ yếu của phẩm này gồm có:

1. Tuệ Giác Nhất Thừa Và Trung Đạo

Diệu-âm Bồ tát là vị Bồ tát đang hành đạo ở thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Phật Tịnh-hoa-tú-vương-trí ở phương Đông, là vị Bồ tát có khả năng thực hành và hoằng truyền pháp Nhất thừa bằng Trung đạo, nên khi đức Phật Thích-ca phóng ra ánh sáng từ đỉnh đầu và từ nơi lông trắng giữa hai đầu mày, chiếu vượt qua hàng hà sa côi Phật ở phương Đông và chạm đến côi Phật của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai, và đồng thời ánh sáng ấy cũng đã chạm tới thân thể của Bồ tát Diệu-âm, là vị Bồ tát đang tu học và hành đạo ở thế giới ấy. Ánh sáng phóng ra từ đỉnh đầu của đức Phật Thích-ca, đó là ánh sáng của tuệ giác Nhất thừa và ánh sáng phóng ra từ giữa chầng lông mày của đức Phật Thích-ca là ánh sáng của tuệ giác Trung đạo. Chỉ đi đến Nhất thừa bằng Trung đạo và chỉ thể nhập tuệ giác Nhất thừa bằng tuệ giác Trung đạo mà

không bằng bất cứ tuệ giác nào khác.

Bằng ánh sáng tuệ giác Nhất thừa và Trung đạo này phóng đi từ cõi Ta-bà bởi đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thì ở nơi thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai ở phương Đông, Bồ tát Diệu-âm đã lãnh hội một cách toàn vẹn ánh sáng tuệ giác Nhất thừa và Trung đạo đó, và đã đi đến với tuệ giác Nhất thừa bằng tuệ giác Trung đạo. Điều này, chứng tỏ rằng, đối với tuệ giác Nhất thừa và Trung đạo giữa cõi Phật kia với cõi Phật này là một, giữa Bồ tát Diệu-âm ở cõi Phật kia và Bồ tát Văn-thù-sư-lợi ở cõi Phật này là một. Thực tại thì dù phương Đông hay phương Tây, phương Nam hay phương Bắc, phương trên hay phương dưới cũng chỉ là một, nhưng phương pháp hoằng hóa để khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến thì đa thù, bởi vậy mà có Phật cõi này, có Phật cõi kia, có Bồ tát cõi này, có Bồ tát cõi kia, có thân tướng này và có thân tướng kia, có loại thiền định này và có loại thiền định kia, có loại âm thanh này và có loại âm thanh kia, có pháp môn này có pháp môn kia..., và dù cho phương pháp có đa thù, thân tướng Bồ tát có đa dạng,

ngôn ngữ có nhiều thanh âm cũng đều quy về với Nhất thừa Trung đạo. Và cảnh giới của chư Phật, thì đồng đẳng và dung thông vô ngại với nhau, không những chỉ dung thông vô ngại về mặt lý tánh mà còn ngay cả sự tướng nữa.

2. Pháp Thân Bình Đẳng, Báo Thân Và Ứng Thân Sai Thù

Diệu-âm Bồ tát trước khi đến cõi Ta-bà để đánh lễ đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thăm ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử, cũng như các vị Bồ tát đang hành đạo ở đây, Bồ tát Diệu-âm đã được đức Phật Tịnh-hoa-tứ-vương-trí dặn dò như sau:

"Ông đừng khinh thế giới Ta-bà mà sinh khởi ý tưởng cho rằng, thế giới ấy là thấp kém. Này thiện nam tử! Thế giới Ta-bà cao thấp không bằng, đủ các thứ núi đất đá, đầy đầy những thứ dơ xấu. Thân Phật thấp nhỏ, thân Bồ tát cũng vậy.

Tuy rằng, thân thể của ông cao đến bốn vạn hai ngàn do

tuần, thân của tôi cao đến sáu trăm tám mươi vạn do tuần. Thân ông đoan chánh số một, với trăm ngàn vạn phước tướng, với ánh sáng thù diệu. Nên, khi ông đến thế giới Ta-bà, đừng khinh thường thế giới ấy. Đối với đức Phật, Bồ tát và quốc độ của thế giới ấy, ông đừng sinh ý tưởng cho rằng là thấp kém".

Lời dặn của đức Phật Tịnh-hoa-tú-vương-trí ở thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm đối với Diệu-âm Bồ tát cho chúng ta thấy những điều như sau:

2.1. Diệu-âm Bồ tát đang tu tập và hoằng truyền kinh Pháp hoa để thể nhập Phật tri kiến mà chưa thành tựu pháp thân, và chưa có khả năng thấy được pháp thân của chư Phật bình đẳng, nên còn sinh ý tưởng phân biệt thắng liệt giữa Phật cõi này với Phật cõi kia, giữa Bồ tát cõi này với Bồ tát cõi kia và giữa quốc độ này với quốc độ kia.

2.2. Và cũng chưa thấy được bản nguyên độ sinh sai thù giữa các đức Phật để cảm nên y báo và chánh báo sai thù của các Ngài về thân tướng và các cõi.

2.3. Và cũng vì chính Bồ tát Diệu-âm còn một ít tri

chương chưa đoạn trừ hết, nên đức Phật Bốn sư của Ngài đã căn dặn với Ngài những điều cần thiết là "đừng khởi lên ý tưởng đối với đức Phật, Bồ tát và quốc độ Ta-bà là thấp kém".

2.4. Chính lời căn dặn này, đức Phật Bốn sư của Bồ tát Diệu-âm đã tịnh hóa hay Phật hóa cách nhìn nhận thực tại, nhìn nhận bản nguyện, nhìn nhận tâm đại từ bi cho học trò của mình, trước khi học trò của mình đi đến cõi Ta-bà. Cảm nhận được điều này, nên Bồ tát Diệu-âm đã thừa với đức Phật Bốn sư của mình rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Nay con đến thế giới Ta-bà là do năng lực của đức Như-lai, là do thần thông du hóa của Như-lai, là do công đức trang nghiêm và trí tuệ của Như-lai".

Do gia trì lực của đức Phật Bốn sư, nên Bồ tát Diệu-âm đã thấy được Pháp thân của chư Phật là bình đẳng, thực tướng các pháp ở cõi này, cõi kia đều là như thị, nhưng bản nguyện độ sinh tùy duyên mà khởi, nên Báo thân và Ứng hóa thân của các Ngài có sai thù. Và quốc độ của các Ngài

giáo hóa là do nghiệp cảm duyên khởi, không có tự tánh.

3. Bất Ly Dương Xứ

"Bấy giờ Diệu-âm Bồ tát không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, thân không hề dao động mà chỉ nhập định, do năng lực thiền định mà tại Linh-sơn, cách pháp tòa của đức Thế Tôn không xa, xuất hiện tám vạn bốn ngàn hoa sen quý báu, với vàng Diêm Phù Đà làm cuống, bạch ngàn làm cánh, kim cương làm tua, ngọc chân thúc ca làm đài". Nhờ gia trì bởi giới, định và tuệ của đức Phật Bổn sư, nên Diệu-âm Bồ tát không rời khỏi pháp tòa, chỉ do năng lực thiền định mà tại Linh-sơn, cách pháp tòa của đức Phật Thích-ca không xa, lại xuất hiện tám vạn bốn ngàn hoa sen quý báu.

Điều này là kinh nói rõ ý, thực tại hay pháp thân thì không có khởi hay diệt, đến hay đi, đồng nhất hay dị biệt, nhưng đến hay đi, sinh hay diệt, có hay không, đồng nhất hay dị biệt là đều do nguyên lực hay nghiệp lực và nhân duyên mà biểu hiện.

Nên, Pháp thân hay thực tại vô tướng, vô ngã ở cõi Phật Tịnh-quang-trang-nghiêm cũng đồng đẳng với cõi Phật Thích-ca ở Ta-bà, do đó Pháp thân thì bất động không sinh diệt mà nguyện lực thì có mặt ở chỗ này với thân này, với ngôn ngữ này, với việc làm này, với nhân duyên thế này và khi thì có mặt ở chỗ kia, với thân như thế ấy, ngôn ngữ như thế ấy, với việc làm như thế ấy, với nhân duyên như thế ấy. Cho nên, đối với bản nguyện hay nguyện lực thì cõi Phật Tịnh-quang và cõi Phật Ta-bà biểu hiện nhân duyên, nhân quả, nghiệp báo khác nhau, nhưng đối với Pháp thân hay thực tại vô tướng, vô ngã thì giữa hai cõi chỉ là một. Nói cách khác, hai cõi đồng nhau về bản môn, còn hạnh môn không những sai thù mà còn vạn biệt. Dù sai thù, vạn biệt nhưng chúng lại có tính đồng quy.

Do đó, việc Diệu-âm Bồ tát và tám vạn bốn ngàn Bồ tát từ cõi Phật Tịnh-quang-trang-nghiêm đến cõi Ta-bà nghe đức Thích-ca giảng Pháp hoa tại núi Linh Thứu, là những Ứng hóa thân đồng bản nguyện và bản hạnh Pháp hoa.

4. Đến Từ Bản Nguyện Và Ấn Chứng Từ Bản Môn

"Ở cõi Ta-bà tại núi Linh Thứu xuất hiện tám vạn bốn ngàn hoa sen quý báu, khiến Bồ tát Văn-thù-sư-lợi thắc mắc và hỏi đức Thích-ca, đây là điềm lành gì? Đức Phật Thích-ca dạy cho Văn-thù-sư-lợi rằng, ấy là đại Bồ tát Diệu-âm, và tám vạn bốn ngàn Bồ tát từ thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Như-lai Tịnh-hoa-tú-vương-trí ở phương Đông muốn đến cõi Ta-bà để kính lễ Như-lai và nghe kinh Pháp hoa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi thưa đức Thế Tôn, vị Bồ tát ấy đã gieo trồng thiện căn như thế nào, và tu tập công đức gì mà có thần lực vĩ đại như vậy? Vị Bồ tát ấy đã tu tập thiện định nào, kính xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho con loại thiện định ấy.

Kính xin đức Thế Tôn dùng thần lực làm cho vị Bồ tát ấy đến đây để cho chúng con được thấy.

Đức Thế Tôn dạy ngài Văn-thù-sư-lợi, đức Phật Đa-bảo nhập diệt đã lâu, Ngài sẽ làm hiện ra cho quý vị thấy rõ hình tướng của Bồ tát Diệu-âm. Bây giờ đức Phật Đa-

bảo gọi Bồ tát Diệu-âm rằng, hỡi Thiện nam tử hãy đến đây! Bồ tát Văn-thù-sur-lợi là Pháp Vương tử muốn thấy thân ông. Ngay khi ấy, Bồ tát Diệu-âm ẩn thân tại quốc độ của mình, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ tát xuất phát.

Bao nhiêu quốc độ mà phái đoàn của vị Bồ tát ấy đi qua đều chấn động sáu cách, đều mưa hoa sen với bảy chất liệu quý báu, đều có trăm ngàn nhạc khí của chư Thiên không đánh mà tự kêu lên.

Vị Bồ tát ấy mắt như cánh hoa sen xanh rộng lớn. Giả như trăm ngàn mặt trăng cùng hòa hợp lại với nhau, thì diện mạo đoan chánh của vị Bồ tát ấy lại đẹp hơn. Thân vị Bồ tát ấy màu sắc hoàng kim, dùng vô lượng trăm ngàn công đức mà trang nghiêm, uy đức rực rỡ, ánh sáng chiếu khắp, tướng quý đầy đủ, thân vững chắc như đại lực sĩ. Vị Bồ tát ấy ngồi trên đài bằng bảy chất liệu quý báu, vượt lên không gian, cách mặt đất bảy cây đa-la, với các vị Bồ tát vây quanh mà đi đến núi Linh Thứu của thế giới Ta-bà".

Qua đoạn kinh văn ở trên, ta thấy rằng, đức Phật Thích-ca

Mâu-ni là đức Phật thuộc về hạnh môn của tích môn, đang nói với ngài Văn-thù-sư-lợi, là vị Bồ tát thuộc Pháp Vương tử, về hạnh môn thuộc bản môn của Diệu-âm Bồ tát ở thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm, của đức Phật Tịnh-hoa-tú-vương-trí ở phương Đông, về pháp hạnh và những công đức thành tựu và thần lực của vị Bồ tát này.

Và từ nơi hạnh môn của tích môn đức Phật Thích-ca đã trình bày một cách rõ ràng về hạnh môn của bản môn kinh Pháp hoa nói chung và Diệu-âm Bồ tát nói riêng. Sự trình bày như vậy của đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã được đức Phật bản môn là Phật Đa-bảo xác chứng bằng cách Phật Đa-bảo đã gọi Diệu-âm Bồ tát, và Diệu-âm Bồ tát đã xuất hiện ngay nơi cõi Ta-bà tại Linh-sơn với đầy đủ tất cả công đức đã từng tu tập.

Điều này cho chúng ta thấy rằng, cái biết của đức Phật Thích-ca và Phật Đa-bảo là một, cái biết của đức Phật Thích-ca và cái biết của đức Phật Tịnh-hoa-tú-vương-trí ở thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm ở phương Đông là một. Không những cái biết của các Ngài đồng nhau

về bản môn mà còn đồng nhau về tích môn và cả hạnh môn nữa.

Do đó, ở trong đoạn kinh này, đức Phật Thích-ca và Bồ tát Văn-thù-sư-lợi đóng vai trò hạnh môn thuộc về tích môn, tích hóa. Và đức Phật Đa-bảo và Bồ tát Diệu-âm đóng vai trò hạnh môn thuộc về bản môn, bản hóa. Đức Phật Đa-bảo là Phật bản môn, xuất hiện ở trong phẩm này là để xác chứng những gì mà đức Phật tích môn, tức là đức Phật Thích-ca nói về hạnh môn của bản môn đối với Diệu-âm Bồ tát là chân thật, là đúng với tự thân của chính nó.

5. Bồ Tát Diệu-âm Với Thiên Định Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngữ Ngôn

Bồ tát Diệu-âm là vị Bồ tát có khả năng hiểu hết thủy ngôn ngữ của mọi loài và có khả năng sử dụng mọi ngôn ngữ, mọi âm thanh để độ đời, để khai tri kiến Phật cho chúng sanh, để thị tri kiến Phật cho chúng sanh, để ngộ tri kiến Phật cho chúng sanh và nhập tri kiến Phật cho chúng sanh.

Ngôn ngữ và âm thanh của vị Bồ tát này là ngôn ngữ và

âm thanh của diệu pháp, có khả năng diễn đạt diệu pháp dưới vô số hình thái khác nhau cho chúng sanh nghe và cũng có khả năng nghe vô số chủng loại âm thanh của hết thảy chúng sanh.

Chúng sanh có nhiều loại và mỗi loại lại có những thứ ngôn ngữ riêng biệt của nó. Với thiền định Giải nhất thiết ngữ ngôn, Diệu-âm Bồ tát không những hiểu chúng sanh qua ngôn ngữ diễn đạt mà hiểu và nghe chúng sanh qua ngôn ngữ của thể tính, của nguyên lực hay của nghiệp lực.

Với thiền định có khả năng hiểu hết thảy ngôn ngữ của chúng sanh và cùng với âm thanh diệu pháp, vị Bồ tát này có khả năng diễn đạt một ngôn ngữ thành vô lượng ngôn ngữ, một âm thanh thành vô lượng âm thanh, một pháp thành vô lượng pháp, âm thanh của một thế giới thành âm thanh của vô lượng thế giới... và vô lượng âm thanh và vô lượng ngôn ngữ hội nhập vào một thể tính ngôn ngữ.

Thể tính ngôn ngữ của Diệu-âm chính là (ॐ.(A), là Om. A là nguyên ngữ của mọi ngôn ngữ. Nên Diệu-âm chính A, và A là Diệu-âm. Diệu-âm không phải chỉ diễn đạt

Nhất thừa phương tiện mà là âm thanh của Nhất thừa pháp. Âm thanh ấy mỗi khi được tuyên xướng, diễn bày sẽ có khả năng đưa Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa quy nhập Nhất thừa.

Do đó, Diệu-âm là âm thanh của thiền định và tuệ giác, có khả năng diễn xướng Nhất thừa cho hết thấy chúng sanh hướng về và ngộ nhập.

6. Bồ Tát Diệu-âm Với Thiền Định Hiện Nhất Thiết Sắc Thân

Do thành tựu thiền định hiện nhất thiết sắc thân, Bồ tát Diệu-âm có thể sử dụng bất cứ thân nào để làm lợi ích cho chúng sanh.

Ở trong phẩm kinh này, đức Phật Thích-ca đã nói với Bồ tát Hoa-đức rằng, "Ông chỉ thấy Bồ tát Diệu-âm qua thân tướng ở đây, nhưng vị Bồ tát ấy biểu hiện đủ loại thân thể, ở khắp mọi nơi giảng nói kinh Pháp hoa cho các loại chúng sanh".

Đức Phật Thích-ca đã nói với Hoa-đức Bồ tát rằng, Bồ

tát Diệu-âm có thể biểu hiện bất cứ sắc thân nào để thuyết giảng Pháp hoa cho thích ứng với nghiệp cảm của những loại chúng sanh đó, đức Phật Thích-ca đã kể đến ba mươi bốn biểu hiện sắc thân thuộc về phàm thân và bốn thánh thân để thích ứng theo chủng loại mà giảng kinh Pháp hoa.

Ba mươi bốn phàm thân và bốn thánh thân mà Bồ tát Diệu-âm có khả năng biểu hiện ấy, chỉ là những sắc thân tiêu biểu và đại loại, chứ thật ra có bao nhiêu chủng loại chúng sanh là Bồ tát Diệu-âm có thể biểu hiện bấy nhiêu sắc thân thích ứng để vì họ diễn thuyết diệu pháp.

Cho nên, chúng sanh có bao nhiêu sắc thân và có bấy nhiêu chủng loại, thì Bồ tát Diệu-âm có khả năng biểu hiện bấy nhiêu sắc thân thích ứng và sử dụng bấy nhiêu ngôn ngữ thích ứng để diễn bày Pháp hoa, nhằm khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến và nhập Phật tri kiến cho họ.

Do đó, thiên định Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn và thiên định Hiện nhất thiết sắc thân gắn liền với nhau của

hạnh môn Pháp hoa.

Thiền định Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn là biểu hiện cho ngữ nghiệp thanh tịnh và thiền định Hiện nhất thiết sắc thân là biểu thị cho thân nghiệp thanh tịnh.

Ngữ nghiệp và thân nghiệp thanh tịnh được biểu hiện từ nguyện lực thanh tịnh và nguyện lực thanh tịnh lại dẫn khởi từ bồ-đề tâm và chúng được nuôi dưỡng và phát triển bởi tâm ấy. Bồ-đề tâm nguyện càng sâu thì hạnh môn càng lớn. Nên, từ nơi Pháp thân mà biểu hiện vô số thân để hóa độ chúng sanh; từ nơi một âm thanh mà có thể hiểu xuyên suốt mọi thứ âm thanh; từ nơi một ngôn ngữ mà có thể hiểu xuyên suốt mọi thứ ngôn ngữ và có khả năng sử dụng mọi thứ ngôn ngữ để diễn thuyết diệu pháp.

Như vậy, đối với bao nhiêu quốc độ trong mười phương, có bao nhiêu chủng loại chúng sanh dù phàm hay thánh, thì Bồ tát Diệu-âm đều có khả năng biểu hiện bấy nhiêu thân hình và ngôn ngữ thích ứng để diễn thuyết diệu pháp, khơi mở Phật tri kiến cho hết thảy muôn loài

trong hết thảy mọi thế giới.

Thế nên, căn bản của hạnh môn Pháp hoa là bồ-đề tâm và bồ-đề nguyện, còn thiền định Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn và thiền định Hiện nhất thiết sắc thân là bồ-đề hạnh.

Bồ-đề tâm, bồ-đề nguyện và bồ-đề hạnh là chất liệu không những tạo nên hạnh môn của Pháp hoa, mà là hạnh môn của tất cả các hạnh của Bồ tát đạo, không những ở thế giới Tịnh-quang-trang-nghiêm của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai ở phương Đông mà ngay thế giới Ta-bà của đức Phật Thích-ca đang giáo hóa nữa. Chính bồ-đề tâm, bồ-đề nguyện, bồ-đề hạnh đã từ thế giới bản môn biểu hiện ở thế giới tích môn, kính lễ đức Phật Thích-ca, chuyên lời thăm hỏi của đức Phật Tịnh-hoa-tú-vương-trí đến đức Phật Thích-ca và đức Phật Đa-bảo, và đồng thời Bồ tát Diệu-âm ra mắt Bồ tát Văn-thù-sư-lợi, cùng các vị Bồ tát Dược-vương, Bồ tát Đắc-cần-tinh-tấn-lực, Bồ tát Đồng-thí và các vị Bồ tát đồng đẳng khác.

Nên, khi đức Phật Thích-ca nói Bồ tát Diệu-âm có khả

năng biểu hiện vô số sắc thân để diễn thuyết diệu pháp cho vô số chúng sanh, thì tám vạn bốn ngàn Bồ tát cùng đi với Bồ tát Diệu-âm đều thực hành thiền định Hiện nhất thiết sắc thân và vô lượng Bồ tát ở thế giới Ta-bà cũng đều thực hành thiền định Hiện nhất thiết sắc thân và lại còn thực hành các pháp thuộc đà-la-ni tức là các pháp thiền định Giải nhất thiết chúng sanh ngũ ngôn nữa.

Như vậy, việc có mặt nơi cõi Ta-bà của Bồ tát Diệu-âm đã đem lại lợi ích không những cho cõi kia với tám vạn bốn ngàn Bồ tát được thiền định Hiện nhất thiết sắc thân mà cho cõi Ta-bà này cũng rất nhiều, với bằng chứng sau khi đến và đi của Bồ tát Diệu-âm đã có đến bốn vạn hai ngàn thiên nhân được Vô sanh pháp nhẫn (tuệ giác không sinh), Bồ tát Hoa-đức được định Pháp hoa.

Sự đến và đi lợi ích như vậy, biểu thị kết quả của hạnh môn Pháp hoa do Bồ tát Diệu-âm thực hành.

Và với sự đến và đi như vậy của Bồ tát Diệu-âm đã trả lời một cách sâu sắc là tại sao có phẩm Bồ tát Diệu-âm này ở trong kinh Pháp hoa.

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

Thực hành theo phẩm kinh này, ta cần thực hành ba điểm như sau:

1. Thọ Trì Đầy Đủ Tam Tụ Tịnh Giới

Thọ trì đầy đủ Tam Tụ Tịnh Giới là thành tựu viên mãn về Phật giới uẩn.

a. Thọ trì nhiếp luật nghi giới: Nghĩa là ta phải phát khởi bồ-đề tâm, nguyện lãnh thọ hết thấy các học xứ, có khả năng phòng hộ và đoạn trừ các điều ác của thân, ngữ, ý để thành tựu thanh tịnh pháp thân của Phật.

b. Thọ trì nhiếp thiện pháp giới: Nghĩa là ta phải phát khởi bồ-đề tâm, nguyện lãnh thọ hết thấy các học xứ, có khả năng thực hành tất cả các điều thiện thuộc về thân, ngữ, và ý để thành tựu báo thân trang nghiêm của Phật.

c. Thọ trì nhiều ích hữu tình giới: Nghĩa là ta phải phát khởi bồ-đề tâm, nguyện thọ trì hết thấy các học xứ, có khả

năng nhiếp hóa làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, thuộc về thân, ngữ, và ý để thành tựu thiên bách ức Hóa thân của Phật.

Như vậy, ta thực hành đầy đủ các tụ Thanh tịnh giới trên nền tảng của bồ-đề tâm thì ta có thể thành tựu được ba thân gồm Pháp thân, Báo thân và Ứng hóa thân để có thể tùy duyên hóa độ chúng sanh.

2. Thực Tập Thiền Định Hiện Nhất Thiết Sắc Thân

Đây là loại thiền định có khả năng biểu hiện một thân thành nhiều thân và nhiều thân hội nhập vào một thân. Thiền định này là được thiết lập trên nền tảng của thân hành thanh tịnh. Thân hành thanh tịnh là do thực tập thân hành niệm, nghĩa là quán chiếu và nhìn sâu vào các động tác của thân thể qua hơi thở, hoặc qua các động tác đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc khiến cho các ý niệm sát, đạo và dâm lắng yên, không còn hoạt động ở trong tâm thức, do đó chúng không còn tác động khiến cho thân biểu hiện những hành vi giết hại muôn loài, không còn có tác động khiến cho thân thể biểu hiện những hành vi trộm

cấp và không còn có tác động khiến cho thân thể biểu hiện những hành vi tham dục đối với khác phái hay đồng phái.

Và với thân hành thanh tịnh như vậy được tác động bởi bồ-đề tâm, và nguyện lực, có thể biểu hiện dưới vô lượng hình thức, vô lượng sắc tướng, vô lượng tên gọi để cho thích ứng từng đối tượng, từng chủng loại, từng cảnh giới nghiệp lực để hóa độ chúng sanh, khiến cho tất cả họ đều phát khởi bồ-đề tâm, tu tập Bồ tát đạo và thành tựu Phật đạo.

Tu tập Thiền định Hiện nhất thiết sắc thân được thiết lập trên nền tảng của Giới tức là bồ-đề-tâm và thân hành thanh tịnh như vậy, ta có thể chứng nghiệm và thành tựu được. Đối với loại thiền định này không những Bồ tát Dược-vương, Diệu-âm, Quán-thế-âm mà tất cả Bồ tát đã đoạn trừ hết ngã chấp, đã đoạn trừ hết mọi vọng tưởng về tự ngã đều chứng đắc và thành tựu.

Nhờ thành tựu và chứng đắc loại thiền định này mà các Ngài có khả năng biểu hiện từ một thân thể thành nhiều thân thể cùng một lúc trong mọi không gian, để thích

ứng với mọi nhu cầu của mọi đối tượng để thuyết pháp và cứu độ. Ngày nay với những sự thành tựu của khoa học, kỹ thuật phim ảnh và điện tử, điện toán, khiến cho một hình ảnh có thể biểu hiện ra nhiều hình ảnh, một thân thể có thể biểu hiện ra nhiều thân thể không còn là điểm khó tin, khó hiểu.

Với đầu óc tinh xảo của khoa học còn có thành tựu những pháp lạ như thế, huống nữa là những đầu óc của giới đức, thiên định và tuệ giác, với trái tim của bồ-đề nguyện lực, thì việc một thân biểu hiện nhiều thân để độ đời không còn là huyền thoại hay tưởng tượng mà là rất hiện thực đối với những ai đã thành tựu đối với các thiên định.

3. Thực Tập Thiên Định Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn

Đây là loại thiên định có năng lực hiểu rõ ngôn ngữ của hết thảy chúng sanh. Thiên định này là được thiết lập trên nền tảng của ngũ hành thanh tịnh. Ngũ hành thanh tịnh là do công phu thiền tập, khiến cho các tâm hành thuộc về

ngũ hoàn toàn lắng yên.

Tâm (vitakka), tứ (vicara), tưởng (saṃjñā) là những tâm hành thuộc về ngũ.

Trong khi thực tập thiền định với sự vắng mặt của tâm (vitakka) và tứ (vicara) ta sẽ an trú vững chãi ở Nhị thiền, ta có hỷ và lạc do thiền định phát sinh. Và trong khi thực tập thiền định mà tâm thức hoàn toàn vắng mặt của những hoạt động của thọ và tưởng, tâm ta sẽ an trú vững chãi và thấm sâu vào Diệt thọ tưởng định.

Do đó, ngũ hành thanh tịnh là ngũ không bị tác động bởi tâm, tứ, và tưởng hay tư duy hữu ngã.

Tư duy hữu ngã hoàn toàn vắng lặng, tâm hoàn toàn ở trạng thái thuần tịnh và trong sáng. Từ nơi thể tính ấy mà nhìn thấy hết thấy tướng của thế gian đều là tướng của tịch diệt và hết thấy nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh trong thế gian đều là hư huyễn, bất thực, nhưng chúng sanh do vô minh mà sinh khởi tham ái, chấp thủ, nghiệp hữu, nên mù mịt đắm chìm trong nhân duyên

NGHIỆP QUẢ KHỔ VUI HƯ HUYỄN BẤT THỰC ẤY, QUÊN MẤT ĐƯỜNG VỀ, KHÔNG BIẾT NẸO RA, NÊN BỒ TÁT HƯNG KHỞI ĐẠI BÌ TÂM, LẬP THỆ VÀ NGUYỆN ĐỂ CỨU ĐỘ CHÚNG SANH.

Lắng nghe mọi cử chỉ, mọi động tác, mọi âm thanh của chúng sanh từ mọi phía, mọi ngôn ngữ từ mọi đối tượng để hiểu sâu vào thể tính, tướng trạng, nhân duyên, năng lực quả báo và gốc rễ ngọn ngành của mọi tâm trạng phát ra ngôn ngữ, hay cử chỉ, nhằm ứng hóa thân thích hợp với từng đối tượng ấy, nhằm thuyết pháp theo ngôn ngữ của họ, để giúp họ thoát khỏi khổ đau, tìm đủ mọi phương tiện để đưa họ vượt ra khỏi những khổ vui hư huyễn, đạt đến niềm vui giải thoát và giác ngộ của Phật.

Trên con đường chuyển hóa chúng sanh từ mê đến ngộ, từ ngu đến trí, từ phàm đến thánh, từ khổ đến lạc, Bồ tát phải tu tập thành tựu hai loại thiền định Hiện nhất thiết sắc thân và Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn và luôn luôn sử dụng hai loại thiền định này bằng trái tim bồ-đề và nguyện lực.

Ta phải thực tập thiền định để hiểu rõ mọi thứ ngôn ngữ

của chúng sanh qua các trường đào tạo ngôn ngữ học. Ta phải thực tập thiền định để ta có ngôn ngữ của trái tim và bằng chính ngôn ngữ này, có khả năng dập tắt mọi ngôn ngữ dối trá, xảo quyệt, hận thù và phân hóa, khiến cho điệu âm chân thật được biểu lộ trong mọi sinh hoạt thực tế của con người.

BỒ TÁT DIỆU ÂM¹, PHẨM 24 CỦA KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

**Tỷ kheo Thích Thái Hòa
dịch sang Việt từ bản Hán của ngài La Thập**

Bấy giờ, đức Phật Thích-ca-mâu-ni, phóng ra ánh sáng từ nơi tướng nhục-kết²; và phóng ra ánh sáng từ nơi tướng bạch-hào giữa hai chặn mày của bậc Đại nhân³, chiếu sáng cùng khắp các thế giới chư Phật ở phương đông nhiều như cả trăm tám vạn ức triệu số cát sông Hằng⁴.

Vượt qua các thế giới của chư Phật ở phương đông ấy, có thế giới tên là Tịnh-quang-trang-nghiêm⁵, cõi ấy có đức Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí⁶, Như-lai⁷, Ứng-cúng⁸, Chánh-biến-tri⁹, Minh-hành-túc¹⁰, Thiện-thệ¹¹, Thế-gian-giải¹², Vô-thượng-sĩ¹³, Điều-ngự-trượng-phu¹⁴, Thiên-nhân-su¹⁵, Phật¹⁶, Thế-tôn¹⁷, đang có vô lượng, vô biên đại chúng Bồ tát cung kính vây quanh, đức Như lai ấy đang vì đại chúng Bồ tát mà thuyết pháp. Đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni từ nơi ánh sáng của tướng bạch hào, soi

chiếu đến cùng khắp cõi nước của đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí ấy.

Bấy giờ, trong cõi nước Nhất-thiết-tịnh-quang-trang-nghiêm, có vị Bồ tát tên là Diệu-âm, từ lâu do đã từng gieo trồng căn bản các công đức, cúng dường, thân cận vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật, nên thành tựu trí tuệ sâu xa, đạt được các chủng loại chánh định¹⁸, như: Tướng diệu tràng¹⁹; Pháp hoa²⁰; Tịnh đức²¹; Tú vương hý²²; Vô duyên²³; Trí ấn²⁴; Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn²⁵; Tập nhất thiết công đức²⁶; Thanh tịnh²⁷; Thần thông du hý²⁸; Tuệ cự²⁹; Trang nghiêm vương³⁰; Tịnh quang minh³¹; Tịnh tạng³²; Bất cộng³³; Nhật triền³⁴; Bồ tát chứng đắc các chủng loại chánh định vĩ đại như vậy là đến cả hằng hà sa trăm ngàn vạn ức...

Khi ánh sáng của đức Phật Thích-ca-mâu-ni chiếu đến thân thể của Bồ tát Diệu-âm, vị Bồ tát này, liền bạch với đức Phật hiệu Tịnh-hoa-vương-trí rằng: "Bạch đức Thế-tôn! Con cần phải đi qua thế giới Ta-bà³⁵ để kính lễ, thân cận, cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni³⁶ và diện

kiến Bồ tát Pháp-vương-tử Văn-thù-sư-lợi³⁷; cùng diện kiến với các vị Bồ tát như: Dược-vương³⁸; Đồng-thí³⁹; Tú-vương-hoa⁴⁰; Thượng-hạnh-ý⁴¹; Trang-nghiêm-vương⁴²; Dược-thượng⁴³".

Bây giờ, đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, bảo Bồ tát Diệu-âm rằng: "Ông đừng khinh cỗi nước Ta-bà, sinh khởi ý tưởng cho là hạ liệt. Nay thiện nam tử! Thế giới Ta-bà ấy, cao thấp không đều, các núi đất đá, đầy đầy sự gồ ghề và dơ bẩn, thân Phật thì nhỏ nhoi, hình tướng của các vị Bồ tát cũng lại nhỏ thó, mà thân tướng của ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần; thân tướng của ta cao đến sáu trăm tám mươi vạn do tuần; thân của ông là đệ nhất đoan chính, trăm ngàn vạn phúc, ánh sáng thù diệu. Do đó, khi đến cỗi nước ấy, Ông đừng khởi sinh ý tưởng khinh thường, đối với đức Phật, Bồ tát và cỗi nước ấy cho là hạ liệt".

Bồ tát Diệu-âm liền tác bạch với đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí rằng: "Bạch Thế-tôn! Con nay đến thế giới Ta-bà là đều nhờ thần lực của Như-lai; nhờ thần thông du

hý của Như-lai; nhờ công đức trí tuệ trang nghiêm của Như-lai".

Ngay lúc đó, Bồ tát Diệu-âm đi vào chánh-định, thân không dao động, không rời pháp tòa; do thần lực chánh-định, ở nơi núi Kỳ-xà-quật⁴⁴, cách pháp tòa Thế-tôn không xa hiện ra tám vạn bốn ngàn hoa sen các châu báu, Vàng quý đỏ tía⁴⁵ làm thân; Bạc trắng làm lá; Kim cương làm tua; Ngọc báu đỏ⁴⁶ làm đài.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, thấy những hoa sen ấy, liền thưa với đức Phật rằng: "Do nhân duyên gì, điềm lành này hiện ra trước đây, hoặc có ngàn vạn hoa sen với Vàng quý đỏ tía làm thân; Bạc trắng làm lá; Kim cương làm tua; Ngọc báu đỏ làm đài?"

Bấy giờ, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, bảo Bồ tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đó là vị đại Bồ tát Diệu-âm, cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ tát bao quanh, từ cõi nước của đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, đều cùng muốn đi đến Thế giới Ta-bà này để cúng dường, gần gũi, lễ bái Như-lai, và lại cũng muốn cúng dường để nghe kinh Pháp hoa".

Bồ tát Văn-thù-sư-lợi, bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-tôn! Bồ tát ấy, do trông căn lành gì; thực hành công đức gì mà có năng lực thần thông vĩ đại như thế? Và thực hành Chánh-định gì? Xin nguyện Như-lai, vì chúng con nói rõ danh hiệu Chánh-định ấy, chúng con cũng muốn nỗ lực tu tập thực hành. Thực hành Chánh-định này mới có thể thấy sắc tướng lớn nhỏ, oai nghi đi đứng của Bồ tát ấy. Nguyện nhờ thần lực của đức Thế-tôn, khi vị Bồ tát ấy đến, khiến cho chúng con đều được chứng kiến".

Bấy giờ, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, bảo Bồ tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đức Như-lai hiệu Đa-bảo⁴⁷ diệt độ đến nay đã lâu, sẽ vì quý vị khiến hình tướng của vị Bồ tát ấy hiện ra".

Bấy giờ, đức Phật hiệu Đa-bảo, bảo Bồ tát Diệu-âm rằng: "Này thiện nam tử, hãy đến đây, Pháp-vương-tử Văn-thù-sư-lợi muốn thấy thân ông!"

Ngay lúc ấy, Bồ tát Diệu-âm từ nơi cõi nước ấy ẩn khuất, cùng khởi hành với tám vạn bốn ngàn Bồ tát, có bao nhiêu cõi nước mà chúng Bồ tát ấy đi qua, sáu diệu chấn động,

đều mưa xuống hoa sen bảy báu, trăm ngàn thiên nhạc không đánh tự vang. Mắt của Bồ tát Diệu-âm như lá hoa sen xanh rộng lớn. Giả sử trăm ngàn vạn mặt trăng hợp lại với nhau mà nghiêm chỉnh, thì diện mạo của Bồ tát Diệu-âm nghiêm chỉnh đoan chánh vượt xa hơn nhiều. Sắc thân Bồ tát bằng vàng chân thật; trang nghiêm bằng vô lượng trăm ngàn công đức; uy đức rực rỡ, ánh sáng chiếu khắp, đầy đủ các tướng xinh đẹp, bền chắc như thân Kim cang lực sĩ⁴⁸. Bồ tát Diệu-âm thể nhập đài sen bảy báu, bay lên hư không, cách mặt đất bảy cây đa-la, các vị Bồ tát cùng vây quanh mà đến núi Kỳ-xà-quật của thế giới Ta-bà này.

Bồ tát Diệu-âm đến rồi, từ đài bảy báu bước xuống, dùng ngọc Anh lạc giá trị trăm ngàn, mang đến chỗ đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, đầu mặt lễ sát chân, cung kính dâng ngọc Anh-lạc lên mà bạch với đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni rằng: " Bạch đức Thế-tôn! Đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, kính thăm hỏi Thế-tôn rằng: Ít bệnh; ít não; đi đứng thư thái; hành đạo an lạc không? Tứ đại điều hòa không? Thế sự có thể kham nhẫn không? Chúng sinh

có dễ nhiếp hóa không? Không có nhiều người tham lam, sân hận, ngu si, ganh tỵ, bần tiện, kiêu mạn chứ? Không có những người bất hiếu cha mẹ; không tôn kính bậc Sa-môn, tà kiến, lòng dạ không đẹp, không nhiếp phục năm thứ dục tình ư?

Bạch đức Thế tôn! Nơi thế giới này, chúng sinh có khả năng hàng phục các quân địch và ma oán không? Đức Như-lai hiệu Đa-bảo diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe kinh Pháp hoa không? Lại nữa, đức Như-lai hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí, có lời kính hỏi thăm rằng: Đức Như-lai hiệu Đa-bảo có yên ổn, ít phiền não, kham nhẫn sống lâu ở đời không? Bạch đức Thế-tôn! Con nay muốn thấy thân tướng của đức Phật hiệu Đa-bảo. Cúi xin đức Thế-tôn, chỉ dạy khiến con được thấy".

Bây giờ, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni nói với đức Phật hiệu Đa-bảo rằng: "Bồ tát Diệu-âm nguyện xin diện kiến Ngài".

Lúc ấy, đức Phật hiệu Đa-bảo gọi Bồ tát Diệu-âm bảo rằng: "Lành thay, lành thay! Diệu-âm có thể vì muốn cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và nghe kinh

Pháp hoa, cùng hội kiến với chư vị Bồ tát như Văn-thù-sư-lợi,... nên mới đến thế giới Ta-bà này".

Bấy giờ, Bồ tát Hoa-đức⁴⁹, bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-tôn! Bồ tát Diệu-âm đã gieo trồng căn lành gì; tu tập công đức nào mà có năng lực thần thông như thế?

Đức Phật dạy Bồ tát Hoa-đức rằng:

"Thời quá khứ có đức Phật, danh hiệu là Vân-lôi-âm Như-lai, A-la-hán, chánh-biến-tri, cõi nước với tên là Hiện-nhất-thiết-thế-gian, kiếp tên là Hỷ-kiến, Bồ tát Diệu-âm ở nơi một vạn hai ngàn năm, sử dụng mười vạn chủng loại âm nhạc để cúng dường đức Phật hiệu Vân-lôi-âm-vương, cùng dâng lên cúng dường tám vạn bốn ngàn bình bát bảy báu, vì do nhân duyên quả báo ấy, nên nay sinh ở cõi nước đức Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí, có năng lực thần thông như thế.

Này Bồ tát Hoa-đức, Ngài nghĩ thế nào? Bồ tát cúng dường âm nhạc, cũng như dâng bát báu cúng dường, nơi trú xứ của đức Phật hiệu Vân-lôi-âm-vương, đâu có phải người nào

khác lạ, nay chính là đại Bồ tát Diệu-âm này đây.

Này Bồ tát Hoa-đức! Vị Bồ tát Diệu-âm ấy, đã từng cúng dường, thân cận vô lượng chư Phật, đã từng gieo trồng căn bản phước đức lâu xa; lại còn gieo trồng căn lành nơi trăm ngàn vạn ức triệu Hằng hà sa số chư Phật nữa.

Này Bồ tát Hoa-đức! Ngài chỉ thấy thân tướng của Bồ tát Diệu-âm đang ở tại đây, nhưng thực ra vị Bồ tát ấy, đang biểu hiện nhiều chủng loại thân tướng khắp cả mọi nơi, vì hết thấy chúng sinh mà tuyên diễn pháp thoại Pháp hoa⁵⁰. Vị Bồ tát ấy, hoặc đang hiện các thân tướng như: Phạm-vương; Đế-thích; Trời tự-tại; Trời đại-tự-tại; Trời đại-tướng-quân; Thiên vương Tỳ-sa-môn; Chuyển luân Thánh vương; các Tiểu vương; Trưởng giả, Cư sĩ; Tể quan; Bà-la-môn; Tỷ kheo; Tỷ kheo ni; Ưu-bà-tắc; Ưu-bà-di; Phụ nữ thuộc hàng Trưởng giả; phụ nữ thuộc hàng Cư sĩ; phụ nữ thuộc hàng Tể quan; phụ nữ thuộc hàng Bà-la-môn; Trẻ em nam; Trẻ em nữ; chư Thiên; Long thần, Dạ-xoa⁵¹; Càn-thát-bà⁵²; A-tu-la⁵³; Ca-lâu-la⁵⁴; Khẩn-na-la⁵⁵; Ma-hầu-la-già⁵⁶, thân người và không phải thân người,... mà tuyên

diễn kinh điển Pháp hoa. Các chủng loại hữu tình như: Địa ngục, nga quỷ, súc sinh và những xứ sở chướng nạn, Bồ tát ấy đều có thể hiện thân cứu giúp, cho đến có thể biến hiện làm thân nữ ở trong hậu cung của vua để tuyên diễn kinh điển Pháp hoa.

Này Hoa-đức! Bồ tát Diệu-âm ấy, có năng lực cứu độ những chủng loại chúng sinh ở nơi thế giới Ta-bà; Bồ tát Diệu-âm biểu hiện nhiều chủng loại thân tướng ấy nơi cõi nước Ta-bà này, vì các chủng loại chúng sinh tuyên dương kinh điển Pháp hoa, mà ở nơi trí tuệ, năng lực biến hóa thân thông của vị Bồ tát ấy không hề tổn giảm. Bồ tát Diệu-âm ấy sử dụng trí tuệ, chiếu soi thế giới Ta-bà, khiến cho hết thảy chúng sinh ai ai cũng đều biết đến vị Bồ tát ấy; chúng sinh ở trong mười phương Hằng hà sa thế giới, cũng lại như vậy.

Nếu đối với những ai cần sử dụng thân tướng Thanh-văn để đạt được sự hóa độ, thì Bồ tát liền vì họ, hiện thân tướng ấy để tuyên dương chánh pháp; đối với những ai cần sử dụng thân tướng Bích-chi-phật để đạt được sự hóa

độ, thì Bồ tát liền vì họ mà biểu hiện thân tướng ấy để tuyên dương chánh pháp; đối với những ai cần sử dụng thân tướng Bồ tát để đạt được sự hóa độ, thì Bồ tát liền vì họ mà biểu hiện thân tướng ấy để tuyên dương chánh pháp; đối với những ai cần sử dụng thân tướng Phật để đạt được sự hóa độ, thì Bồ tát liền vì họ, mà hiện ra thân tướng ấy để tuyên dương chánh pháp. Các chúng sinh đủ chủng loại như vậy, Bồ tát Diệu-âm thuận theo chỗ thích ứng mà biểu hiện đủ các hình tướng để hóa độ. Cho đến đối với những kẻ cần phải sử dụng sự diệt độ⁵⁷, để đạt đến sự hóa độ, thì Bồ tát ấy cũng thị hiện sự diệt độ. Nay Hoa-đức! Đại Bồ tát Diệu-âm, thành tựu năng lực thần thông và trí tuệ vĩ đại, như vậy là hành sự của vị Bồ tát ấy".

Bấy giờ, Bồ tát Hoa-đức bạch đức Phật rằng: "Bạch Thế tôn! Bồ tát Diệu-âm gieo trồng căn lành sâu xa; bạch Thế tôn! Bồ tát ấy an trú vào chánh định gì mà có khả năng biểu hiện thần biến như vậy, để hóa độ chúng sinh giải thoát?"

Đức Phật dạy Bồ tát Hoa-đức rằng: "Này thiện nam tử!

Chánh-định ấy, tên là Hiện-nhất-thiết-sắc-thân⁵⁸, Bồ tát Diệu-âm an trú ở trong chánh định ấy, nên có năng lực làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh như vậy".

Lúc nói phẩm Bồ tát Diệu-âm, tám vạn bốn ngàn người cùng đi đến với Bồ tát Diệu-âm, đều được Chánh-định Hiện-nhất-thiết-sắc-thân, vô lượng Bồ tát ở nơi thế giới Ta-bà này cũng đều chứng được chánh-định và giữ gìn hết thảy Phật pháp không để rơi mất⁵⁹.

Bấy giờ, đại Bồ tát Diệu-âm cúng dường đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và tháp đức Phật hiệu Đa-bảo xong, liền trở lại cõi nước cũ, các cõi nước Bồ tát Diệu-âm đi qua, sáu diệu chấn động, hoa báu mưa xuống, hợp tâu trăm ngàn vạn ức các chủng loại nhạc cụ.

Bồ tát Diệu-âm cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ tát đến chỗ của đức Phật hiệu Tịnh-hoa-tứ-vương-trí, nhiễu quanh và bạch lên đức Phật này rằng: "Bạch Thế-tôn! Chúng con đến thế giới Ta-bà, lợi ích chúng sinh, diện kiến đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni và diện kiến tháp của đức Phật hiệu Đa-bảo, lễ bái, cúng dường; lại diện kiến Bồ tát Pháp-

vuơng-tử Văn-thù-sư-lợi và diện kiến các vị bồ tát như: Dược-vương, Đắc-cần-tinh-tán- lực, Đồng-thí,... lại cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ tát chứng đắc chánh-định Hiện-nhất-thiết-sắc-thân".

Khi nói phẩm Bồ tát Diệu-âm đến và đi, có bốn vạn hai ngàn thiên tử, chứng được Pháp-nhẫn-vô-sinh⁶⁰; Bồ tát Hoa-đức chứng được Chánh-định Pháp hoa.

CHÚ THÍCH

¹ Phạm văn là chương 23. Mẫu tự La tinh là: Gadgadasvaraparivartah; hiện có ở trongở Sanskrit Text No. 6, bằng mẫu tự Devanāgarī. Gadgadasvara: Gadgada, có nghĩa là lời nói phát ra nhiều cung bậc, điều luyện; svara, có nghĩa là âm thanh. Gadgadasvara, nghĩa là âm thanh của lời nói phát ra nhiều cung bậc điều luyện, ví như âm thanh của nhạc khí hòa điệu trôi lên một cách tuyệt diệu. Svara, cũng có nghĩa tự tại. Gadgadasvara là tự tại đối với mọi nhạc khí và âm hưởng.

La Thập: Diệu-âm (tr 55, Đại chính 9); Trúc Pháp Hộ: Diệu-hống (tr 127, Đại chính 9); Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Diệu-âm (tr 190, Đại chính 9).

Bồ tát Diệu-âm là vị Bồ tát có khả năng phát ra âm thanh nhiều cung bậc điều luyện tuyệt vời, như trăm ngàn nhạc cụ cùng hòa điệu trôi lên vậy. Bồ tát có khả năng tự tại ấy là do Bồ tát đã từng thực hành hạnh cúng dường âm nhạc và bát khí, để phụng sự vô số chư Phật, do nhân như vậy, nên tạo thành danh hiệu là Diệu-âm.

² Tượng nhục kế: Phạm: Uṣṇīṣa-sīraskatā. Pāli: Uṇhīsa-sīso. Phiên âm là Ôn-sắt-ni-ca; Ô-sắt-ni-ca; Uất-sắt-ni-sa. Tượng nhục kế là tượng cục thịt nổi trên đỉnh đầu của bậc Đại nhân. Tượng ấy tròn đầy, tóc xoắn xoay về

bên phải. (Trung A Hàm 11, Đại chính 2).

Phạn: Mahāpuruṣa lakṣaṇād. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Đại nhân tướng nhục kế. (tr 55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Mi đánh Đại nhân chi tướng. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Đại nhân tướng nhục kế. (tr190a, Đại chính 9). Mahāpuruṣa lakṣaṇād, thuộc biến cách năm, nên có nghĩa là: "Từ nơi tướng Đại nhân". Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều thuộc về tướng của Đại nhân.

³ Từ nơi tướng bạch hào giữa hai chặn mày: Phạn: Bhrūvivaraṇtarādūṃkāśāt. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Mi gian bạch hào tướng. (Tr 55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Mi đánh Đại nhân chi tướng. (tr 127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa đều dịch như bản của ngài La Thập. Phạn văn: Bhrūvivaraṇtarādūṃkāśāt: Biến cách năm, nên có nghĩa là: "Từ nơi tướng lông trắng giữa hai chặn mày".

⁴ Trăm tám vạn ức triệu số cát sông Hằng: Phạn: Aṣṭādaśagaṅgānādivalikāsamāni. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Bách bát vạn ức na do tha Hằng hà sa đẵng. (tr 55a, Đại chính 9). Thiên bát bách vạn ức giang hà sa. (tr 127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Bách bát vạn ức na do tha Hằng hà sa đẵng. (tr 190a, Đại chính 9). Theo Phạn văn hiện có là Aṣṭādaśagaṅgānādivalikāsamāni = nghĩa là bằng số cát tám mươi sông Hằng.

⁵ Tịnh quang trang nghiêm: Phạn: Vairocanaśmipratimaṇḍitā. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tịnh quang trang nghiêm (tr 55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Trang nghiêm chiếu minh (tr 127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tịnh quang trang nghiêm (tr 190a, Đại chính 9). Tịnh quang trang nghiêm là trang nghiêm thể giới bằng ánh sáng thanh tịnh tỏa chiếu cùng khắp.

⁶ Phật hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí: Phạn: Kamaladala vimalanaṣṭararājasamkusumitābhijña. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tịnh-hoa-tú-vương-trí. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Ly-cầu-tử-kim-tú-hoa-vương. (tr 127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tịnh-hoa-tú-vương-trí. (190a, Đại chính 9).

⁷ Như lai: Phạn: Tathāgata. Các Hán bản đều dịch là Như-lai. Như-lai là

Bậc đã đến chơn như và thường sống với tính chơn như ấy.

⁸ Ứng cúng: Phạn: Arhan: La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Ứng cúng. Trúc Pháp Hộ: Chí chơn. (tr 127a, Đại chính 9). Ứng cúng là một trong ba nghĩa của Arhan (A-la-hán), nghĩa là Bậc xứng đáng kính lễ và cúng dường của thế giới chư thiên và loài người. Hai nghĩa còn lại: sát tặc và vô sinh. Sát tặc là đã giết sạch giặc phiền não ở nơi tâm; vô sinh, nghĩa là phiền não chướng và sở tri chướng không còn nhân duyên sinh khởi trở lại ở nơi tâm và trở lại ở trong cõi sinh tử. Nên, Arhan (A-la-hán) là vị đã chấm dứt sinh tử ngay trong đời này, đời sống phạm hạnh đã thiết lập, điều đáng làm đã làm xong, vĩnh viễn không còn tái sinh. Vì vậy, Arhan (A-la-hán), cũng còn gọi là bậc Vô-sinh và cũng là thuộc tính và bình đẳng với Như lai. Nên, trong cấu trúc ngữ pháp tiếng Phạn, cũng như Pāli, Arhat đồng cách với Như lai.

⁹ Chánh biến tri: Phạn: Samyaksambuddha. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Chánh biến tri. Trúc Pháp Hộ: Đẳng chánh giác. (tr 127a, Đại chính 9). Samyaksambuddha là biết chính xác và cùng khắp đối với Khổ Tập Diệt Đạo ở trong tam thừa.

¹⁰ Minh hành túc: Phạn văn hiện có lược bớt. La Thập và Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Minh hạnh túc.

Minh hành túc, tiếng Phạn Vidyācaranāsampana; Pāli: Vijjācaranasampanna. Minh và hành đầy đủ. Thực hành đầy đủ các minh như: Thiên nhãn minh; Túc mạng minh; Lậu tận minh. (Thập hiệu kinh, tr 720a, Đại chính 17).

¹¹ Thiện thế: Phạn và Trúc Pháp Hộ đều lược bớt. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Thiện thế. Thiện thế, tiếng Phạn là Sugata. Su là hạnh phúc, cao thượng, an toàn; gata là đạt đến. Sugata hay Thiện thế là Bậc đã đến hạnh phúc cao thượng và an toàn.

¹² Thế gian giải: Phạn: Lược dịch. Trúc Pháp Hộ: lược dịch. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Thế gian giải. Thế gian giải, tiếng Phạn là Lokavidū. Hiểu rõ thế gian. Nghĩa là hiểu rõ các pháp thuộc về thế gian như: uẩn, xứ, giới, các sinh thú...

¹³ Vô thượng sĩ: Phạn: Lược dịch. Trúc Pháp Hộ: lược dịch. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Vô thượng sĩ. Vô thượng sĩ, tiếng Phạn là Anuttra

là Bạc các loại phiền não đều đã được đoạn trừ, vì vậy thế gian không ai có thể vượt qua, nên gọi là Vô thượng sĩ.

¹⁴ Điều ngự trượng phu: Phạn: Lược dịch. Trúc Pháp Hộ: Lược dịch. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Điều ngự trượng phu. Ấy là chỉ cho bậc Đạo sư có khả năng điều phục và huấn luyện tất cả chúng sinh, chuyên chở tất cả đến nơi giác ngộ. Như người tài xế giỏi lái xe đưa khách đến chỗ an toàn.

¹⁵ Thiên nhân sư: Phạn: Lược dịch. Trúc Pháp Hộ: Lược dịch. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Thiên nhân sư. Thiên nhân sư, tiếng Phạn là Śāntādevamanuṣyānām là bậc Đạo sư của thế giới người trời.

¹⁶ Phật: Phạn: Lược dịch. Trúc Pháp Hộ: Lược dịch. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Phật. Phật, tiếng Phạn là Buddha, nghĩa là đáng Giác ngộ hoàn toàn.

¹⁷ Thế-tôn: Phạn: Lược dịch. Trúc Pháp Hộ: Lược dịch. La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Thế-tôn. Thế-tôn, tiếng Phạn là Bhagavān, Bhagavat, các Kinh, Luận giải thích nhiều nghĩa sâu cạn khác nhau. Đại trí độ luận, giải thích Bhagavān hay Bà-già-bà là hữu đức; xảo phân biệt; hữu thanh danh; phá dâm nô si,... (Đại trí độ luận 11, tr 70bc, Đại chính 25). Thế-tôn là bậc hữu đức, vì Ngài có đầy đủ mười đức hiệu và trong mỗi một đức hiệu, lại có đủ mười đức hiệu; không những vậy, mà Ngài còn có đầy đủ Bốn đức vô sở úy; Mười năng lực trí tuệ; Mười tám pháp bất cộng, nên Ngài là bậc Hữu đức; là đáng Thế-tôn, nghĩa là Đáng Tôn-kính của cả hai giới thế gian và xuất gian. Vì vậy, gọi Ngài là đáng Thế-tôn hay Bà-già-bà.

¹⁸ Chánh định: La Thập dịch là Tam-muội. (tr 55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ dịch là Tam-muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa dịch là Tam-muội. (tr190a, Đại chính 9). Tam-muội, Phạn là Samādhi. Hán, phiên âm là Tam-ma-địa, Tam-ma-đề, Tam-ma-đế, dịch là Đẳng trì, Định, Chánh định, Định ý, Điều trực định, Chánh tâm hành xứ. Ấy là chỉ cho trạng thái thiền định, tâm an trú vững chãi vào một đối tượng duy nhất.

¹⁹ Diệu tràng tướng tam muội: Phạn: dhvajragrakeyurasamādhi (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Diệu tràng tướng tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Tôn trọng tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà

Na Quật Đa và Cấp Đa: Diệu tràng tướng tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Diệu tràng tướng tam muội, là trạng thái tâm an trú vững chãi uy hùng vào một đối tượng duy nhất không vọng động. Tràng, dịch từ chữ dhvajra của tiếng Phạn, có nghĩa là cờ đầy uy quyền. Như vậy, "Diệu tràng tướng tam muội là loại thiền định có quyền lực cao nhất trong các loại thiền định, ví như lá cờ đầy quyền uy của một viên đại tướng chiến thắng". (Cát tạng, Pháp hoa nghĩa sớ 12, Đại chính 34).

²⁰ Pháp hoa tam muội: Phạn: Saddharmapūṇḍarīkasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Pháp hoa tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Định pháp hoa tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Pháp hoa tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Pháp hoa tam muội, nghĩa là Định chánh pháp hoa. Định này là tâm an trú duy nhất vào thực tướng trung đạo. Nghĩa là bất cứ ở đâu, lúc nào, hành hoạt gì, tâm của hành giả, đều an trú duy nhất vào thực tướng trung đạo.

²¹ Tịnh đức tam muội: Phạn: Vimaladatasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tịnh đức tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Thi ly cầu tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tịnh đức tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Tịnh đức tam muội, định này là các phiền não nơi tâm bị nhiếp phục và quét sạch. Từ định này mà các giới thể thanh tịnh sinh khởi đầy đủ cả ba chủng loại, gồm: Nhiếp luật nghi giới; Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới.

²² Tú vương hý tam muội: Nakṣatrarājavikroḍitasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tú vương hý tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Nhạo tú vương tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tú vương hý tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Tú vương hý tam muội là loại thiền định nội tâm không vương sở đắc, ngoại cảnh không kẹt sở cầu, tha hồ vui chơi, tự tại như chúa tể của các tinh tú tỏa chiếu giữa hư không, không có chướng ngại.

²³ Vô duyên tam muội: Phạn: Anilambhasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Vô duyên tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Vô trước quang tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Vô duyên tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Vô duyên tam muội là loại thiền định tâm rộng lặng bình đẳng, sáng suốt không kẹt vào chủ thể

và đối tượng.

²⁴ Trí ấn tam muội: Phạn: Jñānamudrāsamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Trí ấn tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Tuệ ấn tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Trí ấn tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Trí ấn tam muội là loại thiền định thuộc về ấn tín tuệ giác. Ấn tín ấy, từ nơi trí dụng nội chứng mà khởi hiện nghiệp dụng thanh tịnh của thân ngữ ý. Theo Cát tạng và Khuy cơ: "Trí ấn là sử dụng trí Bát nhã làm ấn, ấn vào lý thực tướng và lại dùng trí thiền định ấy làm ấn để quyết định đúng sai, chơn giả". (Cát tạng, Pháp hoa nghĩa số 12, Đại chính 34; Khuy cơ, Pháp hoa huyền nghĩa tán 10, Đại chính 34).

²⁵ Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội: Phạn: Sarvarūtakauśalya-samādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Phổ hiểu chư âm tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Giải nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn tam muội là thiền định hiểu biết hết thấy tiếng nói của chúng sinh.

²⁶ Tập nhất thiết công đức tam muội: Phạn: Sarvapūṇyasamuñścaya-samādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tập nhất thiết công đức tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Đẳng tập chúng đức tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tập nhất thiết công đức tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Tập nhất thiết công đức tam muội là thiền định tập khởi hết thấy công đức.

²⁷ Thanh tịnh tam muội: Phạn: Prasadavatīsamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Thanh tịnh tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Hỷ tín tịnh tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Thanh tịnh tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Thanh tịnh tam muội là thiền định tin vui trong suốt.

²⁸ Thần thông du hý tam muội: Phạn: Rddhivikrīḍitasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Thần thông du hý tam muội. (tr55a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Thần túc hý lạc tam muội. (tr127a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Thần thông du hý tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Thần thông du hý tam muội là thiền định thần thông đi vui chơi

không vướng mắc đối với năm uẩn, sáu căn, sáu trần và sáu thức.

²⁹ Tuệ cự tam muội: Phạn: Jñānolkāsamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tuệ cự tam muội. (tr55b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Tuệ quang tam muội. (tr127ab, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tuệ cự tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Tuệ cự tam muội là thiền định thành tựu ngọn đuốc trí tuệ, có khả năng chiếu phá vô minh, thấy rõ tự tính thanh tịnh, bỏ đề hay Phật tính nơi chính mình và tất cả chúng sinh.

³⁰ Trang nghiêm vương tam muội: Phạn: Vyuharājasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Trang nghiêm vương tam muội. (tr55b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Nghiêm tịnh vương tam muội. (tr127b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Trang nghiêm vương tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Trang nghiêm vương tam muội là thiền định vua của mọi sự trang nghiêm. Thiền định này là an trú vào thể tính lặng của tâm bỏ đề hay Phật tính và từ nơi thể tính ấy mà khởi hiện mọi sự trang nghiêm.

³¹ Tịnh quang minh tam muội: Phạn: Vimalaprabhāsasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tịnh quang minh tam muội. (tr55b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Ly cấu quang tam muội. (tr127b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tịnh quang minh tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Tịnh quang minh tam muội là thiền định an trú vào tính minh triệt sáng suốt không ô nhiễm ở nơi tự tâm.

³² Tịnh tạng tam muội: Phạn: Vimalagarbhasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Tịnh tạng tam muội. (tr55b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Ly cấu tạng tam muội. (tr127b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Tịnh tạng tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Tịnh tạng tam muội là thiền định an trú vào kho tàng pháp giới tính thân thanh tịnh của Như lai.

³³ Bất cộng tam muội: Phạn: apṛkṛtsnasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Bất cộng tam muội. (tr55b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Vô duyên tam muội. (tr127b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Bất cộng tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Bất cộng tam muội là thiền định đặc biệt, chỉ có những vị Bồ tát tu tập ngang tầm với Bồ tát Diệu-âm mới có loại thiền định này.

³⁴ Nhật triển tam muội: Phạn: Sūryārvartasamādhī. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). La Thập: Nhật triển tam muội. (tr55b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Nhật chuyển tam muội. (tr127b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Nhật triển tam muội. (tr190a, Đại chính 9). Nhật triển tam muội là thiền định chuyển vận xoay quay mặt trời.

*Cả ba bản văn hệ Hán đều nêu lên mười sáu loại Tam muội của Bồ tát Diệu-âm đạt được; bản văn hệ Sanskrit hiện có ở trong Buddhist Sanskrit Text No. 6, nêu lên mười bảy loại Tam-muội, trong đó mười sáu loại như văn hệ Hán đã dẫn để chú thích và thêm một loại Tam-muội nữa, ấy là "Candrapradīpasamādhī = Nguyệt đăng quang tam-muội". (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 244). Ấy là loại thiền định như ánh sáng mặt trăng và ngọn đèn.

³⁵ Thế giới Ta-bà: Phạn: Saha-lokadhatu. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập: Ta-bà thế giới. (tr55b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa đồng dịch như La Thập. Trúc Pháp Hộ: Nhẫn thế giới. (tr127b, Đại chính 9). Thế giới Ta-bà là thế giới hình thành từ nghiệp của chúng sinh, nên thế giới ấy là vô thường, mong manh và có thể bị hủy hoại, nên chúng sinh thọ thân nghiệp ở thế giới này, phải kham nhẫn với khổ và rất ngang bướng với điều ác, rất khó điều phục, đức Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni giáo hóa chúng sinh nơi thế giới này phải kham nhẫn mới hóa độ được, nên Ngài có danh hiệu là Kham nhẫn Thế-tôn, và thế giới Ngài đang giáo hóa có tên là Kham nhẫn thế giới. Nên, ngài Trúc Pháp Hộ dịch Saha-dhatu là "Nhẫn thế giới".

³⁶ Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni: Phạn: Bhagavanta-Śakyamuni. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập: Thích-ca-mâu-ni-phật. (tr55b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa đồng dịch như La Thập. Trúc Pháp Hộ: Năng-nhân-phật. (tr127b, Đại chính 9).

³⁷ Bồ tát Pháp-vương-tử Văn-thù-sư-lợi: Phạn: Mañjuśrī-kumārabhūta. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập: Văn-thù-sư-lợi-pháp-vương-tử. (tr55b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa đồng dịch như La Thập. Trúc Pháp Hộ: Văn-thù-sư-lợi. (tr127b, Đại chính 9).

³⁸ Dược-vương: Phạn: Bhaiṣajyarāja. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập, Xà Na Quật Đa, Trúc Pháp Hộ: Dược-vương.

³⁹ Đồng-thí: Phạn: Pradānasūra. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập, Xà Na Quật Đa: Đồng-thí. Trúc Pháp Hộ: Diệu-dống.

⁴⁰ Tú-vương-hoa: Phạn: Nakṣatrājasamkumitabhajñam. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập, Xà Na Quật Đa, Trúc Pháp Hộ: Tú-vương-hoa.

⁴¹ Thượng-hạnh-ý: Phạn: Viśiṣṭacāritra. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập, Xà Na Quật Đa: Thượng hạnh ý. Trúc Pháp Hộ: Tôn-hạnh-ý.

⁴² Trang-nghiêm-vương: Phạn: Vyūharāja. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập, Xà Na Quật Đa: Trang-nghiêm-vương. Trúc Pháp Hộ: Tịnh-vương.

⁴³ Dược-thượng: Phạn: Bhaisjyarājasamudgata. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 244). La Thập, Xà Na Quật Đa: Dược-thượng. Trúc Pháp Hộ: Siêu-dược.

⁴⁴ Kỳ-xà-quật: Phạn: Gṛdhra-kūṭe. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 245). La Thập: Kỳ-xà-quật-sơn. (tr 55b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: đồng La Thập. Trúc Pháp Hộ: Linh-thứu-sơn. (tr 127b, Đại chính 9). Kỳ-xà-quật-sơn hay Linh-thứu-sơn nằm ở phía đông bắc thành phố Vương-xá, nước Ma-kiệt-đà. Hiện nay thuộc Bang Bhihar, Trung Ấn.

⁴⁵ Vàng quý đỏ tía: Phạn: Suvarṇaḍḍāni. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 245). La Thập: Diêm-phù-đàn-kim. (tr 55b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Diêm-phù-đàn-kim. (tr 190b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Từ kim. (tr 127b, Đại chính 9). Diêm-phù-đàn là loại vàng được sản xuất từ sông Nāḍaḍḍā (đàn), chảy qua rừng cây Jambū (Diêm-phù). Loại vàng này có màu vàng đỏ óng ánh như tia lửa. Ấy là loại vàng quý nhất.

⁴⁶ Ngọc báu đỏ: Phạn: Kimpūka. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 245). La Thập: Chân-thúc-ca-bảo. (tr 55b, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: đồng với La Thập. Trúc Pháp Hộ: lược. (tr 127b, Đại chính 9). Chân-thúc-ca-bảo là loại ngọc quý có nhiều màu đỏ, dáng như loại ngọc lưu ly đỏ. (Khuy cơ, Di lặc thượng sinh kinh số, tr 292c, Tục tạng kinh 35).

⁴⁷ Như lai hiệu Đa-bảo: Phạn: Prabhūtaratnastathāgato. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 246). La Thập: Đa-bảo-như-lai. (tr 55c, Đại chính 9). Trúc

Pháp Hộ: Chúng-bảo-như-lai. (tr127c, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Đa-bảo-như-lai. (tr 190c, Đại chính 9). Ngài Đa-bảo-như-lai, giáo chủ quốc độ Bảo-tịnh ở phương đông. Thích nghe kinh Pháp hoa và nguyện ở cõi nước nào có giảng kinh Pháp hoa là Ngài đến để nghe. Khi Ngài nhập diệt, nhưng vẫn lưu lại toàn thân xá-lợi ở trong bảo tháp. Khi đức Phật hiệu Thích- ca-mâu-ni, giảng kinh Pháp hoa, bảo tháp của Ngài liền vọt lên hư không đến chỗ giảng kinh để nghe và chứng minh pháp bảo này do đức Thích-ca-mâu-ni tuyên thuyết là chân thực.

⁴⁸ Thân kim cang lực sĩ: Phạn: Nārāyaṇasaṃhanakāyaḥ. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 246). La Thập: Na-la-diên kiên cố chi thân. (tr 55c, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Na-la-diên kiên cố chi thân. (tr 190c, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Thân lực vô cực. (tr127c, Đại chính 9).

⁴⁹ Bồ tát Hoa-đức: Phạn: Padmaśrībodhisattvo. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 247). La Thập: Hoa-đức Bồ tát. (tr55c, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Liên-hoa-thủ Bồ tát. (tr128a, Đại chính 9). Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Hoa-đức Bồ tát. (tr190c, Đại chính 9).

⁵⁰ Tuyên diễn pháp thoại Pháp hoa: Phạn: Saddharmapūṇḍarīka-dharma-paryāyaṃ sattvānāṃdeśayati. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Nhi vị thuyết pháp. (tr 56b, 191c, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: thuyết Chánh pháp hoa kinh. (tr128c, Đại chính 9).

⁵¹ Dạ-xoa: Phạn: Yakṣa. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Dạ-xoa. (tr56a, 191a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: lược. (tr128b, Đại chính 9). Dạ-xoa là chỉ cho loài quỷ thần có uy thế đi trên đất mà cũng đi trên không; chúng có khả năng hại loài người hoặc ủng hộ loài người và ủng hộ chánh pháp. Trí độ luận, Dạ-xoa có ba loại: Loại đi trên đất, có ăn uống và thưởng thức âm nhạc; loại ở trên không đầy đủ đại lực, đi nhanh như gió; và loại Dạ-xoa ở trong cung điện có đầy đủ tiện nghi và hưởng thụ phước báo. (q12, Đại chính 25).

⁵² Càn-thát-bà: Phạn: Gādradasvaro. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: (tr56a, 191a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: lược. (tr128b, Đại chính 9). Càn-thát-bà là loài quỷ thần ăn hương thơm.

Quý thần này có bốn loại: Càn-thất-bà-hầu hạ Trời Đế thích. Quý thần này không ăn thịt, uống rượu, chỉ ăn hương thơm. Càn-thất-bà "trung âm thân" hay "thân trung hữu" ở cõi Dục. Ấy là thân sau khi chết trước khi tái sinh đời sau. Thân ấy chỉ ăn hương thơm, vì thể thân này còn có tên Kiện-đạt-phước. Theo luận Đại-tỳ-bà-sa và Câu-xá: "Kiện-đạt-phước" hay "thân Trung hữu", khi nhập thai, trước hết khởi tâm điên đảo duyên theo dục cảnh phối hợp hoan lạc giữa nam và nữ mà gá vào. Nếu Kiện-đạt-phước nam thì duyên theo mẹ, tâm sinh ái nhiễm mà sinh khởi dục tình; nếu Kiện-đạt-phước nữ thì duyên vào cha, tâm sinh ái nhiễm mà khởi sinh dục tình. Nếu ngược với duyên cha mẹ thì tâm của Càn-thất-bà này liền khởi sinh sân hận. (Đại-tỳ-bà-sa luận 69, Đại chính 27; Câu-xá luận 9, Đại chính 29). Càn-thất-bà nghệ sĩ, ấy là loại quý thần chỉ tấu nhạc để xin hương thơm mà thọ thực. (Tuệ chiếu, Pháp hoa kinh huyền tán 2, Đại chính 34). Chiên-đàn-càn-thất-bà-thần-vương, ấy là loại Càn-thất-bà hay quấy phá các thai nhi và những trẻ sơ sinh khiến hay đau ốm. (Tham khảo: Thủ hộ đại thiên quốc độ kinh Thi hộ dịch, Tổng, Đại chính 19).

⁵³ A-tu-la: Phạn: Sura. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quạt Đa và Cấp Đa: A-tu-la. (tr56a, 191a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: A-tu-luân. (tr128b, Đại chính 9). A-tu-la, bản tiếng Phạn hiện có là Sura. Asura, gọi tắt là Sura (Tu-la). Hán phiên âm là A-tu-la, A-tác-la, A-tô-la, A-tổ-lạc, A-tu-luân,... dịch là Phi thiên không phải chư thiên; Phi đồng loại, nghĩa là không phải đồng loại với chư thiên mà cũng không đồng với loài người; phi đoan chính, có phước như chư thiên, nhưng không đoan chính như chư thiên. Phạn văn hiện có là Sura, là chỉ cho loài quý thần có nhiều phúc đức so với loài người. Các kinh như Tăng nhất A-hàm 3; Trường A-hàm 20; Đại lâu tán 2; Khởi thế nhân bản 5, đều có nói rõ thân tướng, trú xứ, sự tích, nghiệp nhân của loại quý thần này.

⁵⁴ Ca-lâu-la: Phạn: Garuḍa. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quạt Đa và Cấp Đa: Ca-lâu-la. (tr56a, 191a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Ca-lưu-la. (tr128b, Đại chính 9). Garuḍa, Hán phiên âm là Ca-lâu-la, yết-lộ-đồ, Già-lâu-la và dịch là Kim suy điều. Ấy là loài chim cánh vàng, to lớn hung dữ, thường bắt loài rồng để ăn. Theo Trường A-hàm 19: "Chim có bốn loại, gồm: Loại đẻ ra từ trứng; loại đẻ ra từ bào thai; loại đẻ ra từ âm ướt và đẻ ra từ biến hóa. Loại đẻ ra từ trứng có thể ăn loài rồng sinh ra từ trứng;

loại đẻ ra từ bào thai có thể ăn loài rồng sinh ra từ bào thai; loại đẻ ra từ âm ướm có thể ăn loài rồng sinh ra từ âm ướm; loại đẻ ra từ biến hóa có thể ăn loài rồng sinh ra từ biến hóa và các loại khác". (Trường A-hàm 19, Đại chính 1).

⁵⁵ Khẩn-na-la: Phạn: Kinnara. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Khẩn-na-la. (tr56a, 191a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Chân-đà-la. (tr128b, Đại chính 9). Kinnara, Hán phiên âm là Khẩn-na-la, Chân-đà-la, Khẩn-noa-la, Khẩn-đảm-lộ,... dịch là Ca-nhạc-thần, Âm-nhạc-thần,... nghĩa là Thần âm nhạc. Thần này hát rất hay và nhảy múa rất điêu luyện. Theo Hoa nghiêm thám huyền ký 2, trên đầu vị thần này có một cái sừng. (Pháp-tạng soạn, Đường, Hoa nghiêm thám huyền ký 2, Đại chính 35). Theo Hoa nghiêm kinh số 5, vị thần này là vị nhạc thần chấp pháp của Thiên đế thích. (Trùng-quán soạn, Đường, Hoa nghiêm kinh số 5, Đại chính 35).

⁵⁶ Ma-hầu-la-già: Mahoraga. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Ma-hầu-la-già. (tr56a, 191a, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Ma-hu-lặc. (tr128b, Đại chính 9). Mahoraga, Hán phiên âm là Ma-hầu-la-già, Ma-hộ-la-nga, Ma-hu-lặc, Ma-phục-lặc,... dịch là Địa long, Đại mãnh thần, Đại mãnh xà, Đại hung hành, Đại phúc hành... Theo ngài Cát-tạng: Loài quỷ thần này đầu rắn, thân người, không có chân, đi bằng bụng. Khi làm người do hủy phạm giới cấm, sống dối trá, nhiều sân hận, ít bố thí, ưa ăn uống rượu thịt, nên khi chết bị rơi vào loài quỷ thần, trong thân thể có rất nhiều loài trùng độc rúc rĩa, ăn thịt, nên đau đớn vô cùng. (Cát-tạng, Duy ma cát lượng số 2, Tục tạng 29; Trí-khai giảng, Trạng-nhiên sửa, Đại chính 38).

⁵⁷ Diệt độ: Phạn: Parinirvāṇa. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 248). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Diệt độ. (tr56b, tr191b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Diệt độ. (218b, Đại chính 9). Parinirvāṇa, Hán phiên âm là Bát-niết-bàn và dịch là Đại viên tịch. Ấy là cảnh giới của bậc đại Giác ngộ hoàn toàn ở trong sự tịch lặng cả thân và tâm. Có khi dịch là diệt độ, ấy là trạng thái tâm thức của bậc Giác ngộ đã diệt tận mọi phiền não và vượt qua sinh tử.

⁵⁸ Chánh định hiện nhất thiết sắc thân: Phạn: Sarvarūpaṃdarśanasya-samādheḥ. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P 249). La Thập, Xà Na Quật

Đa và Cấp Đa: Hiện nhất thiết sắc thân tam muội. (tr56b; 191b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Hiện nhập chúng tượng tam muội. (tr128c, Đại chính 9). Sarvarūpaṃdarśana-samādhi: Thiền định hiện ra hết thấy sắc thân để tùy duyên hóa độ hết chúng loại chúng sinh có sắc tướng.

⁵⁹ Giữ gìn hết thấy Phật pháp không để rơi mất. Phạn: Lược. La Thập; Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Đà-la-ni. (tr 56b; 191b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Tổng trì. (tr 128c, Đại chính 9). Đà-la-ni: Phạn là Dhāraṇī: Có nghĩa nắm giữ hết thấy thiện pháp. Hán, phiên âm là Đà-la-ni và dịch Tổng trì, năng trì. Trí độ luận, giải thích: "Thành tựu pháp Đà-la-ni này là một pháp nắm giữ hết thấy thiện pháp; một lời nắm giữ hết thấy lời; một nghĩa nắm giữ hết thấy nghĩa. Nên thành tựu pháp Đà-la-ni này là có thể nắm giữ hết thấy Phật pháp không để quên mất". (Đại trí độ luận 5, Đại chính 25).

⁶⁰ Pháp-nhẫn-vô-sinh: Phạn: Anutpattikadharmakṣānti. (Buddhist Sanskrit Text No. 6, P. 249). La Thập, Xà Na Quật Đa và Cấp Đa: Vô-sinh-pháp-nhẫn. (tr56b, 191b, Đại chính 9). Trúc Pháp Hộ: Vô-số-tùng-sinh-pháp-nhẫn. (tr128c, Đại chính 9). "Vô-sinh-pháp nhẫn là tin tưởng và tiếp nhận đối với lý thực tướng của các pháp là không sinh, không diệt, nên không thoái chuyển, không ngăn ngại".(Đại trí độ luận 50, tr 417c, Đại chính 25). "Tuệ an trú vào lý thực tướng vắng lặng của các pháp, tâm không khởi động, gọi là Vô-sinh-pháp-nhẫn". (Đại thừa nghĩa chương 12, tr701c, Đại chính 44).

PHẨM "DIỆU ÂM BỒ TÁT"

THỨ HAI MƯỜI BỐN

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch

1. Lúc bảy giờ, đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật từ nhục kế¹ tướng đại nhân phóng ra ánh sáng, và phóng ánh sáng nơi tướng lông trắng giữa chặn mày, soi khắp tám trăm muôn ức na-do-tha hằng-hà-sa các cõi Phật ở phương Đông.

Qua khỏi số đó có thể giới tên Tịnh-quang-trang-nghiêm. Nước đó có Phật hiệu: Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn², được vô lượng vô biên đại chúng Bồ tát cung kính vây quanh, mà vì chúng nói pháp.

Ánh sáng lông trắng của đức Thích Ca Mâu Ni Phật soi khắp cõi nước đó.

2. Lúc đó, trong các nước Nhứt-thiết-tịnh-quang-trang-nghiêm có một vị Bồ tát tên là Diệu-âm, từ lâu đã trồng

các gốc công đức, cúng dường gần gũi vô lượng trăm nghìn muôn ức các đức Phật mà đều được trọn nên trí huệ rất sâu, được môn Diệu tràng tướng tam muội, Pháp hoa tam muội, Tịnh đức tam muội, Tú vương hý tam muội, Vô duyên tam muội, Trí ấn tam muội, Giải nhứt thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội, Tập nhứt thiết công đức tam muội, Thanh tịnh tam muội, Thần thông du hý tam muội, Huệ cự tam muội, Trang nghiêm vương tam muội, Tịnh quang minh tam muội, Tịnh tạng tam muội, Bát cộng tam muội, Nhứt triển tam muội, v.v.. được trăm nghìn muôn ức hằng hà sa các đại tam muội như thế.

Quang minh của đức Thích Ca Mâu Ni Phật soi đến thân vị Bồ tát đó, liền bạch cùng đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật rằng: "Thế Tôn! Con phải qua đến cõi Ta bà để lễ lạy gần gũi cúng dường đức Thích Ca Mâu Ni Phật, cùng để ra mắt ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử Bồ tát, Dược-vương Bồ tát, Dong-thí Bồ tát, Tú-vương-hoa Bồ tát, Thượng-hạnh Ý Bồ tát, Trang-nghiêm-vương Bồ tát, Dược-thượng Bồ tát".

Khi đó, đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật bảo ngài Diệu-

âm Bồ tát: "Ông chớ có khinh nước Ta bà sanh lòng tưởng là hạ liệt. Thiện nam tử! Cõi Ta bà kia cao thấp không bằng, các núi đất đá đầy đầy sự dơ xấu, thân Phật kém nhỏ, các chúng Bồ tát thân hình cũng nhỏ, mà thân của ông cao lớn đến bốn muôn hai nghìn do tuần, thân của ta sáu trăm tám muôn do tuần. Thân của ông tốt đẹp thứ nhất trăm nghìn muôn phước sáng rõ đẹp lạ, cho nên ông qua chớ khinh nước kia hoặc ở nơi Phật, Bồ tát cùng cõi nước mà sanh lòng tưởng cho là hạ liệt".

Ngài Diệu-âm Bồ tát bạch với Phật đó rằng: "Thế Tôn! Con nay qua cõi Ta bà đều là do sức thần thông của Như-lai, do thần thông du hý của Như-lai, do công đức trí huệ trang nghiêm của Như-lai".

3. Lúc đó, ngài Diệu-âm Bồ tát, chẳng rời tòa, thân chẳng lay động mà vào trong tam muội, dùng sức tam muội ở nơi núi Kỳ Xà Quật cách pháp tòa chẳng bao xa hóa làm tám muôn bốn nghìn các hoa sen báu: vàng Diêm phù đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài.

Bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử thấy hoa sen bèn bạch cùng Phật rằng: "Thế Tôn! Đây do nhân duyên gì mà hiện điềm tốt này, có ngàn ấy nghìn vạn hoa sen: vàng Diêm phù đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân thúc ca làm đài?"

Khi ấy đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đó là Diệu-âm Đại Bồ tát từ cõi nước của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật muốn cùng tám muôn bốn nghìn Bồ tát vây quanh mà đến cõi Ta bà này để cúng dường gần gũi lễ lạy nơi ta, cũng muốn cúng dường nghe kinh Pháp hoa".

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Vị Bồ tát đó trông gốc lành gì, tu công đức gì mà có được sức đại thần thông như thế? Tu tam muội gì? Mong Phật vì chúng con nói danh tự của tam muội đó. Chúng con cũng muốn siêng tu hành đó. Tu hành môn tam muội này mới thấy được sắc tướng lớn nhỏ oai nghi tấn chỉ của vị Bồ tát đó. Cúi mong đức Thế Tôn dùng sức thần thông khi vị Bồ tát đó đến khiến chúng con được thấy".

Lúc ấy đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: "Đức Đa-bảo Như-lai đã diệt độ từ lâu, nay sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng của Bồ tát đó". Tức thời đức Đa-bảo Phật bảo Bồ tát đó rằng: "Thiện nam tử đến đây! Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử muốn thấy thân của ông".

4. Bây giờ, ngài Diệu-âm Bồ tát nơi cõi nước kia ẩn mặt, cùng với tám muôn bốn nghìn Bồ tát đồng nhau qua cõi Ta bà, ở các nước trải qua, sáu diệu vang động, thấy đều rưới hoa sen bằng bảy báu, trăm nghìn nhạc trời chẳng trỗi tự kêu, mắt của vị Bồ tát đó như cánh hoa sen xanh rộng lớn. Giả sử hòa hợp trăm nghìn muôn mặt trăng, diện mạo của Ngài tốt đẹp lại hơn nơi đây, thân sắc vàng ròng vô lượng trăm nghìn công đức trang nghiêm, oai đức rất thịnh, ánh sáng chói rực, các tướng đầy đủ như thân Na-La-Diên³ bền chắc.

Ngài vào trong đài thất bảo bay lên hư không cách đất bằng bảy cây đa-la. Các chúng Bồ tát cung kính vây quanh mà đồng đến núi Kỳ Xà Quật, ở cõi Ta bà này, đến rồi xuống đài thất bảo, dùng chuỗi ngọc giá trị trăm nghìn,

đem đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, đầu mặt lễ chân Phật dâng chuỗi ngọc lên mà bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Đức Tịnh Tú Hoa Vương Trí Phật hỏi thăm đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ, đi đứng thư thối, sở hành an vui chăng? Bốn đại đều hòa chăng? Việc đòi nhần được chăng? Chúng sanh dễ độ chăng? Không có người nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bòn sẻn, kiêu mạn chăng? Không kẻ chẳng thảo cha mẹ, chẳng kính Sa-môn⁴ tà kiến tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình⁵ chăng?

Thế Tôn! Chúng sanh hàng phục được ma oán chăng? Đức Đa-bảo Như-lai diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp chăng? Lại hỏi thăm đức Đa-bảo Như-lai: An ổn, ít khổ, kham nhẫn ở lâu được chăng? Thế Tôn! Nay con muốn thấy thân đức Đa-bảo Phật, cúi mong Thế Tôn chỉ bày cho con được thấy".

Lúc đó, đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Phật Đa-bảo rằng: "Ông Diệu-âm Bồ tát này muốn được ra mắt Phật".

Đức Đa-bảo Phật liền nói với Diệu-âm Bồ tát rằng: " Hay thay! Hay thay! Ông có thể vì cúng dường đức Thích Ca

Mâu Ni Phật và nghe kinh Pháp hoa cùng ra mắt Văn-thù-sư-lợi v.v.. nên qua đến cõi này".

5. Lúc bảy giờ, ngài Hoa-đức Bồ tát bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Ngài Diệu-âm Bồ tát trông gốc lành gì, tu công đức gì, mà có sức thần thông như thế?"

Đức Phật bảo ngài Hoa-đức Bồ tát: "Thuở quá khứ có Phật hiệu Vân-lôi-âm Vương Như-lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, cõi nước tên là Hiện Nhứt Thiết Thế Gian, kiếp tên Hỷ Kiến. Diệu-âm Bồ tát ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường đức Vân-lôi-âm Vương Phật cùng dâng lên tám muôn bốn ngàn cái bát bảy báu. Do nhân duyên quả báo đó nay sanh tại nước của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật, có sức thần như thế. Hoa-đức! Ý ông nghĩ sao? Thuở đó, nơi chỗ đức Vân-lôi-âm Vương Phật, Diệu-âm Bồ tát cúng dường kỹ nhạc cùng dâng bát báu lên đó, đâu phải người nào lạ, chính nay là Diệu-âm đại Bồ tát đây.

Hoa-đức! Diệu-âm Bồ tát này đã từng cúng dường gần gũi vô lượng các đức Phật, từ lâu trông gốc công đức, lại

gặp hằng hà sa trăm nghìn muôn ức na do tha đức Phật".

6. Hoa-đức! Ông chỉ thấy Diệu-âm Bồ tát thân hình ở tại đây, mà Bồ tát đó hiện các thứ thân hình, nơi nơi vì hàng chúng sanh nói kinh điển này.

Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Đại Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, hoặc hiện thân Tỳ sa môn Thiên Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân thánh vương, hoặc hiện thân các Tiểu vương, hoặc hiện thân Trưởng giả, hoặc hiện thân Cư sĩ, hoặc hiện thân Tể quan, hoặc hiện thân Bà la môn, hoặc hiện thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu-ba-tắc, Ưu-bà-di, hoặc hiện thân phụ nữ của Tể quan, hoặc hiện thân phụ nữ của Bà la môn, hoặc hiện thân đồng nam đồng nữ, hoặc hiện thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhơn cùng phi nhơn v.v... mà nói kinh này.

Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các chỗ nạn đều có thể cứu giúp, nhần đến trong hậu cung của vua biên

làm thân người nữ mà nói kinh này.

7. Hoa-đức! Diệu-âm Bồ tát này, hay cứu hộ các chúng sanh trong cõi Ta bà, Diệu-âm Bồ tát này biến hoá hiện các thân hình như thế ở tại cõi Ta bà này vì chúng sanh mà nói kinh Pháp hoa ở nơi thần thông biến hóa không hề tổn giảm. Vị Bồ tát này dùng ngàn ấy trí huệ sáng soi cõi Ta bà, khiến tất cả chúng sanh đều được hiểu biết, ở trong hằng hà sa cõi nước trong mười phương cũng lại như thế.

Nếu chúng sanh đáng dùng thân Thanh văn được độ thoát, liền hiện thân hình Thanh văn mà vì đó nói pháp.

Đáng dùng thân hình Duyên giác được độ thoát, liền hiện thân hình Duyên giác mà vì đó nói pháp, đáng dùng thân hình Bồ tát được độ thoát, liền hiện thân hình Bồ tát mà vì đó nói pháp.

Đáng dùng thân hình Phật được độ thoát, liền hiện thân hình Phật mà vì đó nói pháp. Theo chỗ đáng độ mà vì chúng hiện các thứ thân hình như thế, nhĩn đến đáng dùng diệt độ mà được độ thoát liền thị hiện diệt độ.

Hoa-đức! Diệu-âm đại Bồ tát trọn nên sức đại thần thông trí huệ, việc đó như thế.

Lúc đó ngài Hoa-đức Bồ tát bạch cùng Phật rằng: "Thế Tôn! Ngài Diệu-âm Bồ tát sâu trông căn lành. Thế Tôn! Bồ tát đó trụ tam muội gì mà có thể ở các nơi biến hiện thân hình độ thoát chúng sanh như thế?"

Phật bảo ngài Hoa-đức Bồ tát: "Thiện nam tử! Tam muội đó tên là Hiện nhứt thiết sắc thân. Diệu-âm Bồ tát trụ trong tam muội đó có thể giúp ích vô lượng chúng sanh như thế".

8. Lúc nói phẩm "Diệu-âm Bồ tát" này những Bồ tát cùng đi chung với Diệu-âm Bồ tát tám muôn bốn nghìn người đều được: Hiện nhứt thiết sắc thân tam muội. Vô lượng Bồ tát trong cõi Ta bà này cũng được tam muội đó và Đà-la-ni.

Khi ngài Diệu-âm đại Bồ tát cúng dường đức Thích Ca Mâu Ni Phật và tháp của Đa-bảo Phật xong rồi, trở về bốn độ, các nước đi trải qua đều sáu diệu vang động, rưới hoa

sen báu, trời trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc đã đến bốn quốc cùng tám muôn bốn nghìn Bồ tát vây quanh đến chỗ đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật mà bạch rằng: "Thế Tôn! Con đến cõi Ta bà lợi ích chúng sanh, ra mắt đức Thích Ca Mâu Ni Phật và ra mắt tháp đức Đa-bảo Phật lễ lạy cúng dường, lại ra mắt Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử Bồ tát, Dược-vương Bồ tát, Đắc-cần-tinh-tân-lực Bồ tát, Đông-thí Bồ tát, cũng làm cho tám muôn bốn nghìn vị Bồ tát này được Hiện nhứt thiết sắc thân tam muội".

Lúc nói phẩm Diệu-âm Bồ tát Lai Vãng này, bốn mươi hai nghìn vị Thiên tử được vô sanh pháp nhẫn. Hoa-đức Bồ tát được Pháp hoa tam muội.

CHÚ THÍCH

¹ Trên đầu đức Phật, thịt đùn cao lên như hình búi tóc, 1 tướng tốt trong 32 tướng tốt của thân Phật.

² Mỗi vị Phật đều có đủ 10 hiệu này, phải đủ 10 hiệu này mới phải là Phật:

1. Như-Lai: Toàn thể như như bất động, tùy duyên hóa độ mà đến trong muôn loài - đến trong muôn loài mà vẫn như như bất động.
2. Ứng-Cúng: Ruộng phước vô lượng vì lợi quần sanh nên đến thọ sự cúng dường của chín giới.
3. Chánh-Biến-Tri: Hiểu biết suốt thấu khắp tất cả pháp một cách chơn chánh đúng như thực.
4. Minh-Hạnh-Túc: Minh: trí huệ, Hạnh: công hạnh lợi mình lợi người.

Trí huệ và công hạnh đều hoàn bị.

5. Thiện-Thệ: Khéo qua. Qua Niết-bàn nhưng vẫn thường độ sanh, nhưng vẫn không rời Niết-bàn.

6. Thế-Gian-Giải: Rành rẽ tất cả pháp của thế-gian và xuất-thế-gian.

7. Vô-Thượng-Sĩ: Đáng vô thượng, không còn ai trên.

8. Điều-Ngự-Trượng-Phu: Bạc trượng phu hay điều hòa hóa độ chúng sanh nhu hòa, và hay ngự phục hóa độ chúng sanh cương cường.

9. Thiên-Nhân-Sư: Thầy của tất cả trời, người v.v...

10. Phật: Đáng vô-thượng chánh đẳng chánh giác.

"Thế-Tôn" hiệu chung của 10 hiệu trên. Nếu được đủ 10 đức hiệu trên thời là bậc tôn quý của thế-gian và xuất-thế-gian.

³ Kim-Cang: Một chất rất cứng rắn, không chi phá vỡ được

⁵ Hiệu chung của tất cả người xuất gia.

⁵ Năm-Căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.

PHẨM 24: BỒ TÁT DIỆU ÂM

Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch

Lúc bấy giờ, từ nơi gò thịt nổi trên đỉnh đầu và từ nơi lông trắng giữa hai đầu mày, là hai trong ba mươi hai tướng đại trượng phu, đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng, chiếu qua những cõi Phật ở hướng đông bằng nhiều lần trăm triệu hằng sa. Qua khỏi số lượng ấy thì có một thế giới hệ tên là Tịnh-quang-trang-nghiêm, đức Phật giáo chủ danh hiệu là Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai, đủ mười đức hiệu. Ngài đang thuyết pháp cho đại chúng Bồ tát cung kính bao quanh và nhiều đến vô số lượng vô giới hạn.

Ánh sáng từ nơi lông trắng của đức Thế Tôn chiếu đến thế giới hệ Tịnh-quang-trang-nghiêm. Tại đây có vị Bồ tát danh hiệu Diệu-âm. Vị ấy từ lâu đã gieo trồng các gốc rễ công đức, phụng sự thân gần vô lượng trăm ngàn vạn ức đức Phật, hoàn thành đầy đủ tuệ giác rất sâu, thể hiện định Cờ đẹp, định Hoa sen chánh pháp, định Phẩm chất trong suốt, định Trò chơi chúa tể tinh tú, định Không còn

vin theo, định Ân tín tuệ giác, định Biết hết tiếng nói chúng sinh, định Quy tụ hết thầy công đức, định Trong suốt, định Thần thông dạo chơi, định Đuốc tuệ, định Chứa tể mọi sự trang nghiêm, định Ánh sáng trong suốt, định Kho tàng trong suốt, định Đặc biệt, định Vòng xoay thái dương, thể hiện các định vĩ đại cùng loại như vậy, nhiều đến như trăm ngàn vạn ức hằng sa.

Khi ánh sáng của đức Thế Tôn chiếu đến thân thể của ngài Diệu-âm, thì vị Bồ tát ấy liền thừa đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai, rằng bạch đức Thế Tôn, con nên qua thế giới hệ Kham nhẫn để lễ bái thân gần và hiến cúng đức Thích-ca Thế Tôn, lại gặp vị Bồ tát thái tử của đức Pháp vương là ngài Văn-thù, gặp Bồ tát Dược-vương, Bồ tát Dũng-thí, Bồ tát Tú-vương-hoa, Bồ tát Thượng-hạnh, Bồ tát Trang-nghiêm-vương, Bồ tát Dược-thượng. Đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai bảo Bồ tát Diệu-âm, ông chớ có khinh thị Kham nhẫn mà sinh ra ý nghĩ thế giới hệ ấy thấp kém. Thiện nam tử, thế giới hệ Kham nhẫn chỗ cao chỗ thấp chứ không bằng phẳng, đủ các thứ núi đá núi đất, và đâu đâu cũng dơ cũng xấu. Ở đó thân Phật thấp

nhỏ, thân Bồ tát cũng vậy. Vậy mà thân ông cao đến bốn vạn hai ngàn do tuần, còn thân Như-lai cao đến sáu trăm tám chục vạn do tuần. Thân ông mà cũng đã đẹp nhất, với ngàn vạn phước tướng, với ánh sáng tuyệt diệu. Nên ông đến Kham nhẫn thì đừng khinh thế giới hệ ấy: đừng sinh ý tưởng thấp kém đối với Phật, với Bồ tát và với đất nước của thế giới hệ ấy. Bồ tát Diệu-âm thừa với đức Phật của mình, bạch đức Thế Tôn, nay con đến thế giới hệ Kham nhẫn là do sức của đức Thế Tôn - do thần thông du hóa, do công đức trang nghiêm và tuệ giác trang nghiêm của đức Thế Tôn.

Thế rồi Bồ tát Diệu-âm không đứng dậy khỏi chỗ mình ngồi, thân không dao động mà chỉ nhập định. Do định lực này mà tại Linh-son, cách pháp tòa của đức Thế Tôn không xa, xuất hiện tám vạn bốn ngàn hoa sen quý báu, với vàng Diêm-phù-đàn làm cuống, bạch ngân làm cánh, kim cương làm tua, ngọc chân thúc ca làm đài. Bồ tát Văn-thù, vị thái tử của đức Pháp vương, thấy những hoa sen ấy thì thưa, bạch đức Thế Tôn, vì lý do gì mà diêm lành như vậy hiện trước ra đây, là có mấy ngàn vạn hoa

sen với vàng Diêm-phù-đàn làm cuống, bạch ngân làm cánh, kim cương làm tua và ngọc chân thúc ca làm đài? Đức Thế Tôn bảo ngài Văn-thù, ấy là đại Bồ tát Diệu-âm muốn từ quốc độ của đức Tịnh-hoa-tứ-vương-trí Như-lai, cùng tám vạn bốn ngàn Bồ tát bao quanh, sẽ đến quốc độ Kham nhẫn này để hiến cúng thân gần và lễ bái Như-lai, lại muốn hiến cúng và nghe kinh Pháp hoa.

Ngài Văn-thù thưa, bạch đức Thế Tôn, vị Bồ tát ấy đã trồng thiện căn nào và làm công đức gì mà có thần lực vĩ đại như vậy? Vị Bồ tát ấy tu tập định nào, xin đức Thế Tôn dạy cho chúng con biết tên của định này. Định này chúng con cũng muốn nỗ lực tu tập. Tu tập định này mới thấy được sắc tướng lớn nhỏ và uy nghi tới chừng của vị Bồ tát ấy. Xin đức Thế Tôn dùng thần lực làm cho vị Bồ tát ấy đến đây để chúng con được thấy. Đức Thế Tôn bảo ngài Văn-thù, đức Đa-bảo Phật đà, một đức Phật nhập diệt đã lâu, sẽ làm hiện ra cho chư vị thấy sắc tướng của Bồ tát Diệu-âm. Bây giờ đức Đa-bảo Phật đà bảo Bồ tát Diệu-âm, thiện nam tử, hãy đến đây; Bồ tát Văn-thù, vị thái tử của đức Pháp Vương, muốn thấy thân ông.

Ngay lúc ấy, Bồ tát Diệu-âm ẩn mật tại quốc độ của mình, cùng tám vạn bốn ngàn Bồ tát xuất phát. Bao nhiêu quốc độ mà vị Bồ tát ấy đi qua đều chấn động sáu cách, đều mưa xuống hoa sen bằng bảy chất liệu quý báu, đều có cả trăm ngàn nhạc khí chư thiên không đánh mà tự kêu lên. Vị Bồ tát ấy mắt như cánh hoa sen xanh to lớn, và hợp lại cả ngàn vạn mặt trăng thì mắt vị Bồ tát ấy vẫn sáng đẹp hơn. Thân vị Bồ tát ấy màu sắc hoàng kim, được trang sức bởi vô lượng trăm ngàn đặc điểm, uy đức rực rỡ, ánh sáng chiếu tỏa, tướng quý đủ cả, và bền chắc như thân Na la diên. Vị Bồ tát ấy ngồi trên đài bằng bảy chất liệu quý báu, thẳng lên không gian cách mặt đất bảy cây đa la, với các vị Bồ tát bao quanh mà đến Linh-son của quốc độ Kham nhẫn.

Đến rồi, Bồ tát Diệu-âm bước xuống khỏi đài ngọc, lấy chuỗi ngọc giá trị cả trăm cả ngàn, cầm đến chỗ đức Thích Ca Thế Tôn, đầu mặt lay ngang chân ngài, dâng lên mà thưa, bạch đức Thế Tôn, đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai của con xin kính vấn an đức Thế Tôn, rằng ngài ít bệnh ít phiền, sinh hoạt bình thường được thư thái không? Ngài

sống yên vui không? Bốn đại chúng trong cơ thể của ngài được điều hòa không? Việc đời ở đây ngài chịu nổi không? Chúng sinh ở đây ngài hóa độ dễ dàng không? Ở đây có hay không có những kẻ lăm tham dục, sân hận, ngu si, ganh ghét, keo lẩn và ngạo mạn? Ở đây có hay không có những kẻ bất hiếu cha mẹ, bất kính tu sĩ, thấy biết sai lầm, tâm tính bất thiện, không chế ngự năm thứ giác quan? Bạch đức Thế Tôn, chúng sinh ở đây chiến thắng được ma quân thù địch không? Đức Đa-bảo Phật đã nhập diệt đã lâu, đã ở trong ngôi tháp bằng bảy chất liệu quý báu, có đến nghe kinh Pháp hoa không? Đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai của con xin kính vãn an đức Đa-bảo Phật đã có yên ổn, ít phiền, chịu đựng ở lâu được không? Bạch đức Thế Tôn, con ước nguyện được thấy thân đức Đa-bảo Phật đã, xin đức Thế Tôn làm cho con được thấy. Đức Thế Tôn nói với đức Đa-bảo, Bồ tát Diệu-âm muốn được yết kiến ngài. Đức Đa-bảo nói, Diệu-âm, rất tốt việc ông đến đây để được hiến cúng đức Thích Ca Thế Tôn, được nghe kinh Pháp hoa, và được gặp những vị như Bồ tát Văn-thù.

Bấy giờ Bồ tát Hoa-đức thưa rằng, bạch đức Thế Tôn, Bồ tát Diệu-âm trông thiện căn nào và tu công đức gì mà có thần lực như vậy? Đức Thế Tôn bảo Bồ tát Hoa-đức, quá khứ có đức Phật danh hiệu Vân-lôi-âm-vương, bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiển cúng, bậc Biết đúng và khắp. Quốc độ của ngài tên là Hiện-nhất-thế-thế-gian, thời kỳ của ngài tên là Hỷ-kiến. Trong một vạn hai ngàn năm, Bồ tát Diệu-âm diễn tấu mười vạn chủng loại nhạc khí hiển cúng đức Vân-lôi-âm-vương Như-lai, lại dâng lên ngài tám vạn bốn ngàn bát úng khí làm bằng bảy chất liệu quý báu. Do yếu tố này kết quả mà ngày nay sinh tại quốc độ của đức Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai và có thần lực như vậy. Hoa-đức, ý ông nghĩ thế nào, vị Bồ tát Diệu-âm hiển cúng âm nhạc và kính dâng bát ngọc nơi đức Vân-lôi-âm-vương Như-lai có phải ai khác, mà chính là vị Bồ tát Diệu-âm hiện thời. Hoa-đức, vị Bồ tát ấy đã phụng sự thân gần vô lượng chư Phật, đã gieo trồng từ lâu bao nhiêu gốc rễ công đức ở nơi chư Phật ấy. Sau đó, vị Bồ tát ấy cũng đã gặp thêm nhiều lần trăm triệu chư Phật nữa, đồng đẳng với số cát của sông Hằng.

Hoa-đức, ông chỉ thấy Bồ tát Diệu-âm qua cái thân ở đây, nhưng vị Bồ tát ấy biểu hiện đủ loại thân hình, ở khắp mọi nơi và giảng nói Pháp hoa cho các loại chúng sinh. Hoặc biểu hiện thân Phạm vương, thân Đế thích, thân Tụ tại, thân Đại tụ tại, thân Thiên đại tướng quân, thân Tỳ sa môn thiên vương; hoặc biểu hiện thân Luân vương, thân quốc vương, thân trưởng giả, thân cư sĩ, thân tể quan, thân bà la môn; hoặc biểu hiện thân tỷ kheo, thân tỷ kheo ni, thân ưu bà tắc, thân ưu bà di; hoặc biểu hiện thân phụ nữ trưởng giả, thân phụ nữ cư sĩ, thân phụ nữ tể quan, thân phụ nữ bà la môn; hoặc biểu hiện thân đồng nam, thân đồng nữ; hoặc biểu hiện các thân thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la và ma hầu la dà, những người không phải người - Bồ tát Diệu-âm biểu hiện các thân hình như vậy mà giảng nói Pháp hoa. Những chỗ địa ngục ngạ quỷ súc sinh và những nơi tai nạn, vị Bồ tát ấy cứu giúp được cả. Thậm chí vị Bồ tát ấy còn biểu hiện thân hình nữ nhân ở trong hậu cung của các vua chúa mà giảng nói Pháp hoa.

Hoa-đức, Bồ tát Diệu-âm là vị có năng lực cứu giúp cho

các loại chúng sinh ở quốc độ Kham nhẫn. Vị Bồ tát ấy biến thể các loại thân hình như trên, ở trong quốc độ Kham nhẫn mà giảng nói Pháp hoa cho các loại chúng sinh, nhưng thần thông và tuệ giác của vị Bồ tát ấy không vì vậy mà giảm bớt chút nào. Vị Bồ tát ấy đem bao nhiêu là tuệ giác mà soi sáng cho quốc độ Kham nhẫn, làm cho các loại chúng sinh ở đây ai cũng được biết đến vị Bồ tát ấy. Đối với chúng sinh trong hằng sa quốc độ khắp cả mười phương, vị Bồ tát ấy cũng làm như vậy. Do vậy, những ai nên dùng thân hình thanh văn mới được độ thoát thì vị Bồ tát ấy biểu hiện thân hình này mà thuyết pháp; những ai nên dùng thân hình duyên giác mới được độ thoát thì vị Bồ tát ấy biểu hiện thân hình này mà thuyết pháp; những ai nên dùng thân hình Bồ tát mới được độ thoát thì vị Bồ tát ấy biểu hiện thân hình này mà thuyết pháp; những ai nên dùng thân hình Phật đà mới được độ thoát thì vị Bồ tát ấy biểu hiện thân hình này mà thuyết pháp. Cứ như vậy, đủ các chủng loại, vị Bồ tát ấy tùy kẻ nào nên dùng thân gì để hóa độ thì biểu hiện thân ấy cho họ. Đến nỗi có kẻ nên dùng sự nhập diệt mới được độ thoát, thì vị Bồ tát ấy cũng biểu hiện nhập diệt. Hoa-đức,

Bồ tát Diệu-âm thành tựu đại thần thông lực và đại tuệ giác lực như thế đó.

Bồ tát Hoa-đức thừa, bạch đức Thế Tôn, như vậy là Bồ tát Diệu-âm đã gieo trồng rất sâu gốc rễ pháp lành; vị Bồ tát ấy ở trong định nào mà ở đâu cũng có năng lực biểu hiện thân hình để hóa độ chúng sinh như vậy? Đức Thế Tôn dạy Bồ tát Hoa-đức, thiện nam tử, định của Bồ tát Diệu-âm tên là Hiện các sắc thân. Vị Bồ tát ấy ở trong định này nên lợi ích được như vậy cho vô lượng chúng sinh.

Khi đức Thế Tôn tuyên thuyết phẩm Bồ tát Diệu-âm này, ngang đây, thì tám vạn bốn ngàn Bồ tát cùng đi với Bồ tát Diệu-âm đều thực hiện định Hiện các sắc thân, vô lượng Bồ tát ở thế giới hệ Kham nhẫn cũng thực hiện định này, lại còn thực hiện các pháp tổng trì.

Bồ tát Diệu-âm hiến cúng đức Thế Tôn và bảo tháp của đức Đa-bảo rồi trở về thế giới hệ của mình. Những thế giới hệ mà vị Bồ tát ấy đi qua lại chấn động sáu cách, lại rưới xuống hoa sen quý báu, lại dẫn tầu trăm ngàn vạn ức chúng

loại nhạc khí. Về đến thế giới hệ của mình, Bồ tát Diệu-âm, với tám vạn bốn ngàn Bồ tát bao quanh, đến chỗ đức Tịnh-hoa-tứ-vương-trí Như-lai mà thưa, bạch đức Thế Tôn, con đến thế giới hệ Kham nhẫn làm lợi ích cho chúng sinh, bằng cách yết kiến lễ bái và hiến cúng đức Thích-ca Thế Tôn và bảo tháp của đức Đa-bảo Phật đà, lại gặp vị Bồ tát thái tử của đức Pháp vương là ngài Văn-thù, gặp Bồ tát Dược-vương, Bồ tát Đắc-cần-tinh-tiến-lực, Bồ tát Dũng-thí, và các vị đồng đẳng; con cũng làm cho tám vạn bốn ngàn vị Bồ tát đi theo con đây được định Hiện các sắc thân.

Khi đức Thế Tôn tuyên thuyết hoàn tất phẩm Bồ tát Diệu-âm đến và đi thì bốn vạn hai ngàn thiên nhân được tuệ giác Không sinh, Bồ tát Hoa-đức được định Pháp hoa.

妙法蓮華經妙音菩薩品第二十四

姚秦鳩摩羅什譯

爾時釋迦牟尼佛放大人相、肉髻光明，及放眉間白毫相光，遍照東方百八萬億那由他恒河沙等諸佛世界。過是數已，有世界、名淨光莊嚴，其國有佛，號淨華宿王智如來、應供、正遍知、明行足、善逝世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，為無量無邊菩薩大眾恭敬圍繞、而為說法，釋迦牟尼佛白毫光明遍照其國。

爾時一切淨光莊嚴國中，有一菩薩、名曰妙音，久已植眾德本，供養親近無量百千萬億諸佛，而悉成就甚深智慧，得妙幢相三昧、法華三昧、淨德三昧、宿王戲

三昧、無緣三昧、智印三昧、解一切眾生語言三昧、集一切功德三昧、清淨三昧、神通遊戲三昧、慧炬三昧、莊嚴王三昧、淨光明三昧、淨藏三昧、不共三昧、日旋三昧、得如是等百千萬億恒河沙等諸大三昧。釋迦牟尼佛光照其身，即白淨華宿王智佛言：「世尊，我當往詣娑婆世界，禮拜、親近、供養、釋迦牟尼佛，及見文殊師利法王子菩薩、藥王菩薩、勇施菩薩、宿王華菩薩、上行意菩薩、莊嚴王菩薩、藥上菩薩。」

爾時淨華宿王智佛告妙音菩薩：「汝莫輕彼國，生下劣想。善男子，彼娑婆世界，高下不平，土石諸山、穢惡充滿，佛身卑小，諸菩薩眾、其形亦小，而汝身四萬二千由旬，我身六百八十萬由旬，汝身第一端正，百千萬福、光明殊妙，是故汝往、莫輕彼國、若佛菩薩、

及國土，生下劣想。」妙音菩薩白其佛言：「世尊，我今詣娑婆世界，皆是如來之力，如來神通遊戲，如來功德智慧莊嚴。」於是妙音菩薩不起於座，身不動搖，而入三昧，以三昧力，於耆闍崛山、去法座不遠，化作八萬四千眾寶蓮華，閻浮檀金為莖，白銀為葉，金剛為須，甄叔迦寶以為其台。

爾時文殊師利法王子、見是蓮華，而白佛言：「世尊，是何因緣，先現此瑞，有若干千萬蓮華，閻浮檀金為莖，白銀為葉，金剛為須，甄叔迦寶以為其台。」爾時釋迦牟尼佛告文殊師利：「是妙音菩薩摩訶薩，欲從淨華宿王智佛國，與八萬四千菩薩、圍繞而來，至此娑婆世界，供養、親近、禮拜、於我，亦欲供養、聽法華經。」

文殊師利白佛言：「世尊，是菩薩種何善本？修何功德？而能有是大神通力？行何三昧？願為我等說是三昧名字，我等亦欲勤修行之，行此三昧，乃能見是菩薩色相大小，威儀進止。惟願世尊以神通力，彼菩薩來，令我得見。」爾時釋迦牟尼佛告文殊師利：「此久滅度多寶如來、當為汝等而現其相。」

時多寶佛告彼菩薩：「善男子、來，文殊師利法王子欲見汝身。」於時妙音菩薩於彼國沒，與八萬四千菩薩、俱共發來，所經諸國，六種震動，皆悉雨於七寶蓮華，百千天樂，不鼓自鳴。是菩薩目如廣大青蓮華葉，正使和合百千萬月，其面貌端正、復過於此，身真金色，無量百千功德莊嚴，威德熾盛，光明照曜，諸相具足，如那羅延堅固之身。入七寶台，上升虛空，

去地七多羅樹，諸菩薩眾恭敬圍繞、而來詣此娑婆世界耆闍崛山。

到已下七寶台，以價值百千瓔珞、持至釋迦牟尼佛所，頭面禮足，奉上瓔珞，而白佛言：「世尊，淨華宿王智佛問訊世尊，少病、少惱，起居輕利，安樂行否，四大調和否，世事可忍否，眾生易度否，無多貪欲、瞋恚、愚癡、嫉妒、慳慢否，無不孝父母、不敬沙門、邪見、不善心、不攝五情否，世尊，眾生能降伏諸魔怨否，久滅度多寶如來在七寶塔中、來聽法否，又問訊多寶如來，安隱、少惱，堪忍久住否。世尊，我今欲見多寶佛身，惟願世尊，示我令見。」

爾時釋迦牟尼佛語多寶佛：「是妙音菩薩欲得相見。」

時多寶佛告妙音言：「善哉、善哉，汝能為供養釋迦牟

尼佛、及聽法華經，並見文殊師利等，故來至此。」

爾時華德菩薩白佛言：「世尊，是妙音菩薩，種何善根，修何功德，有是神力。」佛告華德菩薩：「過去有佛，名雲雷音王多陀阿伽度、阿羅訶、三藐三佛陀，國名現一切世間，劫名喜見，妙音菩薩於萬二千歲，以十萬種伎樂、供養雲雷音王佛，並奉上八萬四千七寶鉢，以是因緣果報，今生淨華宿王智佛國，有是神力。華德，於汝意云何，爾時雲雷音王佛所、妙音菩薩，伎樂供養、奉上寶器者，豈異人乎，今此妙音菩薩摩訶薩是。華德，是妙音菩薩，已曾供養親近無量諸佛，久植德本，又值恒河沙等百千萬億那由他佛。」

「華德，汝但見妙音菩薩、其身在此，而是菩薩、現種種身，處處為諸眾生說是經典，或現梵王身，或現

帝釋身，或現自在天身，或現大自在天身，或現天大將軍身，或現毗沙門天王身，或現轉輪聖王身，或現諸小王身，或現長者身，或現居士身，或現宰官身，或現婆羅門身，或現比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷身，或現長者居士婦女身，或現宰官婦女身，或現婆羅門婦女身，或現童男童女身，或現天龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩侯羅伽、人非人、等身，而說是經。諸有地獄、餓鬼、畜生、及眾難處，皆能救濟，乃至於王后宮，變為女身、而說是經。」

「華德，是妙音菩薩，能救護娑婆世界諸眾生者，是妙音菩薩如是種種變化現身，在此娑婆國土，為諸眾生說是經典，於神通、變化、智慧、無所損減。是菩薩，以若干智慧、明照娑婆世界，令一切眾生、各得所知，

於十方恒河沙世界中，亦復如是，若應以聲聞形得度者，現聲聞形而為說法，應以辟支佛形得度者，現辟支佛形而為說法，應以菩薩形得度者，現菩薩形而為說法，應以佛形得度者，即現佛形而為說法，如是種種、隨所應度而為現形，乃至應以滅度而得度者，示現滅度，華德，妙音菩薩摩訶薩、成就大神通智慧之力，其事如是。」

爾時華德菩薩白佛言：「世尊，是妙音菩薩、深種善根，世尊，是菩薩、住何三昧，而能如是在所變現，度脫眾生？」佛告華德菩薩：「善男子，其三昧、名現一切色身，妙音菩薩住是三昧中，能如是饒益無量眾生。」說是妙音菩薩品時，與妙音菩薩俱來者八萬四千人，皆得現一切色身三昧，此娑婆世界無量菩薩，

亦得是三昧、及陀羅尼。

爾時妙音菩薩摩訶薩供養釋迦牟尼佛、及多寶佛塔已，還歸本土，所經諸國，六種震動，雨寶蓮華，作百千萬億種種伎樂。既到本國，與八萬四千菩薩、圍繞至淨華宿王智佛所，白佛言：「世尊，我到娑婆世界、饒益眾生，見釋迦牟尼佛、及見多寶佛塔，禮拜、供養，又見文殊師利法王子菩薩，及見藥王菩薩、得勤精進力菩薩、勇施菩薩等，亦令是八萬四千菩薩、得現一切色身三昧。說是妙音菩薩來往品時，四萬二千天子、得無生法忍，華德菩薩、得法華三昧。」

DIỆU ÂM BỒ TÁT PHẨM ĐỆ NHỊ THẬP TỨ

Nhĩ thời Thích-ca-mâu-ni Phật phóng đại nhân tướng nhục kế quang minh, cập phóng my gian bạch hào tướng quang, biến chiếu Đông phương bách bát vạn ức na do tha hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới.

Quá thị số dĩ, hữu thế giới danh Tịnh-quang-trang-nghiêm, kỳ quốc hữu Phật, hiệu Tịnh-hoa-tú-vương-trí Như-lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn, vi vô lượng vô biên Bồ tát Đại chúng cung kính vây quanh nhi vi thuyết Pháp.

Thích-ca-mâu-ni Phật bạch hào quang minh biến chiếu kỳ quốc. Nhĩ thời nhất thiết Tịnh-quang-trang-nghiêm quốc trung, hữu nhất Bồ tát danh viết Diệu-âm, cữ dĩ thực chúng đức bốn, cúng dường thân cận vô lượng bách Thiên vạn ức chư Phật, nhi tất thành tựu thậm thâm trí tuệ. Đắc Diệu tràng tướng tam muội, Pháp hoa tam muội, Tịnh đức tam muội, Tú vương hí tam muội, Vô duyên tam muội,

Trí ấn tam muội, Giải nhất thiết chúng sanh ngũ ngôn tam muội, Tập nhất thiết công đức tam muội, Thanh tịnh tam muội, Thần thông du hí tam muội, Tuệ cự tam muội, Trang-nghiêm-vương tam muội, Tịnh-quang minh tam muội, Tịnh tạng tam muội, Bất cộng tam muội, Nhật toàn tam muội, v.v..., Đắc như thị đẳng bách Thiên vạn ức hằng hà sa đẳng chư Đại tam muội.

Thích-ca-mâu-ni Phật quang chiếu kỳ thân, tức bạch Tịnh-hoa-tứ-vương-trí Phật ngôn: "Thế Tôn! Ngã đương vãng nghê Ta-bà thế giới, lễ bái, thân cận, cúng dường Thích-ca-mâu-ni Phật, cập kiến Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử Bồ tát, Dược-vương Bồ tát, Dũng-thí Bồ tát, Tứ-vương-hoa Bồ tát, Thượng-hành-ý Bồ tát, Trang-nghiêm-vương Bồ tát, Dược-thượng Bồ tát".

Nhĩ thời Tịnh-hoa-tứ-vương-trí Phật cáo Diệu-âm Bồ tát; "Nhữ mạc khinh bỉ quốc, sanh hạ liệt tướng. Thiện nam tử! bỉ Ta-bà thế giới, cao hạ bất bình, độ thạch chư sơn, uế ác sung mãn, Phật thân ti tiểu, chư Bồ tát chúng kỳ hình diệc tiểu. Nhi nhữ thân tứ vạn nhị thiên do tuần, ngã

thân lục bách bát thập vạn do tuần, nhữ thân đệ nhất đoan chánh, bách thiên vạn phước, quang minh thù diệu, thị cố nhữ vãng, mặc khinh bỉ quốc nhược Phật, Bồ tát cập quốc độ, sanh hạ liệt tướng".

Diệu-âm Bồ Tát bạch kỳ Phật ngôn: "Thế Tôn! Ngã kim nghệ Ta-bà thế giới, giai thị Như-lai chi lực, Như-lai thân thông du hí, Như-lai công đức trí tuệ trang nghiêm".

Ư thị Diệu-âm Bồ tát bất khởi vu tọa, thân bất động dao, nhi nhập tam muội, dĩ tam muội lực, ư Kì-xà-quật sơn, khứ Pháp tọa bất viển, hóa tác bát vạn tứ thiên chúng bảo liên hoa, diêm phù đàn kim vi hành, bạch ngân vi điệp, kim cương vi tu, chân thúc ca bảo dĩ vi kỳ đài. Nhĩ thời, Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử kiến thị liên hoa, nhi bạch Phật ngôn; "Thế Tôn! Thị hà nhân duyên, tiên hiện thử thụ? Hữu nhược can thiên vạn liên hoa, diêm phù đàn kim vi hành, bạch ngân vi điệp, kim cương vi tu, chân thúc ca bảo dĩ vi kỳ đài".

Nhĩ thời Thích-ca-mâu-ni Phật cáo Văn-thù-sư-lợi; "Thị Diệu-âm Bồ tát Ma-ha-tát, dục tòng Tịnh-hoa-tứ-vương-

trí Phật quốc, dữ bát vạn tứ thiên Bồ tát, vi nhiều nhi lai chí thử Ta-bà thế giới, cúng dường, thân cận, lễ bái ư ngã, diệc dục cúng dường, thỉnh Pháp hoa kinh."

Văn-thù-sur-lợi bạch Phật ngôn; "Thế Tôn! Thị Bồ tát chúng hà thiện bản? Tu hà công đức? Nhi năng hữu thị đại thần thông lực? Hành hà tam muội? Nguyên vi ngã đẳng thuyết thị tam muội danh tự, ngã đẳng diệc dục cần tu hành chi, hành thử tam muội, nãi năng kiến thị Bồ tát sắc tướng đại tiểu, uy nghi tiến chỉ. Duy nguyện Thế Tôn dĩ thần thông lực, bi Bồ tát lai, lệnh ngã đắc kiến".

Nhĩ thời Thích-ca-mâu-ni Phật cáo Văn-thù-sur-lợi; "thử cửu diệt độ Đa-bảo Như-lai, đương vi nhữ đẳng nhi hiện kỳ tướng". Thời Đa-bảo Phật cáo bi Bồ tát; "Thiện nam tử! Lai, Văn-thù-sur-lợi Pháp Vương tử dục kiến nhữ thân".

Vu thời Diệu-âm Bồ tát ư bi quốc một, dữ bát vạn tứ thiên Bồ tát câu cộng phát lai. Sở kinh chư quốc, lục chúng chấn động, giai tất vũ ư thất bảo liên hoa; bách thiên thiên nhạo, bất cô tự minh. Thị Bồ tát mục như quảng đại thanh

liên hoa điệp, chánh sử hòa hợp bách Thiên vạn nguyệt, kỳ diện mạo đoan chánh phục qua ư thử, thân chân kim sắc, vô lượng bách Thiên công đức trang nghiêm, uy đức sí thịnh, quang minh chiếu diệu, chư tướng cụ túc, như Na la diên kiên cố chi thân. Nhập thất bảo đài, thượng thăng hư không, khứ địa thất Ta la thụ, chư Bồ tát chúng cung kính vây quanh, nhi lai nghệ thử Ta-bà thế giới Kỳ Xà Quật sơn.

Đáo dĩ, hạ thất bảo đài, dĩ giá trực bách thiên anh lạc, trì chí Thích-ca-mâu-ni Phật sở, đầu diện lễ túc, phụng thượng anh lạc, nhi bạch Phật ngôn; "Thế Tôn! Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật vấn tán Thế Tôn, thiếu bệnh, thiếu não, khởi cư khinh lợi, an lạc hạnh bất, tứ đại điều hoà bất, thế sự khả nhẫn bất, chúng sanh dịch độ bất, vô đa tham dục, sân khuể, ngu si, tật đố, xan mạn bất, vô bất hiểu phụ mẫu, bất kính Sa môn, tà kiến, bất thiện tâm, bất nhiếp ngũ tình bất.

Thế Tôn! Chúng sanh năng hàng phục chư ma oán bất, cửu diệt độ Đa-bảo Như-lai tại thất bảo tháp trung, lai

thính Pháp bất, hựu vấn tấn Đa-bảo Như-lai, an ổn, thiếu não, kham nhẫn cửu trụ bất! Thế Tôn! Ngã kim dục kiến Đa-bảo Phật thân, duy nguyện Thế Tôn, thị ngã lệnh kiến.

Nhĩ thời Thích-ca-mâu-ni Phật ngữ Đa-bảo Phật: "Thị Diệu-âm Bồ tát dục đắc tướng kiến."

Thời Đa-bảo Phật cáo Diệu-âm ngôn: "Thiện tai, Thiện tai! Nhữ năng vị cúng dường Thích-ca-mâu-ni Phật cập thính Pháp hoa kinh, tinh kiến Văn-thù-sư-lợi đẳng, cố lai chí thử".

Nhĩ thời Hoa-đức Bồ tát bạch Phật ngôn; "Thế Tôn! Thị Diệu-âm Bồ tát, chủng hà thiện căn, tu hà công đức, hữu thị thần lực?"

Phật cáo Hoa-đức Bồ tát; "Quá khứ hữu Phật, danh Vân-lôi-âm-vương Đa đà a già độ, A la ha, tam miệu tam Phật đà, quốc danh Hiện-nhất-thiết-thế-gian, kiếp danh Hỉ-kiến, Diệu-âm Bồ tát ư vạn nhị thiên tuế, dĩ thập vạn chủng kỹ nhạc cúng dường Vân-lôi-âm Vương Phật, tinh phụng thượng bát vạn tứ Thiên thất bảo bát". Dĩ thị nhân

duyên quả báo, kim sanh Tịnh-hoa-tú-vương-trí Phật quốc, hữu thị thân lực.

Hoa-đức! Ư nhữ ý vân hà? Nhĩ thời Vân-lôi-âm-vương Phật sở, Diệu-âm Bồ tát kỹ nhạc cúng dường, phụng thượng bảo khí giả, khởi dị nhân hồ? Kim thử Diệu-âm Bồ tát Ma-ha-tát thị.

Hoa-đức! Thị Diệu-âm Bồ tát, dĩ tăng cúng dường thân cận vô lượng chư Phật, cứu thực đức bổn, hựu trị hằng hà sa đẳng bách thiên vạn ức na do tha Phật.

Hoa-đức! Nhữ đăn kiến Diệu-âm Bồ tát kỳ thân tại thử, nhi thị Bồ tát, hiện chủng chủng thân, xứ xứ vi chư chúng sanh thuyết thị Kinh điển

Hoặc hiện Phạm Vương thân, hoặc hiện Đế Thích thân, hoặc hiện Tự tại Thiên thân, hoặc hiện Đại Tự tại Thiên thân, hoặc hiện Thiên Đại tướng quân thân, hoặc hiện Tì sa môn Thiên vương thân, hoặc hiện Chuyển luân Thánh vương thân, hoặc hiện chư Tiểu Vương thân, hoặc hiện Trưởng giả thân, hoặc hiện Cư sĩ thân, hoặc

hiện tể quan thân, hoặc hiện Bà la môn thân, hoặc hiện Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thân, hoặc hiện Trưởng giả Cư sĩ phụ nữ thân, hoặc hiện tể quan phụ nữ thân, hoặc hiện Bà la môn phụ nữ thân, hoặc hiện đồng nam, đồng nữ thân, hoặc hiện Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhân phi nhân đẳng thân, nhi thuyết thị Kinh. Chư hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cập chúng nan xử, giai năng cứu tế, nãi chí ư Vương hậu cung, biến vi nữ thân, nhi thuyết thị Kinh.

Hoa-đức! Thị Diệu-âm Bồ tát, năng cứu hộ Ta-bà thế giới chư chúng sanh giả, thị Diệu-âm Bồ tát như thị chúng chúng biến hóa hiện thân, tại thử Ta-bà quốc độ, vi chư chúng sanh thuyết thị Kinh điển, ư thần thông, biến hóa, trí tuệ vô sở tổn giảm.

Thị Bồ tát, dĩ nhược can trí tuệ minh chiếu Ta-bà thế giới, lệnh nhất thiết chúng sanh các đắc sở tri; ư thập phương hằng hà sa thế giới trung, diệc phục như thị.

Nhược ưng dĩ Thanh văn hình đắc độ giả, hiện Thanh văn

hình nhi vi thuyết Pháp; ưng dĩ Bích chi Phật hình đặc độ giả, hiện Bích chi Phật hình nhi vi thuyết Pháp; ưng dĩ Bồ tát hình đặc độ giả, hiện Bồ tát hình nhi vi thuyết Pháp; ưng dĩ Phật hình đặc độ giả, tức hiện Phật hình nhi vi thuyết Pháp. Như thị chủng chủng, tùy sở ưng độ nhi vi hiện hình, nãi chí ưng dĩ diệt độ nhi đặc độ giả, thị hiện diệt độ.

Hoa-đức! Diệu-âm Bồ tát Ma-ha-tát, thành tựu đại thần thông trí tuệ chi lực.

Kỳ sự như thị. Nhĩ thời Hoa-đức Bồ tát bạch Phật ngôn; "Thế Tôn! Thị Diệu-âm Bồ tát, thâm chủng thiện căn. Thế Tôn! Thị Bồ tát trụ hà tam muội, nhi năng như thị tại sở biến hiện, độ thoát chúng sanh?"

Phật cáo Hoa-đức Bồ tát; "Thiện nam tử! Kỳ tam muội danh Hiện nhất thiết sắc thân, Diệu-âm Bồ tát trụ thị tam muội trung, năng như thị nhiều ích vô lượng chúng sanh".

Thuyết thị Diệu-âm Bồ tát phẩm thời, dữ Diệu-âm Bồ tát câu lai giả bát vạn tứ thiên nhân, giai đắc Hiện nhất thiết

sắc thân tam muội; thử Ta-bà thế giới vô lượng Bồ tát, diệc đắc thị tam muội cập Đà-la-ni.

Nhĩ thời Diệu-âm Bồ tát Ma-ha-tát cúng dường Thích-ca-mâu-ni Phật cập Đa-bảo Phật tháp dĩ, hoàn quy bản độ, sở kinh chư quốc, lục chủng chấn động, vũ bảo liên hoa, tác bách thiên vạn ức chủng chủng kỹ nhạc.

Ký đáo bốn quốc, dữ bát vạn tứ thiên Bồ tát, vi nhiều chí Tịnh-hoa-tứ-vương-trí Phật sở, bạch Phật ngôn; "Thế Tôn! Ngã đáo Ta-bà thế giới nhiều ích chúng sanh, kiến Thích-ca-mâu-ni Phật, cập kiến Đa-bảo Phật tháp, lễ bái, cúng dường. Hựu kiến Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử Bồ tát, cập kiến Dược-vương Bồ tát, Đắc-cần-tinh-tấn-lực Bồ tát, Dũng-thí Bồ tát đẳng, diệc lệnh thị bát vạn tứ thiên Bồ tát đắc Hiện nhất thiết sắc thân tam muội.

Thuyết thị Diệu-âm Bồ tát lai vãng phẩm thời, tứ vạn nhị thiên Thiên tử đắc Vô sanh Pháp nhẫn, Hoa-đức Bồ tát đắc Pháp hoa tam muội.

THE WONDERFUL DHARMA LOTUS FLOWER SUTRA

CHAPTER 24: THE BODHISATTVA WONDROUS SOUND

Translated by Buddhist Text Translation Society

At that time Shakyamuni Buddha emitted a light from his flesh cowl, the mark of a great person, and a radiance issued forth from the white hair-mark between his eyebrows, everywhere illumining Buddha worlds to the east equal in number to the grains of sand in one hundred and eight myriads of kotis of nayutas of Ganges Rivers.

Beyond these, there was a world by the name of Adorned with Pure Light. In that world was a Buddha by the name of Wisdom of Pure Flower Constellation King. Thus Come One, One Worthy of Offerings, One of Right and Universal Knowledge, One Whose Clarity and Conduct Are Complete, Well-Gone One Who Understands the World, Supreme Lord, Regulating Hero, Teacher of Gods

and Humans, Buddha, World Honored One. He was reverently surrounded by a great multitude of limitless, boundless Bodhisattvas to whom he was speaking the Dharma.

The light that issued forth from Shakyamuni Buddha's white hair-mark universally illumined that country.

At that time in the country Adorned with All Pure Light, there was a Bodhisattva by the name of Wondrous Sound, who had, for a long time, planted the roots of virtue by making offerings and drawing near to limitless hundreds of thousands of myriads of kotis of Buddhas and had completely accomplished profound wisdom.

He had obtained the Samadhi of the Wonderful Banner Mark, the Samadhi of the Dharma Flower, the Samadhi of Pure Virtue, the Samadhi of the Playfulness of Constellation King, the Samadhi of No Affinity, the Samadhi of the Seal of Wisdom, the Samadhi of Understanding the Speech of all Living Beings, the Samadhi of the Accumulation of All Merit and Virtue, the

Samadhi of Purity, the Samadhi of Playful Roaming of Spiritual Penetrations, the Samadhi of the Wisdom Torch, the Samadhi of Royal Splendor, the Samadhi of Pure Light, the Samadhi of the Pure Treasury, the Samadhi of Difference, and the Samadhi of Sun-Revolution.

He obtained such great samadhis as these, equal in number to the grains of sand in a hundred thousand myriad kotis of Ganges Rivers.

When Shakyamuni Buddha's light illumined his body, he immediately spoke to the Buddha Wisdom of Pure Flower Constellation King, saying, "World Honored One, I should go to the Saha world to bow to, draw near to, and make offerings to Shakyamuni Buddha, and to see the Dharma Prince Bodhisattva Manjushri, the Bodhisattva Medicine King, the Bodhisattva Courageous Giving, the Bodhisattva Constellation King Flower, the Bodhisattva Mind of Superior Practice, the Bodhisattva King of Adornment, and the Bodhisattva Medicine Superior."

At that time the Buddha Wisdom of Pure Flower

Constellation King told the Bodhisattva Wondrous Sound, "You should not look lightly upon that country or think of it as inferior. Good man, the Saha world is uneven, its earth, stones, and mountains are filled with filth and evil. The Buddha's body is lowly and small. The Bodhisattvas are also small in shape. Your body is forty-two thousand yojanas in height. My body is six hundred and eighty myriad yojanas in height. Your body is superb and upright, with a hundred thousand myriad blessings and fine and subtle light. Therefore if you go, do not look lightly upon that country, its Buddha, Bodhisattvas, or lands."

The Bodhisattva Wondrous Sound said to the Buddha, "World Honored One, I shall now go to the Saha world, and this is all through the power of the Thus Come One; the playful roaming spiritual penetrations of the Thus Come One; and the adornments of merit, virtue, and wisdom of the Thus Come One."

Then the Bodhisattva Wondrous Sound, without rising

from his seat, his body motionless, entered samadhi. With the power of samadhi he went to Mount Gridhrakuta, not far from the Dharma seat. He then created by transformation eighty-four thousand jeweled lotuses, their stems of Jambunada gold, their leaves of silver, their pistils of vajra, and their sepals of kumshuka jewels.

The Dharma Prince Manjushri, seeing the lotuses, asked the Buddha, "World Honored One, what is the reason for this portent, these several thousands of myriads of lotuses, their stems of Jambunada gold, their leaves of silver, their pistils of vajra and their sepals of kumshuka?"

At that time Shakyamuni Buddha told Manjushri, "The Bodhisattva Mahasattva Wondrous Sound, surrounded by eighty-four thousand Bodhisattvas, wishes to come from the country of the Buddha Wisdom of Pure Light Constellation King to this Saha world to make offerings, draw near to, and bow to me. He also wishes to make offerings and listen to the Dharma Flower Sutra."

Manjushri said to the Buddha, "World Honored One,

what good roots have this Bodhisattva planted, what merit and virtue has he cultivated that he can have this great power of spiritual penetrations? What samadhi has he practiced? I pray that you will tell us the name of this samadhi. We, too wish to cultivate it diligently, for by practicing this samadhi we will be able to see this Bodhisattva, his appearance, size, and awesome manner, and his comings and goings. We only pray that the World Honored One will, by means of the power of spiritual penetrations, let us see that Bodhisattva when he comes."

At that time Shakyamuni Buddha told Manjushri, "The Thus Come One Many Jewels who passed into stillness long ago shall, for your sakes, manifest these signs."

The Buddha Many Jewels then said to the Bodhisattva, "Good man, come here! The Dharma Prince Manjushri wishes to see you in person."

The Bodhisattva Wondrous Sound then disappeared from his own country, and together with eighty-four thousand Bodhisattvas, set out on his way. The countries they passed

through quaked in six ways, and all rained down lotuses made of the seven treasures, while a hundred thousand kinds of heavenly music played spontaneously.

The Bodhisattva's eyes were like the broad, large petals of a blue lotus. A hundred thousand myriad moons combined would not surpass the awesome beauty of his facial features. His body was the color of gold, adorned with limitless hundreds of thousands of meritorious virtues. The light of his awesome virtue blazed with brilliant splendor, and his marks were all perfect. His body was as solid as that of Narayana. He entered a terrace made of the seven treasures and rose up into space to the height of seven tala trees. With Bodhisattvas reverently circumambulating him, he came to Mount Gridhrakuta in the Saha world.

Having arrived, he stepped down from the terrace of seven treasures. Taking a necklace of beads, its value in the hundreds of thousands, he went before Shakyamuni Buddha, bowed with his head at the Buddha's feet, offered up the

necklace and said to the Buddha, "World Honored One, the Buddha Wisdom of Pure Flower Constellation King inquires after the World Honored One.

Are you free from sickness and worry? Are you energetic in your comings and goings? Is your practice peaceful and happy? Are the four elements in harmony? Are you enduring the affairs of the world? Are living beings easy to save, without much greed, hatred, stupidity, jealousy, stinginess, or arrogance? None are not filial in their behavior toward their parents, are they, or disrespectful toward Shramanas, deviant in their views, unwholesome in their thoughts, or not in control of the five emotions? World Honored One, have living beings been able to conquer the hateful demons? Has the long since passed Thus Come One Many Jewels, within the jeweled Stupa, come to hear the Dharma?"

"He also wishes to inquire as to whether the Thus Come One Many Jewels is peaceful and secure, free from worry, and long abiding in the world 'Worthy of Being

Endured.'" "

"World Honored One, we now wish to see the Buddha Many Jewels. We only pray that the World Honored One will allow us to see him."

Shakyamuni Buddha told the Buddha Many Jewels, "The Bodhisattva Wondrous Sound wishes to see you."

The Buddha Many Jewels spoke to Wondrous Sound, saying, "Good indeed! Good indeed! That in order to make offerings to Shakyamuni Buddha and to hear the Dharma Flower Sutra, as well as to see Manjushri and the others, you have come here."

The Bodhisattva Flower Virtue then spoke to the Buddha, saying, "World Honored One, what good roots has the Bodhisattva Wondrous Sound planted, and what meritorious virtues has he cultivated that he has these spiritual powers?"

The Buddha told the Bodhisattva Flower Virtue, "In the past there was a Buddha by the name of Clouds and

Thunder Sound King, Thus Come One, Arhat, Samyaksambuddha. His country was called Manifesting All Worlds. His eon was named Delightful to See. For twelve thousand years, the Bodhisattva Wondrous Sound made offerings to the Buddha Clouds and Thunder Sound King of a hundred thousand kinds of music. He also offered up eighty-four thousand bowls made of the seven treasures. As a result of these deeds, he has been born in the country of the Buddha Wisdom of Pure Flower Constellation King and now possesses these spiritual powers."

"Flower Virtue, what do you think? Could the Bodhisattva Wondrous Sound who made offerings of music and jeweled vessels to the Buddha Clouds and Thunder Sound King have been anyone else? He was just this Bodhisattva Mahasattva Wondrous Sound."

"Flower Virtue! The Bodhisattva Wondrous Sound has in the past made offerings and drawn near to limitless Buddhas, for a long time planting the roots of virtue and encountering

hundreds of thousands of myriads of kotis of nayutas of Buddhas equal in number to the sands of the Ganges."

"Flower Virtue, you see merely the body of the Bodhisattva Wondrous Sound as it appears here. However, this Bodhisattva manifests all kinds of bodies and speaks this Sutra in many places for living beings."

"He may manifest in the body of a Brahma King; he may manifest in the body of Shakra; he may manifest in the body of the God of Sovereignty; he may manifest in the body of the God of Great Sovereignty; he may manifest in the body of a great heavenly general; he may manifest in the body of the heavenly king Vaishravana; he may manifest in the body of a wheel-turning sage king; he may manifest in the body of a minor king; he may manifest in the body of an elder; he may manifest in the body of a layperson; he may manifest in the body of a minister of state; he may manifest in the body of a Brahman; he may manifest in the body of a Bhikshu, Bhikshuni, Upasaka, or Upasika; he may manifest in the body of an elder's

wife or a layperson's wife; he may manifest in the body of a minister's wife; he may manifest in the body of a Brahman's wife; he may manifest in the body of a young boy or a young girl. He may manifest in the body of a god, dragon, yaksha, gandharva, asura, garuda, kinnara, mahoraga, a human, or a non-human and speak this Sutra."

"He can rescue all in the hells, the hungry ghosts, and the animals, as well as those in difficulty. He can even transform himself into a woman of the king's inner court and speak this Sutra."

"Flower Virtue, the Bodhisattva Wondrous Sound can rescue all living beings in the Saha world. The Bodhisattva Wondrous Sound can, in this way, transform into all these different kinds of bodies and speak this Sutra for living beings in the Saha world and still lose nothing of his spiritual penetrations, transformations, and wisdom."

"This Bodhisattva's wisdom shines brightly upon the

Saha world, causing living beings to each gain understanding. In worlds like Ganges' sands throughout the ten directions, he does the same."

"To those who must be crossed over by the form of a Hearer, he manifests in the form of a Hearer and speaks the Dharma for them."

"To those who must be crossed over by the form of a Pratyekabuddha, he manifests in the form of a Pratyekabuddha and speaks the Dharma for them."

"To those who must be crossed over by the form of a Bodhisattva, he manifests in the form of a Bodhisattva and speaks the Dharma for them."

"To those who must be crossed over by the form of Buddha, he manifests in the form of a Buddha and speaks the Dharma for them. In this way he manifests in all manner of forms to cross them over in the appropriate manner, even to the point of manifesting entering stillness to those who must be crossed over by manifesting

entering stillness."

"Flower Virtue, such is the great power of the spiritual penetrations and wisdom of the Bodhisattva Mahasattva Wondrous Sound."

At that time the Bodhisattva Flower Virtue said to the Buddha, "World Honored One, the Bodhisattva Wondrous Sound has deeply planted the roots of goodness. World Honored One, in what samadhi does this Bodhisattva dwell that he is able in this way to transform himself and save living beings?"

The Buddha told the Bodhisattva Flower Virtue, "Good man, this samadhi is called the Manifestation of All Physical Forms. The Bodhisattva Wondrous Sound, dwelling in this samadhi, can in this way benefit limitless living beings."

When this chapter on the Bodhisattva Wondrous Sound had been spoken, those who had accompanied the Bodhisattva Wondrous Sound, eighty-four thousand in all,

all obtained the samadhi of the Manifestation of All Physical Forms. Limitless Bodhisattvas in the Saha world also gained this samadhi, as well as the dharani.

At that time the Bodhisattva Mahasattva Wondrous Sound, having made offerings to Shakyamuni Buddha and to the Stupa of the Buddha Many Jewels, returned to his own country. The countries he passed through quaked in six ways, precious lotus flowers rained down, and hundreds of thousands of myriads of kotis of kinds of music played.

When he arrived at his own country, surrounded by the eighty-four thousand Bodhisattvas, he went before the Buddha Wisdom of Pure Flower Constellation King and said, "World Honored One, I have been to the Saha world where I benefited living beings. I saw Shakyamuni Buddha and the Stupa of Many Jewels Buddha, bowed, and made offerings to them. I also saw the Bodhisattva Manjushri, the Dharma Prince, as well as the Bodhisattva Medicine King, the Bodhisattva Who Has Gained the

Power of Diligent Vigor, the Bodhisattva Courageous Giving, and others, and enabled eighty-four thousand Bodhisattvas to obtain the samadhi of the Manifestation of All Physical Forms."

When this chapter on the comings and goings of the Bodhisattva Wondrous Sound had been spoken, forty-two thousand gods obtained the patience with the non-production of Dharmas. The Bodhisattva Flower Virtue obtained the Dharma Flower Samadhi.

२३ गद्गदस्वरपरिवर्तः।

अथ खलु भगवान् शाक्यमुनिस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धस्तस्यां
 वेलायां महापुरुषलक्षणाद् भूविवरान्तरादूर्णाकोशात् प्रभां प्रमुमोच,
 यया प्रभया पूर्वस्यां दिशि अष्टादशगङ्गानदीवालिकासमानि
 बुद्धक्षेत्रकोटीनयुतशतसहस्राणि आभया स्फुटान्यभूवन्। तानि च
 अष्टादशगङ्गानदीवालिकासमानि बुद्धक्षेत्रकोटीनयुतशतसहस्राण्यतिक्रम्य
 वैरोचनरश्मिप्रतिमण्डिता नाम लोकधातुः, तत्र
 कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञो नाम तथागतोऽर्हन्
 सम्यक्संबुद्धस्तिष्ठति ध्रियते यापयति विपुलेनायुष्प्रमाणेन। विपुलेन
 बोधिसत्त्वसंघेन सार्धं परिवृतः पुरस्कृतो धर्मं देशयति स्म। अथ खलु
 या भगवता शाक्यमुनिना तथागतेनार्हता सम्यक्संबुद्धेनोर्णाकोशात्

प्रभा प्रमुक्ताः, सा तस्यां वेलायां वैरोचनरश्मिप्रतिमण्डितां लोकधातुं
महत्या आभया स्फुरति स्म। तस्यां खलु
पुनर्वैरोचनरश्मिप्रतिमण्डितायां लोकधातौ गद्गदस्वरो नाम बोधिसत्त्वो
महासत्त्वः प्रतिवसति स्म अवरोपितकुशलमूलः। दृष्टपूर्वाश्च तेन बहूनां
तथागतानामर्हतां सम्यक्संबुद्धानामेवंरूपा रश्म्यवभासाः।

बहुसमाधिप्रतिलब्धश्च स गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वः। तद्यथा
ध्वजाग्रकेयूरसमाधिप्रतिलब्धः सद्धर्मपुण्डरीकसमाधिप्रतिलब्धो
विमलदत्तसमाधिप्रतिलब्धो नक्षत्रराजविक्रीडितसमाधिप्रतिलब्धः
अनिलम्भसमाधिप्रतिलब्धो ज्ञानमुद्रासमाधिप्रतिलब्धः
चन्द्रप्रदीपसमाधिप्रतिलब्धः सर्वरुतकौशल्यसमाधिप्रतिलब्धः
सर्वपुण्यसमुच्चयसमाधिप्रतिलब्धः प्रसादवतीसमाधिप्रतिलब्धः

ऋद्धिविक्रीडितसमाधिप्रतिलब्धो ज्ञानोल्कासमाधिप्रतिलब्धो

व्यूहराजसमाधिप्रतिलब्धो विमलप्रभाससमाधिप्रतिलब्धो

विमलगर्भसमाधिप्रतिलब्धोऽप्लवङ्गसमाधिप्रतिलब्धः सूर्यावर्तसमाधिप्रतिलब्धः।

पेयालं यावद् गङ्गानदीवालिकोपमसमाधिकोटीनयुतशतसहस्रप्रतिलब्धो

गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वः। तस्य खलु पुनर्गद्गदस्वरस्य

बोधिसत्त्वस्य महासत्त्वस्य सा प्रभा काये निपतिताभूत्। अथ खलु

गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्व उत्थायासनादेकांसमुत्तरासङ्गं कृत्वा

दक्षिणं जानुमण्डलं पृथिव्यां प्रतिष्ठाप्य येन भगवांस्तेनाञ्जलिं

प्रणाम्य तं भगवन्तं कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञं

तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धमेतदवोचत्-गमिष्याम्यहं भगवंस्तां सहां

लोकधातुं तं भगवन्तं शाक्यमुनिं तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धं

दर्शनाय वन्दनाय पर्युपासनाय, तं च मञ्जुश्रियं कुमारभूतं दर्शनाय,
तं च भैषज्यराजं बोधिसत्त्वं दर्शनाय, तं च प्रदानशूरं बोधिसत्त्वं
दर्शनाय, तं च नक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञं बोधिसत्त्वं दर्शनाय, तं
च विशिष्टचारित्रं बोधिसत्त्वं दर्शनाय, तं च व्यूहराजं बोधिसत्त्वं
दर्शनाय, तं च भैषज्यराजसमुद्रतं बोधिसत्त्वं दर्शनाय॥

अथ खलु भगवान् कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञस्तथागतोऽर्हन्
सम्यक्संबुद्धस्तं गद्गदस्वरं बोधिसत्त्वं महासत्त्वमेतदवोचत्-न ब्रूया
कुलपुत्र तस्यां सहायां लोकधातौ गत्वा हीनसंज्ञोत्पादयितव्या। सा
खलु पुनः कुलपुत्र लोकधातुरुत्कूलनिकूलामृन्मयी
कालपर्वताकीर्णा गूथोडिल्लपरिपूर्णा। स च भगवान्
शाक्यमुनिस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धो हस्वकायः, ते च बोधिसत्त्वा

ह्रस्वकायाः। तव च कुलपुत्र द्वाचत्वारिंशदोजनशतसहस्राण्यात्मभावप्रतिलाभः।
मम च कुलपुत्र अष्टषष्टियोजनशतसहस्राण्यात्मभावप्रतिलाभः। त्वं
च कुलपुत्र प्रासादिको दर्शनीयोऽभिरूपः, परमशुभवर्णपुष्करतया
समन्वागतः, पुण्यशतसहस्रातिरेकलक्ष्मीकः। तस्मात्तर्हि कुलपुत्र
तां सहां लोकधातुं गत्वा मा हीनसंज्ञामुत्पादयिष्यसि तथागते च
बोधिसत्त्वेषु च तस्मिंश्च बुद्धक्षेत्रे॥

एवमुक्ते गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वस्तं भगवन्तं
कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञं तथागतमर्हन्तं
सम्यक्संबुद्धमेतदवोचत्-तथाहं भगवन् करिष्ये, यथा तथागत
आज्ञापयति। गमिष्याम्यहं भगवंस्तां सहां लोकधातुं
तथागताधिष्ठानेन तथागतबलाधानेन तथागतविक्रीडितेन

तथागतव्यूहेन तथागताभ्युद्गतज्ञानेन। अथ खलु गद्गदस्वरौ
 बोधिसत्त्वो महासत्त्वस्तस्यां वेलायामनुच्चलित एव तस्माद्
 बुद्धक्षेत्रादनुत्थितश्चैव तस्मादासनात् तथारूपं समाधिं समापद्यते
 स्म, यस्य समाधेः समनन्तरसमापन्नस्य गद्गदस्वरस्य बोधिसत्त्वस्य
 अथ तावदेवेह सहायां लोकधातौ गृध्रकूटे पर्वते तस्य
 तथागतधर्मासनस्य पुरस्ताच्चतुरशीतिपद्मकोटीनयुतशतसहस्राणि
 प्रादुर्भूतान्यभूवन् सुवर्णदण्डानि रुप्यपत्राणि पद्मकिंशुकवर्णानि
 संदृश्यन्ते स्म॥

अथ खलु मञ्जुश्रीः कुमारभूतस्तं पद्मव्यूहप्रादुर्भावं दृष्ट्वा भगवन्तं
 शाक्यमुनिं तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धमेतदवोचत्-कस्येदं भगवन्
 पूर्वनिमित्तं येनेमानि चतुरशीतिपद्मकोटीनयुतशतसहस्राणि

संदृश्यन्ते स्म सुवर्णदण्डानि रूप्यपत्राणि पद्मकिंशुकवर्णानि?
 एवमुक्ते भगवान् मञ्जुश्रियं कुमारभूतमेतदवोचत्-एष मञ्जुश्रीः
 पूर्वस्माद्दिग्भागाद्वैरोचनरश्मिप्रतिमण्डिताया लोकधातोस्तस्य
 भगवतः कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञस्य
 तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य बुद्धक्षेत्राद् गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो
 महासत्त्वश्चतुरशीतिबोधिसत्त्वकोटीनयुतशतसहस्रैः परिवृतः पुरस्कृत
 इमां सहां लोकधातुमागच्छति मम दर्शनाय वन्दनाय पर्युपासनाय,
 अस्य च सद्धर्मपुण्डरीकस्य धर्मपर्यायस्य श्रवणाय। अथ खलु
 मञ्जुश्रीः कुमारभूतो भगवन्तमेतदवोचत्-कस्तेन भगवन् कुलपुत्रेण
 कुशलसंभारः कृतः, येन स कुशलसंभारेण कृतेनोपचितेन अयं
 विशेषः प्रतिलब्धः? कतमस्मिंश्च भगवन् समाधौ स
 बोधिसत्त्वश्चरति? तं वयं भगवन् समाधिं शृणुयाम, तत्र य वयं

भगवन् समाधौ चरेम। तं च वयं भगवन् बोधिसत्त्वं महासत्त्वं
 पश्येम, कीदृशस्तस्य बोधिसत्त्वस्य वर्णः, कीदृग् रूपम्, कीदृग्
 लिङ्गम्, कीदृक् संस्थानम्, कोऽस्याचार इति। तत्साधु भगवन्
 करोतु तथागतस्तथारूपं निमित्तं येन निमित्तेन संचोदितः समानः
 स बोधिसत्त्वो महासत्त्व इमां सहां लोकधातुमागच्छेत्॥

अथ खलु भगवान् शाक्यमुनिस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धस्तं
 भगवन्तं प्रभूतरत्नं तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धं
 परिनिर्वृतमेतदवोचत्-करोतु भगवांस्तथारूपं निमित्तं येन गद्गदस्वरं
 बोधिसत्त्वो महासत्त्व इमां सहां लोकधातुमागच्छेत्। अथ खलु
 भगवान् प्रभूतरत्नस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धः परिनिर्वृतस्तस्यां
 वेलायां तथारूपं निमित्तं प्रादुश्चकारगद्गदस्वरस्य बोधिसत्त्वस्य

महासत्त्वस्य संचोदनार्थम्-आगच्छ कुलपुत्र इमां सहां
लोकधातुम्। अयं तु मञ्जुश्रीः कुमारभूतो दर्शनमभिनन्दति। अथ
खलु गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वस्तस्य भगवतः
कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञस्य तथागतस्यार्हतः
सम्यक्संबुद्धस्य पादौ शिरसाभिवन्द्य त्रिः प्रदक्षिणीकृत्य सार्धं
तैश्चतुरशीतिबोधिसत्त्वकोटीनयुतशतसहस्रैः परिवृतः पुरस्कृतस्तस्या
वैरोचनरश्मिप्रतिमण्डिताया लोकधातोरन्तर्हितः इमां सहां
लोकधातुमागच्छति स्म, प्रकम्पद्भिः क्षेत्रैः, प्रवर्षद्भिः पद्भैः,
प्रवाद्यमानैस्तूर्यकोटीनयुतशतसहस्रैः, नीलोत्पलपद्मनेत्रेण वदनेन,
सुवर्णवर्णेन कायेन, पुण्यशतसहस्रालंकृतेनात्मभावेन, श्रिया
जाज्वल्यमानः, तेजसा देदीप्यमानः, लक्षणेर्विचित्रितगात्रो
नारायणसंहननकायः। सप्तरत्नमयं कूटागारमभिरुह्य वैहायसे

सप्ततालमात्रेण बोधिसत्त्वगणपरिवृतः पुरस्कृत आगच्छति स्म।

स येनेयं सहा लोकधातुः, येन च गृध्रकूटः

पर्वतराजस्तेनोपसंक्रामत्। उपसंक्रम्य तस्मात् कूटागारादवतीर्य

शतसहस्रमूल्यं मुक्ताहारं गृहीत्वा येन भगवांस्तेनोपसंक्रामत्।

उपसंक्रम्य भगवतः पादौ शिरसाभिवन्द्य सप्तकृत्वाः प्रदक्षिणीकृत्य

तं मुक्ताहारं भगवतः पूजाकर्मणे निर्यातयामास। निर्यात्य च

भगवन्तमेतदवोचत्-कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञो

भगवांस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धो भगवतः परिपृच्छति

अल्पाबाधताम् आल्पतङ्कतां लघूत्थानतां यात्रां बलं

सुखसंस्पर्शविहारताम्। एवं च स भगवानवोचत्-कश्चित्ते भगवन्

क्षमणीयम्, कश्चिद् यापनीयम्, कश्चिद्धातवः प्रतिकुर्वन्ति, कश्चित्ते

सत्त्वाः स्वाकाराः सुवैनेयाः सुचिकित्साः, कश्चिच्छुचिकाया मा
 अतीव रागचरिताः, मा अतीव द्वेषचरिता मा अतीव मोहचरिता
 मा अतीव भगवन् सत्त्वा ईर्ष्यालुका मा मत्सरिणो मा अमातृज्ञा
 मा अपितृज्ञा मा अश्रामण्य मा अब्राह्मण्या मा मिथ्यादृष्टो मा
 अदान्तचित्ता मा अगुप्तेन्द्रियाः। कश्चित्ते भगवन् निहतमारप्रत्यर्थिका
 एते सत्त्वाः। कश्चिद् भगवन् प्रभूतरत्नस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धः
 परिनिर्वृतः इमां सहां लोकधातुमागतो धर्मश्रवणाय सत्तरत्नमये
 स्तूपे मध्यगतः। तं च भगवन्तं तथागतर्महन्तं सम्यक्संबुद्धं स
 भगवान् परिपृच्छति-कश्चिद्भगवंस्तस्य भगवतः प्रभूतरत्नस्य
 तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य क्षमणीयम्, कश्चिद् यापनीयम्,
 कश्चिद् भगवन् प्रभूतरत्नस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धश्चिरं स्थास्यति।
 वयमपि भगवंस्तस्य प्रभूतरत्नस्य तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य

धातुविग्रहं पश्येम। तत्साधु भगवान् दर्शयतु तथागतस्तस्य भगवतः
प्रभूतरत्नस्य तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य धातुविग्रहमिति॥

अथ खलु भगवान् शाक्यमुनिस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धस्तं
भगवन्तं प्रभूतरत्नं तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धं
परिनिर्वृतमेतदवोचत्-अयं भगवन् गद्गदस्वरं बोधिसत्त्वो महासत्त्वो
भगवन्तं प्रभूतरत्नं तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धं परिनिर्वृतं द्रष्टुकामः।
अथ खलु भगवान् प्रभूतरत्नस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धस्तं
गद्गदस्वरं बोधिसत्त्वं महासत्त्वमेतदवोचत्-साधु साधु कुलपुत्र, यत्र
हि नाम त्वं भगवन्तं शाक्यमुनिं तथागतमर्हन्तं सम्यक्संबुद्धं
द्रष्टुकामोऽभ्यागतः, इमं च सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं श्रावणाय
मञ्जुश्रियं च कुमारभूतं दर्शनायेति॥

अथ खलु पद्मश्रीर्बोधिसत्त्वो महासत्त्वो भगवन्तमेतदवोचत्-कीदृशं
 भगवन् गद्गदस्वरेण बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन पूर्वं
 कुशलमूलमवरोपितम्, कस्य वा तथागतस्यात्तिके? अथ खलु
 भगवान् शाक्यमुनिस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धः पद्मश्रियं बोधिसत्त्वं
 महासत्त्वमेतदवोचत्-भूतपूर्वं कुलपुत्र अतीतेऽध्वनि असंख्येये
 कल्पे असंख्येयतरे विपुले अप्रमेये अप्रमाणे यदासीत्। तेन
 कालेन तेन समयेन मेघदुन्दुभिस्त्वरराजो नाम तथागतोऽर्हन्
 सम्यक्संबुद्धो लोक उदपादि विद्याचरणसंपन्नः सुगतो
 लोकविदनुत्तरः पुरुषदम्यसारथिः शास्ता देवानां च मनुष्याणां च
 बुद्धो भगवान् सर्वरूपसंदर्शनायां लोकधातौ प्रियदर्शने कल्पे।
 तस्य खलु पुनः कुलपुत्र भगवतो मेघदुन्दुभिस्त्वरराजस्य
 तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य गद्गदस्वरेण बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन

तूर्यशतसहस्रप्रवादितेन द्वादशवर्षशतसहस्राणि पूजा कृताभूत्।
 सप्तरत्नमयानां च भाजनानां चतुरशीतिसहस्राणि दत्तान्यभूवन्। तत्र
 कुलपुत्र मेघदुन्दुभिस्वरराजस्य तथागतस्य प्रवचने गद्गदस्वरेण
 बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन द्वयमीदृशी श्रीः प्राप्ता। स्यात् खलु पुनस्ते
 कुलपुत्र काङ्क्षा वा विमतिर्वा विचिकित्सा वा-अन्यः स तेन कालेन
 तेन समयेन गद्गदस्वरो नाम बोधिसत्त्वो महासत्त्वोऽभूत्, येन सा
 तस्य भगवतो मेघदुन्दुभिस्वरराजस्य तथागतस्यार्हतः
 सम्यक्संबुद्धस्य पूजा कृता, तानि चतुरशीतिभाजनसहस्राणि
 दत्तानि? न खलु पुनस्ते कुलपुत्र एवं द्रष्टव्यम्। तत्कस्य हेतोः?
 अयमेव स कुलपुत्र गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वोऽभूत्, येन
 सा तस्य भगवतो मेघदुन्दुभिस्वरराजस्य तथागतस्यार्हतः
 सम्यक्संबुद्धस्य पूजा कृता, तानि चतुरशीतिभाजनसहस्राणि

दत्तानि। एवं बहुबुद्धपर्युपासितः कुलपुत्र गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो

महासत्त्वः बहुबुद्धशतसहस्रावरोपितकुशलमूलः कृतबुद्धपरिकर्मा।

दृष्टपूर्वाश्चानेन गद्गदस्वरेण बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन

गङ्गानदीवालिकासमा बुद्धा भगवन्तः। पश्यसि त्वं पद्मश्रीरेतं

गद्गदस्वरं बोधिसत्त्वं महासत्त्वम्? पद्मश्रीराह-पश्यामि भगवन्,

पश्यामि सुगत। भगवानाह-एष खलु पुनः पद्मश्रीर्गद्गदस्वरो

बोधिसत्त्वो महासत्त्वो बहुभी रूपैरिमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं

देशयति स्म। तद्यथा-क्वचिद् ब्रह्मरूपेण, क्वचिद् रूद्ररूपेण,

क्वचिच्छक्ररूपेण, क्वचिदीश्वररूपेण, क्वचित् सेनापतिरूपेण, क्वचिद्

वैश्रवणरूपेण, क्वचिच्चक्रवर्तिरूपेण, क्वचित् कोट्टराजरूपेण,

क्वचिच्छ्रेष्ठिरूपेण, क्वचिद् गृहपतिरूपेण, क्वचिन्नैगमरूपेण, क्वचिद्

ब्राह्मणरूपेण इमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं देशयति स्म। क्वचिद्
 भिक्षुरूपेण, क्वचिद् भिक्षुणीरूपेण, क्वचिदुपासकरूपेण,
 क्वचिदुपासिकारूपेण क्वचिच्छ्रेष्ठिभार्यारूपेण, क्वचिद्
 गृहपतिभार्यारूपेण, क्वचिन्नैगमभार्यारूपेण, क्वचिद्दारकरूपेण,
 क्वचिद्दारिकारूपेण, गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वः इमं
 सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं सत्त्वानां देशयति स्म। इयद्भिः कुलपुत्र
 रूपसंदर्शनैर्गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्व इमं सद्धर्मपुण्डरीकं
 धर्मपर्यायं सत्त्वानां देशयति स्म। यावत् केषांचिद् यक्षरूपेण
 गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्व इमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं
 सत्त्वानां देशयति स्म। केषांचित् सुररूपेण, केषांचिद् गरूडरूपेण,
 केषांचित् किन्नररूपेण, केषांचिन्महोरगरूपेण गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो
 महासत्त्व इमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं सत्त्वानां देशयति स्म।

यावन्निरयतिर्यग्योनियमलोकाक्षणोपपन्नानामपि सत्त्वानां गद्गदस्वरो
 बोधिसत्त्वो महासत्त्व इमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं देशयंस्त्राता
 भवति। यावदन्तःपुरमध्यगतानामपि सत्त्वानां गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो
 महासत्त्वः स्त्रीरूपमभिनिर्माय इमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं
 सत्त्वानां देशयति स्म। अस्यां सहायां लोकधातौ सत्त्वानां धर्मं
 देशयति स्म। त्राता खल्वपि पद्मश्रीर्गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वः
 सहायां लोकधातावुपपन्नानां सत्त्वानाम्। तस्यां च सहायां
 लोकधातावेव स गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्व इयद्ग्री
 रूपनिमित्तैरिमं सद्धर्मपुण्डरीकं धर्मपर्यायं सत्त्वानां देशयति। न
 चास्य सत्पुरुषस्य ऋद्धिहानिर्नापि प्रज्ञाहानिः। इयद्भिः कुलपुत्र
 ज्ञानावभासैर्गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वोऽस्यां सहायां
 लोकधातौ प्रज्ञायते। अन्येषु च गङ्गानदीवालिकासमेषु लोकधातुषु

बोधिसत्त्वैवेनेयानां सत्त्वानां बोधिसत्त्वरूपेण धर्मं देशयति।

श्रावकवैनेयानां सत्त्वानां श्रावकरूपेण धर्मं देशयति।

प्रत्येकबुद्धवैनेयानां सत्त्वानां प्रत्येकबुद्धरूपेण धर्मं देशयति।

तथागतवैनेयानां सत्त्वानां तथागतरूपेण धर्मं देशयति।

यावत्तथागतधातुवैनेयानां सत्त्वानां तथागतधातुं दर्शयति। यावत्

परिनिर्वाणवैनेयानां सत्त्वानां परिनिर्वृतमात्मानं दर्शयति। एवं

ज्ञानबलाधानप्राप्तः खलु पुनः पद्मश्रीर्गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो

महासत्त्वः॥

अथ खलु पद्मश्रीर्बोधिसत्त्वो महासत्त्वो भगवन्तमेतदवोचत्-

अवरोपितकुशलमूलोऽयं भगवन् गद्गदस्वरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वः।

कतम एष भगवन् समाधिर्यस्मिन् समाधाववस्थितेन गद्गदस्वरेण

बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन द्वयन्तः सत्त्वा विनीता इति? एवमुक्ते
 भगवान् शाक्यमुनिस्तथागतोऽर्हन् सम्यक्संबुद्धः पद्मश्रियं बोधिसत्त्वं
 महासत्त्वमेतदवोचत्- एष हि कुलपुत्र सर्वरूपसंदर्शनो नाम
 समाधिः। अस्मिन् समाधाववस्थितेन गद्गदस्वरेण बोधिसत्त्वेन
 महासत्त्वेन एवमप्रमेयः सत्त्वार्थः कृतः॥

अस्मिन् खलु पुनर्गद्गदस्वरपरिवर्ते निर्दिश्यमाने यानि गद्गदस्वरेण
 बोधिसत्त्वेन महासत्त्वेन सार्धं चतुरशीतिबोधिसत्त्वकोटीनयुतशतसहस्राणि
 इमां सहां लोकधातुमागतानि, सर्वेषां तेषां सर्वरूपसंदर्शनस्य
 समाधेः प्रतिलम्भोऽभूत्। अस्यां च सहायां लोकधातौ
 गणनासमतिक्रान्तानां बोधिसत्त्वानां महासत्त्वानां येषां
 सर्वरूपसंदर्शनस्य समाधेः प्रतिलम्भोऽभूत्॥

अथ खलु गद्गदस्वरौ बोधिसत्त्वो महासत्त्वो भगवतः
 शाक्यमुनेस्तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य तस्य च भगवतः
 प्रभूतरत्नस्य तथागतस्यार्हतः सम्यक्संबुद्धस्य धातुस्तूपे विपुलां
 विस्तीर्णा पूजां कृत्वा पुनरपि सप्तरत्नमये कूटागारेऽभिरुह्य
 प्रकम्पद्भिः क्षेत्रैः प्रवर्षद्भिः पद्मैः प्रवाद्यमानैस्तूर्यकोटीनयुतशतसहस्रैः
 सार्धं तैश्चतुरशीतिबोधिसत्त्वकोटीनयुतशतसहस्रैः परिवृतः पुरस्कृतः
 पुनरपि स्वं बुद्धक्षेत्रमभिगतः। समभिगम्य च तं भगवन्तं
 कमलदलविमलनक्षत्रराजसंकुसुमिताभिज्ञं तथागतमर्हन्तं
 सम्यक्संबुद्धमेतदवोचत्-कृतो मे भगवन् सहायां लोकधातौ
 सत्त्वार्थः। तस्य च भगवतः प्रभूतरत्नस्य तथागतस्यार्हतः
 सम्यक्संबुद्धस्य धातुस्तूपो दृष्टः वन्दितश्च। स च भगवान्
 शाक्यमुनिस्तथागतो दृष्टो वन्दितश्च। स च मञ्जुश्रीः कुमारभूतो

दृष्टः। स च भेषज्यराजो बोधिसत्त्वो महासत्त्वो वीर्यबलबेगप्राप्तः,
 स च प्रदानशूरो बोधिसत्त्वो महासत्त्वो दृष्टः। सर्वेषां च तेषां
 चतुरशीतिबोधिसत्त्वकोटीनयुतशतसहस्राणां सर्वरूपसंदर्शनस्य
 समाधेः प्रतिलम्भोऽभूत्॥

अस्मिन् खलु पुनर्गद्गदस्वरस्य बोधिसत्त्वस्य महासत्त्वस्य गमनागमनपरिवर्ते
 भाष्यमाणे द्वाचत्वारिंशतां बोधिसत्त्वसहस्राणामनुत्पत्तिकधर्मक्षान्तिप्रतिलम्भोऽभूत्।
 पद्मश्रियश्च बोधिसत्त्वस्य महासत्त्वस्य सद्धर्मपुण्डरीकस्य समाधेः
 प्रतिलम्भोऽभूत्॥

इति श्रीसद्धर्मपुण्डरीके धर्मपर्याये गद्गदस्वरपरिवर्तो नाम
 त्रयोविंशतिमः॥

23 GADGADASVARAPARIVARTAH

atha khalu bhagavān śākyamunistathāgato'rhan samyak-
 sambuddhastasyām velāyām mahāpuruṣalakṣaṇād
 bhrūvivarāntarādūrṇakośāt prabhām pramumoca, yayā
 prabhayā pūrvasyām diśi aṣṭādaśagaṅgā nadīvālikāsamāni
 buddhakṣetra koṭīnayutaśatasahasrāṇi ābhayā
 sphuṭānyabhūvan|

tāni ca aṣṭādaśagaṅgā nadīvālikāsamāni buddhakṣetra
 koṭīnayutaśata sahasrāṇyatikramya vairocana
 raśmipratimaṇḍitā nāma lokadhātuḥ, tatra kamaladala
 vimala nakṣatrarājasamkusumitābhijño nāma
 tathāgato'rhan samyaksambuddhastiṣṭhati dhriyate
 yāpayati vipulenāyuspramāṇena|

vipulena bodhisattvasaṃghena sārddham parivṛtaḥ
 puraskṛto dharmam deśayati sma|

atha khalu yā bhagavatā śākyamuninā tathāgatenārhatā
 samyaksambuddhenorṇakośāt prabhā pramuktāḥ, sā
 tasyām velāyām vairocana raśmipratimaṇḍitām

lokadhātum mahatyā ābhayā spharati sma|

tasyām khalu punarvairocanaśmipratimaṇḍitāyām
lokadhātu gadgadasvaro nāma bodhisattvo mahāsattvaḥ
prativasati sma avaropitakuśalamūlaḥ|

dr̥ṣṭapūrvāśca tena bahūnām tathāgatānāmarhatām
samyaksaṃbuddhānāmevaṃrūpā raśmyavabhāsāḥ|

bahusamādhipratilabdhaśca sa gadgadasvaro bodhisattvo
mahāsattvaḥ|

tadyathā dhvajā grakeyūra samādhi pratilabdhaḥ
saddharma puṇḍarīka samādhi pratilabdho vimaladatta
samādhi pratilabdho nakṣatrarājavikrīḍita samādhi
pratilabdhaḥ anilambha samādhi pratilabdho jñānamudrā
samādhi pratilabdhaḥ candra pradīpa samādhi
pratilabdhaḥ sarvarutakuśalya samādhi pratilabdhaḥ
sarva puṇyasamuccaya samādhi pratilabdhaḥ prasādatī
samādhi pratilabdhaḥ rddhivikrīḍita samādhi pratilabdho
jñānolkā samādhi pratilabdho vyūharāja samādhi
pratilabdho vimalaprabhāsa samādhi pratilabdho

vimalagarbha samādhi pratilabdho'pkṛtsna samādhi
pratilabdhaḥ sūryāvarta samādhi pratilabdhaḥ|

peyālaṃ yāvad gaṅgā nadīvālikopama samādhi
koṭīnayutaśatasahasrapratilabdho gadgadasvaro bodhisattvo
mahāsattvaḥ|

tasya khalu punargadgadasvarasya bodhisattvasya
mahāsattvasya sā prabhā kāye nipatitābhūt|

atha khalu gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattva
utthāyāsanādekāṃ samuttarāsaṅgaṃ kṛtvā dakṣiṇaṃ
jānumaṇḍalaṃ pṛthivyāṃ pratiṣṭhāpya yena
bhagavāṃstenāñjaliṃ praṇāmya taṃ bhagavantaṃ
kamaladala vimala nakṣatrarāja saṃkusumitābhijñāṃ
tathāgatamarhantaṃ samyaksambuddham etadavocat-
gamiṣyāmyahaṃ bhagavaṃstāṃ sahāṃ lokadhātum taṃ
bhagavantaṃ śākyamuniṃ tathāgataṃ arhantaṃ
samyaksambuddhaṃ darśanāya vandanāya paryupāsānāya,
taṃ ca mañjuśrīyaṃ kumārabhūtaṃ darśanāya, taṃ ca
bhaiṣajyarājaṃ bodhisattvaṃ darśanāya, taṃ ca
pradānaśūraṃ bodhisattvaṃ darśanāya, taṃ ca

nakṣatrarāja saṃkusumitābhijñāṃ bodhisattvaṃ darśanāya,
 taṃ ca viśiṣṭacāritraṃ bodhisattvaṃ darśanāya, taṃ ca
 vyūharājaṃ bodhisattvaṃ darśanāya, taṃ ca bhaiṣajyarāja
 samudgataṃ bodhisattvaṃ darśanāya||

atha khalu bhagavān kamaladala vimala nakṣatrarāja
 saṃkusumitābhijñāṃ tathāgato'rhan samyaksambuddhastam
 gadgadasvaram bodhisattvaṃ mahāsattvaṃ etadavocat-
 na tvayā kulaputra tasyāṃ sahāyāṃ lokadhātuṃ gatvā
 hīnasamjñā utpādayitavyā|

sā khalu punaḥ kulaputra lokadhātuṃ rutkūlani kūlāmṛṇmayī
 kālparvatākīṇā gūthoḍillaparipūrṇā|

sa ca bhagavān śākyamunistathāgato'rhan samyaksambuddho
 hrasvakāyaḥ, te ca bodhisattvā hrasvakāyāḥ|

tava ca kulaputra dvācatvāriṃśadyojana śatasaha
 srāṇyātmabhāva pratilābhah|

mama ca kulaputra aṣṭaṣaṣṭiyojana śatasahas
 rāṇyātmabhāva pratilābhah|

tvaṃ ca kulaputra prāsādiko darśanīyo'bhirūpaḥ, parama
śubhavarṇapuṣ karatayā samanvāgataḥ, puṇyaśata
sahasrātir ekalakṣmīkaḥ|

tasmāttarhi kulaputra tām sahām lokadhātum gatvā mā
hīnasaṃjñāmutpādayiṣyasi tathāgate ca bodhisattveṣu ca
tasmim śca buddhakṣetre||

evamukte gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvastam
bhagavantam kamala dalavimalanakṣatrarāja
saṃkusumitābhijñam tathāgatam arhan tam
samyaksambuddham etadavocat-tathāham bhagavan
kariṣye, yathā tathāgata ājñāpayati|

gamiṣyāmyaham bhagavaṃstām sahām lokadhātum
tathāgatādhiṣṭhānena tathāgatabalādhānena tathāgatavikrīḍitena
tathāgatavyūhena tathāgatābhyudgatajñānena|

atha khalu gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvastasyām
velāyāmanuccalita eva tasmād buddhakṣetra adanutthita
ścaiva tasmādāsanāt tathārūpaṃ samādhim samāpadyate
sma, yasya samādheḥ saman antara samāpannasya

gadgadasvarasya bodhisattvasya atha tāvadeveha sahāyām
 lokadhātau gr̥dhrakūṭe parvate tasya tathāgata
 dharmāsanasya purastāccaturaśītipadma koṭīnayuta
 śatasahasrāṇi prādurbhūtānyabhūvan suvarṇadaṇḍāni
 rupyapatrāṇi padma kiṃ śukarvaṇāni saṃdr̥śyante sma||

atha khalu mañjuśrīḥ kumārabhūtaṃ padmavyūha
 prādurbhāvaṃ dr̥ṣṭvā bhagavantaṃ śākyamuniṃ tathāgataṃ
 arhan taṃ samyaksaṃbuddham etadavocat-kasyedaṃ
 bhagavan pūrvanimittaṃ yenemāni caturaśītipadma
 koṭīnayuta śatasahasrāṇi saṃdr̥śyante sma
 suvarṇadaṇḍāni rūpyapatrāṇi padmakimśukavarṇāni?
 evamukte bhagavān mañjuśriyaṃ kumārabhūtaṃ etada
 vocat-eṣa mañjuśrīḥ pūrvasmād digbhāgād vairocana
 raśmi pratimaṇḍitāyā lokadhātostasya bhagavataḥ
 kamaladala vimalanakṣatararāja saṃkusumitābhijñasya
 tathāgatasyārhatāḥ samyaksaṃbuddhasya buddhakṣetrād
 gadgadasvaro bodhisatvo mahāsattva ścaturaśīti
 bodhisattva koṭīnayutaśatasahasraiḥ parivṛtaḥ puraskṛta
 imāṃ sahāṃ lokadhātu māgacchati mama darśanāya
 vandanāya paryupāsānāya, asya ca saddharma puṇḍarīkasya

dharma paryāyasya śravaṇāya|

atha khalu mañjuśrīḥ kumārabhūto bhagavantam etad
avocat-kastena bhagavan kulaputreṇa kuśala saṃbhāraḥ
kṛtaḥ, yena sa kuśala saṃbhāreṇa kṛtenopacitena ayam
viśeṣaḥ pratilabdhaḥ? katamasmiṃśca bhagavan samādhau
sa bodhisattvaścarati? taṃ vayaṃ bhagavan samādhim
śṇuyāma, tatra ya vayaṃ bhagavan samādhau carema|

taṃ ca vayaṃ bhagavan bodhisattvaṃ mahāsattvaṃ
paśyema, kīḍṛśastasya bodhisattvasya varṇaḥ, kīḍṛg
rūpaṃ, kīḍṛg liṅgaṃ, kīḍṛkū saṃsthānam, ko'syācāra iti|

tatsādhu bhagavan karotu tathāgatastathārūpaṃ nimittaṃ
yena nimittena saṃcoditaḥ samānaḥ sa bodhisattvo
mahāsattva imāṃ sahāṃ lokadhātumāgacchet||

atha khalu bhagavān śākyamunistathāgato'rhan
samyaksaṃbuddhastam bhagavantaṃ prabhūtaratnaṃ
tathāgatam arhan taṃ samyaksaṃbuddhaṃ parinirvṛtam
etad avocat-karotu bhagavāṃ stathārūpaṃ nimittaṃ yena
gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattva imāṃ sahāṃ

lokadhātumāgacchet|

atha khalu bhagavān prabhūtaratnastathāgato'rhan
samyaksambuddhaḥ parinirvṛtastasyām velāyām
tathārūpaṁ nimittaṁ prāduścakāragadgadasvarasya
bodhisattvasya mahāsattvasya saṁcodanārtham-āgaccha
kulaputra imāṁ sahāṁ lokadhātum|

ayaṁ tu mañjuśrīḥ kumārabhūto darśanamabhinandati|

atha khalu gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvastasya
bhagavataḥ kamaladala vimalanakṣatararāja
saṁkusumitābhijñasya tathāgatasyārghataḥ samyak-
sambuddhasya pādau śirasābhivandya triḥ
pradakṣiṇīkṛtya sārdham taiścaturaśīti bodhisattva
koṭīnayaśatasahasraiḥ parivṛtaḥ puraskṛtastasyā
vairocana raśmi pratimaṇḍitāyā lokadhātu arantarhitaḥ
imāṁ sahāṁ lokadhātumāgacchati sma, prakampadbhiḥ
kṣetraih, pravaraṣadbhiḥ padmaiḥ, pravādyamānaistūrya
koṭīnayaśatasahasraiḥ, nīlotpalapadmanetreṇa vadanena,
suvarṇa varṇena kāyena, puṇyaśatasaha srāmaṅkṛtenātmabhāvena,
śriyā jājvalyamānaḥ, tejasā dedīpyamānaḥ, lakṣaṇair

vicitritagātro nārāyaṇasaṃhananakāyah|

saptaratnamayaṃ kūṭāgāramabhiruhya vaihāyase
saptatālamātreṇa bodhisattva gaṇaparivṛtaḥ puraskṛta
āgacchati sma|

sa yeneyaṃ sahā lokadhātuḥ, yena ca gr̥dhrakūṭaḥ
parvatarājastenopasaṃkrāmat|

upasaṃkramya tasmāt kūṭāgārādavatīrya śatasaha
sramūlyaṃ muktāhāraṃ gr̥hītvā yena bhagavāṃs
tenopasaṃkrāmat|

upasaṃkramya bhagavataḥ pādaḥ śirasābhivandya
saptakṛtvāḥ pradakṣiṇīkṛtya taṃ muktāhāraṃ bhagavataḥ
pūjākarmaṇe niryātayāmāsa|

niryātya ca bhagavantam etad avocat-kamaladala
vimalanakṣatrarāja saṃkusumitābhijño bhagavāṃs
tathāgato'rhan samyaksambuddho bhagavataḥ paripṛcchati
alpābādhatām ālpaṭaṅkatām laghūthānatām yātrām
balaṃ sukhasaṃsparśavihāratām|

evam ca sa bhagavān avocat-kaccitte bhagavan
 kṣamaṇīyam, kaccid yāpanīyam, kaccid dhātavaḥ
 pratikurvanti, kaccitte sattvāḥ svākārāḥ suvaineयāḥ
 sucikitsāḥ, kaccicchucikāyā mā atīva rāgacaritāḥ, mā
 atīva dveṣacaritā mā atīva mohacaritā mā atīva bhagavan
 sattvā īrṣyālukā mā matsariṇo mā amātrjñā mā apitrjñā
 mā aśrāmaṇya mā abrahmaṇya mā mithyādrṣtyo mā
 adāntacittā mā aguptendriyāḥ|

kaccitte bhagavan nihamamārapratyarthikā ete sattvāḥ|

kaccid bhagavan prabhūtaratnas tathāgato'rhan
 samyaksambuddhaḥ parinirvṛtaḥ imāṃ sahām
 lokadhātumāgato dharma śravaṇāya saptaratnamaye
 stūpe madhyagataḥ|

taṃ ca bhagavantam tathāgatārhan taṃ
 samyaksambuddham sa bhagavān pariṇṛchati-kaccid
 bhagavaṃstasya bhagavataḥ prabhūtaratnasya
 tathāgatasyārhatāḥ samyaksambuddhasya kṣamaṇīyam,
 kaccid yāpanīyam, kaccid bhagavan prabhūtaratnas
 tathāgato'rhan samyaksambuddha ściraṃ sthāsyati|

vayamapi bhagavaṃstasya prabhūtaratnasya tathāgatasya
arhataḥ samyaksaṃbuddhasya dhātuvigrahaṃ paśyema|

tatsādhu bhagavān darśayatu tathāgatastasya bhagavataḥ
prabhūtaratnasya tathāgatasya arhataḥ samyak-
saṃbuddhasya dhātuvigrahamiti||

atha khalu bhagavān śākyamunis tathāgato'rhan
samyaksaṃbuddhastam bhagavantam prabhūtaratnam
tathāgatam arhantam samyaksaṃbuddham parinirvṛtam
etad avocat-ayam bhagavan gadgadasvaro bodhisattvo
mahāsattvo bhagavantam prabhūtaratnam tathāgatam
arhan tam samyaksaṃbuddham parinirvṛtam
draṣṭukāmaḥ|

atha khalu bhagavān prabhūtaratnas tathāgato'rhan
samyaksaṃbuddhastam gadgadasvaram bodhisattvam
mahāsattvam etad avocat-sādhu sādhu kulaputra, yatra hi
nāma tvam bhagavantam śākyamuniṃ tathāgatam
arhantam samyaksaṃbuddham draṣṭukāmo'bhyāgataḥ,
imam ca saddharmapuṇḍarīkam dharmaparyāya
śrāvaṇāya mañjuśriyam ca kumārabhūtam darśanāyeti||

atha khalu padmaśrīr bodhisattvo mahāsattvo
 bhagavantam etad avocat-kīdrśam bhagavan
 gadgadasvareṇa bodhisattvena mahāsattvena pūrvam
 kuśalamūlam avaropitam, kasya vā tathāgatasyāntike?
 atha khalu bhagavān śākyamunistathāgato'rhan
 samyaksambuddhaḥ padmaśriyam bodhisattvam
 mahāsattvam etad avocat-bhūtapūrvam kulaputra
 atīte'dhvani asaṃkhyeye kalpe asaṃkhyeyatare vipule
 aprameye apramāṇe yadāsīt|

tena kālena tena samayena meghadundubhisvararājo
 nāma tathāgato'rhan samyaksambuddho loka udapādi
 vidyācaraṇa sampannaḥ sugato lokavid anuttaraḥ puruṣa
 damya sārathiḥ śāstā devānām ca manuṣyāṇām ca buddho
 bhagavān sarvarūpa saṃdarśanāyām lokadhātau
 priyadarśane kalpe|

tasya khalu punaḥ kulaputra bhagavato meghadundubhi
 svararājasya tathāgatasyārhatāḥ samyaksambuddhasya
 gadgadasvareṇa bodhisattvena mahāsattvena
 tūryaśatasahasra pravāditena dvādaśavarśaśatasahasrāṇi

pūjā kṛtābhūt|

saptaratnamayānām ca bhājanānām caturaśītisahasrāṇi
dattānyabhūvan|

tatra kulaputra meghadundubhisvararājasya tathāgatasya
pravacane gadgadasvareṇa bodhisattvena mahāsattvena
iyamīdṛśī śrīḥ prāptā|

syāt khalu punaste kulaputra kāṅkṣā vā vimatirvā
vicikitsā vā-anyah sa tena kālena tena samayena
gadgadasvaro nāma bodhisattvo mahāsattvo'bhūt, yena sā
tasya bhagavato meghadundubhi svararājasya
tathāgatasyārghataḥ samyaksambuddhasya pūjā kṛtā, tāni
caturaśītibhājanasahasrāṇi dattāni? na khalu punaste
kulaputra evaṃ draṣṭavyam|

tatkasya hetoḥ? ayameva sa kulaputra gadgadasvaro
bodhisattvo mahāsattvo'bhūt, yena sā tasya bhagavato
meghadundubhi svararājasya tathāgatasyārghataḥ samyak-
sambuddhasya pūjā kṛtā, tāni caturaśītibhājanasahasrāṇi
dattāni|

evam bahubuddha paryupāsitaḥ kulaputra gadgadasvaro
 bodhisattvo mahāsattvaḥ bahubuddha śatasaha
 srāvaropita kuśalamūlaḥ kṛtabuddha parikarmā|

dr̥ṣṭapūrvāścānena gadgadasvareṇa bodhisattvena
 mahāsattvena gaṅgā nadīvālikā samā buddhā
 bhagavantaḥ|

paśyasi tvaṃ padma śrīretaṃ gadgadasvaram
 bodhisattvaṃ mahāsattvam? padmaśrīrāha-paśyāmi
 bhagavan, paśyāmi sugata|

bhagavānāha-eṣa khalu punaḥ padmaśrīrgadgadasvaro
 bodhisattvo mahāsattvo bahubhī rūpairimaṃ
 saddharmapuṇḍarīkaṃ dharmaparyāyaṃ deśayati sma|

tadyathā-kvacid brahmarūpeṇa, kvacid rūdrarūpeṇa,
 kvacic chakrarūpeṇa, kvacidīśvararūpeṇa, kvacit
 senāpatirūpeṇa, kvacid vaiśravaṇa rūpeṇa, kvacic
 cakravartirūpeṇa, kvacit koṭṭarāja rūpeṇa, kvacic chreṣṭhi
 rūpeṇa, kvacid gr̥hapati rūpeṇa, kvacin naigamarūpeṇa,
 kvacid brāhmaṇarūpeṇa imaṃ saddharmapuṇḍarīkaṃ

dharmaparyāyaṃ deśayati sma|

kvacid bhikṣurūpeṇa, kvacid bhikṣuṇīrūpeṇa, kvacid
upāsakarūpeṇa, kvacid upāsikārūpeṇa kvacic
chreṣṭhibhāryārūpeṇa, kvacid gṛhapatibhāryārūpeṇa,
kvacin naigamabhāryārūpeṇa, kvacid dāraakarūpeṇa,
kvaciddārikārūpeṇa, gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvaḥ
imaṃ saddharmapuṇḍarīkaṃ dharmaparyāyaṃ sattvānāṃ
deśayati sma|

iyadbhiḥ kulaputra rūpasamdarśanairgadgadasvaro
bodhisattvo mahāsattva imaṃ saddharma puṇḍarīkaṃ
dharma paryāyaṃ sattvānāṃ deśayati sma|

yāvat keśāṃcid yakṣarūpeṇa gadgadasvaro bodhisattvo
mahāsattva imaṃ saddharma puṇḍarīkaṃ dharma
paryāyaṃ sattvānāṃ deśayati sma|

keśāṃcit surarūpeṇa, keśāṃcid garūḍarūpeṇa, keśāṃcit
kinnararūpeṇa, keśāṃcinmahoragarūpeṇa gadgadasvaro
bodhisattvo mahāsattva imaṃ saddharmapuṇḍarīkaṃ
dharmaparyāyaṃ sattvānāṃ deśayati sma|

yāvan nirayatiryagyoniyamalokākṣaṇa upapannānāmapi
sattvānām gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattva imaṃ
saddharmapuṇḍarīkaṃ dharmaparyāyaṃ deśayaṃstrātā
bhavati|

yāvad antaḥpuramadhya gatānām api sattvānām
gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvaḥ strīrūpam
abhinirmāya ima saddharmapuṇḍarīkaṃ dharmaparyāyaṃ
sattvānām deśayati sma|

asyāṃ sahāyāṃ lokadhātau sattvānām dharmam deśayati
sma|

trātā khalvapi padmaśrīr gadgadasvaro bodhisattvo
mahāsattvaḥ sahāyāṃ lokadhātāvupapannānām
sattvānām|

tasyāṃ ca sahāyāṃ lokadhātāveva sa gadgadasvaro
bodhisattvo mahāsattva iyadbhī rūpanimittairimaṃ
saddharmapuṇḍarīkaṃ dharmaparyāyaṃ sattvānām
deśayati|

na cāsyā satpuruṣasya ṛddhihānirnāpi prajñāhāniḥ|

iyadbhiḥ kulaputra jñānāvabhāsair gadgadasvaro
 bodhisattvo mahāsattvo'syāṃ sahāyāṃ lokadhātau
 prajñāyate|

anyeṣu ca gaṅgānadīvālikāsameṣu lokadhātuṣu
 bodhisattvavaineyānāṃ sattvānāṃ bodhisattvarūpeṇa
 dharmam deśayati|

śrāvakavaineyānāṃ sattvānāṃ śrāvakarūpeṇa dharmam
 deśayati|

pratyekabuddha vaineyānāṃ sattvānāṃ pratyekabuddharūpeṇa
 dharmam deśayati|

tathāgatavaineyānāṃ sattvānāṃ tathāgatarūpeṇa
 dharmam deśayati|

yāvat tathāgatadhātu vaineyānāṃ sattvānāṃ tathāgatadhātum
 darśayati|

yāvat parinirvāṇa vaineyānāṃ sattvānāṃ parinirvṛtam
 ātmānam darśayati|

evam jñānabalādhānaprāptaḥ khalu punaḥ padmaśrīr

gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvaḥ||

atha khalu padmaśrīrbodhisattvo mahāsattvo
bhagavantam etad avocat-avaropita kuśalamūlo'yaṃ
bhagavan gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvaḥ|

katama eṣa bhagavan samādhīryasmin samādhāvavasthitenā
gadgadasvareṇa bodhisattvena mahāsattvena iyantaḥ
sattvā vinītā iti? evamukte bhagavān śākyamuniḥ
tathāgato'rhan samyak-saṃbuddhaḥ padmaśriyaṃ
bodhisattvaṃ mahāsattvaṃ etad avocat- eṣa hi kulaputra
sarvarūpa saṃdarśano nāma samādhīḥ|

asmin samādhāvavasthitenā gadgadasvareṇa bodhisattvena
mahāsattvena evaṃ aprameyaḥ sattvārthaḥ kṛtaḥ||

asmin khalu punar gadgadasvara parivarte nirdiśyamāne
yāni gadgadasvareṇa bodhisattvena mahāsattvena
sārdhaṃ caturaśīti bodhisattva koṭīnayutaśatasahasrāṇi
imāṃ sahāṃ lokadhātu māgatāni, sarveṣāṃ teṣāṃ
sarvarūpasamdarśanasya samādheḥ pratilambho'bhūti
asyāṃ ca sahāyāṃ lokadhātāu gaṇanāsam atikrāntānāṃ

bodhisattvānām mahāsattvānām yeṣām sarvarūpa
saṃdarśanasya samādheḥ pratilambho'bhūt||

atha khalu gadgadasvaro bodhisattvo mahāsattvo
bhagavataḥ śākyamunes tathāgatasya arhataḥ samyak-
saṃbuddhasya tasya ca bhagavataḥ prabhūtaratnasya
tathāgatasya arhataḥ samyaksambuddhasya dhātustūpe
vipulām vistīrṇām pūjām kṛtvā punarapi saptaratnamaye
kūṭāgāre'bhiruhya prakampadbhiḥ kṣetraiḥ pravarṣadbhiḥ
padmaiḥ pravādyamānaistūrya koṭīnayutaśatasahasraiḥ
sārdham taiścaturaśīti bodhisattva koṭīnayutaśatasahasraiḥ
parivṛtaḥ puraskṛtaḥ punarapi svam buddhakṣetram
abhigataḥ|

samabhigamya ca tam bhagavantam kamaladala
vimalanakṣatrarāja saṃkusumita abhijñam tathāgatam
arhantam samyaksambuddham etad avocat-kṛto me
bhagavan sahāyām lokadhātau sattvārthaḥ|

tasya ca bhagavataḥ prabhūtaratnasya tathāgatasyārhataḥ
samyaksambuddhasya dhātustūpo dṛṣṭaḥ vanditaśca|

sa ca bhagavān śākyamunistathāgato dṛṣṭo vanditaśca|

sa ca mañjuśrīḥ kumārabhūto dṛṣṭaḥ|

sa ca bhaiṣajyarājo bodhisattvo mahāsattvo vīrya
balabegaprāptaḥ, sa ca pradānaśūro bodhisattvo
mahāsattvo dṛṣṭaḥ|

sarveṣāṃ ca teṣāṃ caturaśīti bodhisattva
koṭīnayutaśatasahasrāṇāṃ sarvarūpasam darśanasya
samādheḥ pratilambho'bhūt||

asmin khalu punar gadgadasvarasya bodhisattvasya
mahāsattvasya gamanāgamanaparivarte bhāṣyamāṇe
dvācatvāriṃśatāṃ bodhisattva sahasrāṇāṃ anutpattika
dharma kṣānti pratilambho'bhūt|

padmaśriyaśca bodhisattvasya mahāsattvasya saddharma
puṇḍarīkasya samādheḥ pratilambho'bhūt||

iti śrīsad dharmapuṇḍarīke dharmaparyāye gadgadasvara
parivarto nāma trayaviṃśatimaḥ||

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Saddharmapūṇḍarīkasūtram, Buddhist Sanskrit Texts – No. 6, Published by The Mithila Institute of Post-Graduate Studies and Research in Sanskrit Learning Darbhanga, 1960.
2. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, No. 262, Diệu Tần, Cửu Ma La Thập, dịch, Đại chính 9.
3. Chánh Pháp Hoa Kinh, No. 263, Tây Tấn, Trúc Pháp Hộ, dịch, Đại chính 9.
4. Thiêm Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, No. 264, Tùy, Xà Na Quật Đa Cộng Cấp Đa, dịch, Đại chính 9.
5. Tát Đàm Phân Đà Lợi, No. 265, thất dịch, Đại chính 9.
6. Pháp Hoa Kinh Nghĩa Ký, No. 1715, Lương, Pháp Vân, soạn, Đại chính 33.
7. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa, No. 1716, Tùy, Trí Khải, thuyết, Đại chính 33.
8. Pháp Hoa Huyền Nghĩa Thích Tiêm, No. 1717, Đường, Tràm Nhiên, thuật, Đại chính 33.
9. Diệu Pháp Hoa Kinh Văn Cú, No. 1718, Tùy, Trí Khải, thuyết, Đại chính 34.

10. Pháp Hoa Huyền Luận, No. 1720, Tùy, Cát Tạng, soạn, Đại chính 34.
11. Pháp Hoa Tông Yếu, No. 1725, Tân La, Nguyên Hiếu, soạn, Đại chính 34.
12. Pháp Hoa Lược Sao, No. 2188, Nhật Bản, Minh Nhất, soạn, Đại chính 56.
13. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Ba Đề Xá, No. 1519, Đại Thừa Luận Sư, Bà Tẩu Bàn Đậu, Thích, Hậu Ngụy, Bồ Đề Lưu Chi Cộng Đàm Lâm Đẳng dịch, Đại chính 26.
14. Pháp Hoa Quốc Ngữ Kinh, Pháp Liên dịch sang chữ Nôm, năm 1848, in 1856.
15. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, dịch, Nxb Hồng Đức 2018.
16. Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa, Hám Sơn-Đức Thanh, Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch và giảng, Nxb Tôn Giáo 2007.
17. Kinh Pháp Hoa chính văn, Tỷ kheo Trí Quang, dịch, Nxb Văn hóa Sài Gòn, PL 2553.
18. Pháp Hoa Lược giải, Trí Quang, Nxb Hồng Đức, PL 2561.

19. Lược Giải Kinh Pháp Hoa, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Học Viện Phật Giáo Việt Nam 3003.
20. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Giải, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Nxb Tôn Giáo, 2003.
21. Sen Nở Trời Phương Ngoại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh, Nxb Lá Bối.
22. Lược Giải Kinh Pháp Hoa, Hòa thượng Thích Trí Quảng Nxb Tôn Giáo, 1999.
23. Pháp Hoa Tinh Yếu, Thích Thái Hòa, Nxb Hồng Đức, 2017.
24. The Lotus Of the True Law, Kern, The Sacred of the East.
25. The Lotus Scripture Essence, The New Text Ament of High Buddhism of Lichard 1900.
26. The Lotus of the Wonderful Law, Soohill, Kato, London 1930.

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN...

- 1/ Tay Buông Ráng Hồng - NXB Thời Đại - 2011
- 2/ Thanh Thoir Mọi Nẻo Đường Về - NXB Hồng Đức - 2012
- 3/ Nhân Duyên Học - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 4/ Miến Điện Mặt Trời Lên - NXB Phương Đông - 2013
- 5/ Đi Vào Bản Nguyên Tĩnh Độ - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 6/ Kinh Kim Cang Tam muội- NXB Hồng Đức - 2013
- 7/ Trường Ca Cho Em (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 8/ Tiếng Vọng Hải Triều - NXB Hồng Đức - 2014
- 9/ Như Dấu Chim Bay - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 10/ Phật Học Ứng Dụng - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 11/ Giác Mơ Tây Tạng - NXB Phương Đông - 2014

12/ Nguồn Sáng Vô Tận - NXB Hồng Đức - 2014

13/ Sương Động Ven Trời (Thor) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

14/ Yếu Chỉ Tu Tập Và Hành Đạo - NXB Phương Đông - 2015

15/ Trong Con Mắt Thiên Quán - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

16/ Trong Con Mắt Thiên Quán - NXB Hồng Đức - 2015
(tái bản)

17/ Khung Trời Vàng - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

18/ Kim Cang Bát Nhã - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2016

19/ Kim Cang Bát Nhã Trong Dòng Lịch Sử - NXB Hồng Đức - 2016

20/ Lời Ru Chạm Mặt Trời - NXB Hồng Đức - 2016

21/ Gió Đùa Reo Nắng Mới - NXB Hồng Đức - 2016

22/ Joyful Wind In New Sunlight - NXB Hồng Đức - 2016

23/ Lối Pháp Tinh Lòng Mê - NXB Hồng Đức - 2016

24/ Tình Như Cánh Hạc - NXB Hồng Đức - 2017

25/ Đường Mây (Thơ) - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2017

26/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Đức Phật - NXB Hồng Đức - 2017

27/ Niềm Tin Bất Hoại Đối với Chánh Pháp - NXB Hồng Đức - 2017

28/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Tăng - NXB Hồng Đức - 2017

29/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Thánh Giới - NXB Hồng Đức - 2017

30/ A-Hàm Tuyên Chú (Giới thiệu - Dịch - Chú giải) - NXB Hồng Đức - 2017

31/ Ứng Dụng Tứ Tật Đàn - NXB Hồng Đức - 2017

32/ Letting Go Of Rosy Clouds- NXB Hồng Đức - 2017

33/ Nói Với Cõi Người Ta - NXB Hồng Đức - 2017

34/ Pháp hoa Tinh Yếu - NXB Hồng Đức - 2017

- 35/ Phổ Môn Chú Giảng- NXB Hồng Đức - 2018
- 36/ Hương Giữa Gió Ngàn - NXB Hồng Đức - 2018
- 37/ Mở Lớn Con Đường - NXB Hồng Đức - 2018
- 38/ Giọt Nắng Ngàn Khơi - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2018
- 39/ Mây Trắng Hồi Đường Qua - NXB Hồng Đức - 2018
- 40/ Tình Phôi Trên Đá Trắng - NXB Hồng Đức - 2018
- 41/ Đôi Mắt Tình Xanh Biếc - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2018
- 42/ Tư Tưởng Duy Ma Cật Từ Một Góc Nhìn - NXB Hồng Đức - 2018
- 43/ Thanh Thoi Giữa Đôi Dòng - NXB Hồng Đức - 2018
- 44/ Hướng Đi Của Chúng Ta - NXB Hồng Đức - 2019
- 45/ Mây Gió Thong Dong - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019
- 46/ Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2019
- 47/ Hoa Nở Trong Vòng Tục Lụy - NXB Hồng Đức - 2019
- 48/ Xuân Và Thi Ca - NXB Hồng Đức - 2019
- 49/ Thi kệ Và Đại Nguyện Tịnh Độ - NXB Hồng Đức - 2019

50/ Chuyện Tấm Cám Trong Con Mắt Thiền - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019

51/ Tư Tưởng Thắng Man Sư Tử Hồng Từ Góc Nhìn Như-lai Tạng - NXB Hồng Đức - 2019.

52/ Niệm Phật Trong Thiền Quán - NXB Hồng Đức - 2020

53/ Con Đường Thực Nghiệm Tâm Linh - NXB Hồng Đức - 2020

54/ Lời Pháp Tiễn Đưa Người - NXB Hồng Đức - 2020

55/ Bước Chân Trên Mọi Nẻo Đường (Thơ) - NXB Tổng Hợp TPHCM - 2021

56/ Phật thuyết A-di-đà Kinh - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải - NXB Hồng Đức - 2021

57/ Chung một niềm vui - NXB Hồng Đức - 2021

58/ Một Thời làm Điệu - NXB Hồng Đức - 2022

59/ Những Viên Ngọc Quý - NXB Hồng Đức - 2022

60/ Tu Tập Tịnh Giới Và Pháp Môn Tịnh Độ - NXB Hồng Đức - 2022

61/ Đi Vào Pháp Giới Hoa Nghiêm - NXB Hồng Đức - 2022

62/ Ngọn Nền Vu Lan - NXB Hồng Đức - 2023

63/ Phật Giáo Và Những Không Gian - NXB Hồng Đức - 2023

64/ Mùa Xuân Của Chúng Ta - NXB Hồng Đức - 2024

65/ Kinh Chuyển Pháp Luân - NXB Thuận Hóa - 2024

Vi tính: Quảng Huệ, Nghiêm Minh

Chính tả: Tuệ Nguyên, Lan Anh

Bìa: Bảo Nguyên

Công ản: Nhuận Pháp Nguyên

BỒ TÁT DIỆU ÂM VÀ CON ĐƯỜNG HÀNH ĐỘNG

THÍCH THÁI HÒA

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65.Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

Điện thoại: 024.3 9260024

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

PHẠM THỊ MAI

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập: **LÝ BÁ TOÀN**

Biên tập:

Phan Thị Ngọc Minh

Đối tác liên kết:

TRẦN THỊ PHƯỢNG LIÊN

In 1.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Xí nghiệp in, văn phòng phẩm, bao bì FAHASA. Địa chỉ: Lô B26/II-B27/II Đường số 5 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM. Số XNĐKXB: 114-2025/CXBIPH/25-7/HĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025. Số QĐXB: 88/QĐ-NXBHĐ ký ngày 15 tháng 01 năm 2025. Mã số ISBN: 978-632-600-747-3. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.